TRI TÂN

SỐ MÙA XUÂN QUÍ MÙI

TRI-TÂN

NĂM THỨ BA — SỐ 81, 82

28 Janvier — 4 Février 1943

Số báo này bán kèm với phụ bản

Giá 1$00

Cùng các bạn

Bấy lâu Tri-Tân vẫn được các bạn gần xa thân yêu ủng-hộ. Nhất là trong số Xuân này, từ các nhà học-giả, văn-gia đến nghệ-sĩ trong suốt ba kỳ đều tỏ cảm-tình bằng cách cộng-tác rất chặt-chẽ. Bản chí xiết bao cảm động trước thịnh tình ấy. Tri-Tân chỉ tiếc rằng, vì trang báo có hạn, buộc lòng phải làm một việc bất đắc dĩ : hoặc có bài không đăng trọn được cả vào số Xuân, hoặc nhiều bài có giá-trị nhưng phải gác lại vì gửi đến muộn quá. Cho khổ tâm ấy, chắc các bạn cũng vui lòng lượng thứ cho.

Xuân còn dài. Tri-Tân sẽ lần lượt đăng dần những bài ấy (trừ khi vì một cớ riêng không đăng được) từ số tới, là số 83 ra ngày 18 Février 1943.

Hứa hẹn còn nhiều. Tri-Tân cùng các bạn cứ khăng-khít tay cầm tay, ngày lại ngày, xuân lại xuân, mạnh-bạo thẳng tiến trên đường văn-hóa.

Nhân dịp tân xuân, Tri-Tân xin kính chúc các bạn cộng-tác, các quí độc-giả và các bảo hiệu đăng quảng cáo đều được mọi sự như ý trong cảnh trường xuân.

TRI-TÂN

Ngày xuân ở ấp Na-quán

Mới khoảnh giang san, một túp tranh,
Về đây xa lánh bụi đô thành,
Xem hoa, đọc sách, đời thơ mộng,
Mặc kẻ bon chen chút lợi danh.

CHÚC-NHÂN

Năm Quý-vị đầu xuân cảm tác

Thần Hồng-tử qua chơi trên cõi Việt ;
Khách làng xuân, ai thấu-triệt lẽ kiền khôn ?
Tưởng chừng này nước, này non,
Vẫn khuôn Thanh-đế, vẫn hồn cố-nhân.
Mưa Sở, gió Tần năm bể rộng ;
Chồi Lê, gốc Lý một thành xuân.
Thi-gia sẵn bút thanh-tân,
Xuân-hứng mấy vần đề Quý-vị niên.

Phú đắc « Ngày xuân em hãy còn dài »

Chị nghảnh lại, trông về em lắm-lắm :
Cái xuân em còn xanh-thắm biết bao !
Hoa cười, ngọc thốt xinh sao !
Phận mai đang nhị, duyên đào đang tơ.
Bề kim-mã, ước vẻ-vang cho gánh hiếu ;
Mối giao-loan, mong trọn-vẹn với giây tình.
Vườn xuân, xuân vẫn tươi cành,
Trông ra nước biếc, non xanh, thẹn gì ?

Tùng-Vân NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC

XUÂN MỚI

Cỏ non xanh tận chân trời,
Cành lê trang điểm một vài bông hoa.
Lơ-thơ tơ liễu buông mành,
Con oanh học nói trên cành mỉa-mai.

(NGUYỄN DU)

Mỗi lần xuân đến, ta lại được một lần cảm thấy cái êm dịu, cái tươi mới ở mấy câu tả cảnh tuyệt diệu trong văn Kiều.

Phải, dưới làn bột mưa phơi-phới, trên tấm nhung xanh bằng-cỏ non mươn-mướt trải khắp mặt nội, mép đường, thấp-thoáng những tà áo đỏ xanh lượn theo chiều gió thơm nhẹ: còn thi vị gì bằng!

Bên dặm liễu lơ-thơ, lộp-cộp con ngựa bạch nện gót đều-đều, ung-dung ngồi trên yên, một tướng văn võ kiêm toàn, tay khẩu lỏng buông, cất giọng lãng ngâm mấy vần hùng tráng của Phạm-Ngũ-Lão: còn phong-nhã gì bằng!

Họa theo tiếng oanh díu-dít trên cành, giọng chim bồng thanh-thanh của mấy cô xuân nữ vang ra từ trái tim rạo-rực sôi-nổi vì cảnh huyên-hòa phấn-khởi của xuân: còn vui thú gì bằng!

« Xuân chẳng riêng ai, khắp mọi nhà... »

(TÚ XƯƠNG)

Vẫn biết xuân chẳng riêng ai, và trong giờ phút thiêng-liêng này, chúng tôi cùng các bạn, hòa theo một dịp, mừng đón cái khí tưng-bừng ấm-áp của dương-xuân bằng giọng ca giòn-giã, tiếng hát nhịp-nhàng. Nhưng, Phạm-Trọng-Yêm có nói: « Tiên thiên-hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên-hạ chi lạc nhi lạc », nghĩa là: buồn trước cái buồn của thiên-hạ, vui sau cái vui của thiên-hạ.

Trong khi chúng ta đón chào xuân mới, hương trà quện lẫn khói trầm, sắc sáng tươi của những đóa kim-cúc óng-ánh bên màu rực-rỡ của my-môn, mãn-quần, biết bao gia-đình phải bùi-ngùi trước cảnh tử-biệt sinh-ly hoặc vì cháy thành vạ lây, hoặc vì tai bay họa gió! Xa hơn nữa, biết bao người ở góc bể chân giời, vì giữ quyền sống mà phải uống sương, ăn tuyết, gội súng, tắm bom!

Thế thì trước khi vui cái vui của cảnh xuân ấm-cúng, êm-đềm, ta há lại không nên chia xẻ cái buồn với thiên-hạ?

Dầu vậy, không phải ta cứ thở vắn, than dài, thẫn-thờ, bự-dự, khoanh tay ngồi nhìn cái xuân hững-hờ lạng-lẽ trôi mà tự nhận là người biết chia buồn với thiên-hạ đâu.

TRI-TÂN

(Xem tiếp trang 11)

XUÂN trong thơ chữ HÁN...

XUÂN ĐẾN. Tôi xin hòa giọng cùng các bạn ngâm câu ca-dao này :

Một năm là mấy tháng xuân,
Một ngày là mấy giờ « dần » hỡi ai ?

Thế mới biết xuân là đáng qui, đáng ca-tụng, đáng thưởng-ngoạn.

Nhưng, nếu ta không chiều theo hoàn-cảnh, buông mình cho làn sóng vật-chất lôi cuốn, thì sẽ thưởng xuân bằng cách gì ?

Tôi xin giới-thiệu với các bạn mấy vần thơ xuân bằng chữ hán của một vị anh-hùng hoàng đế, để ta cùng nhau thưởng giám, họa may không phụ tấc bóng xuân quang đáng qui, đáng ca-tụng này.

Vua Trần Nhân-Tông (1279 — 1293), một tay cứu quốc đại anh-hùng, đã cùng tướng sĩ đời Trần hai lần chiến thắng quân Mông-cổ, dựng được võ-công oanh-liệt ở những năm Thiệu-bảo và Trùng-hưng.

Trong ngài, vừa là một chiến-sĩ anh-dũng, vừa là một nhà tôn-giáo cao-siêu, lại vừa là một thi-sĩ có chân tài.

Một ngày kia, nhân tiết xuân êm-ả, ngài cùng các quan tùy-tùng đi yết Chiêu-lăng là lăng vua Trần Thái-tông (1225-1258) để tỏ lòng ghi nhớ vị tiên-đế đã có những văn-trị võ công rực-rỡ ở đầu Trần. Công việc yết lăng này của nhà vua cũng tức như dân-gian ta, gặp tiết xuân, đi thanh minh tảo mộ vậy.

Trước những nghi-vệ thiên-tử, quạt ngà óng-ánh dưới bóng triều dương, cờ ngũ-hành, cờ bát quái sột-soạt rung-rinh trước làn gió mềm nhẹ, tán tía, tàn vàng, lỗ-bộ sơn thếp phản ánh xanh dịu của lá cây tàu cỏ giữa buổi xuân tươi, vua Trần Nhân xiết bao cảm-động trong cảnh thái-bình dưới trời Đại-Việt !

Càng nghe tiếng tơ cùng tiếng trúc nhịp-nhàng, nhạc thiều cùng nhạc quân xướng-

...CỦA MỘT BẬC ĐẠI ANH-HÙNG

HOA-BẰNG

họa, ngài càng vui-vẻ khi thấy văn võ bách quan từ thất-phẩm trở lên đều được đi hỗ-tụng. Đối cảnh sinh tình, ngài bất giác tứ thơ lai-láng, làm thành một bài « ngũ ngôn tuyệt cú » để kỷ-thuật cái ngày xuân đi yết Chiêu lăng ấy :

Trượng vệ thiên môn túc,
Y quan thất phẩm thông.
Bạch đầu quân-sĩ tại,
Vãng vãng thuyết Nguyên-phong.

—**Xuân nhật yết Chiêu-lang.**

仗衛千門肅
衣冠七品通
白頭軍士在
往往說元豐

Dịch :

Nghi-vệ bày răm-rắp,
Áo xiêm góp đủ đông.
Lính già phơ tóc bạc,
Thường kể chuyện Nguyên-phong.

Ta nên chú ý vào chữ « Nguyên-phong » ở câu kết. Nguyên-phong (1251-1258) ? Một niên-hiệu đời vua Trần-Thái-tông.

Muốn xưng-tụng công-đức của tổ-tiên, vua Trần Nhân — tác-giả bài thơ trên — khéo dùng ngòi bút gián-tiếp mà phô diễn một cách rất tài-tình : Trong đám quân-nhân theo hầu ngài đây có một vài người trán nhăn tóc bạc đã từng mục kích những cuộc thịnh-trị nên thơ và võ-công hiển-hách ở đời Nguyên-phong. Họ xầm-xì to nhỏ kể lại với nhau một vài mẩu chuyện rất hứng-thú :

— Cũng là mùa xuân, cũng giữa cảnh vật tươi cười phớn-phở trong chiếc áu vàng vững-chãi này, nhưng là mùa xuân nam nhâm-tí niên-hiệu Nguyên-phong thứ hai (1252), Thái-tông hoàng-đế gạt bỏ ra một bên những mùi rủ-quến của hương xuân nơi cung điện, những nét êm-dịu mê hồn của sắc xuân ở kinh đô ; từ-chối hết cả những cuộc thưởng xuân nồng-nàn say-sưa giữa cảnh phồn-ba hoa-lệ, ngài mạnh-bạo đứng dậy, thưởng xuân bằng những tiếng trống trận oai nghiêm, chơi xuân bằng những la cờ lệnh hùng-kiện, lên đường thân đánh Chiêm-thành...

— Ấy vì Chiêm-thành, thấy từ cuối đời Lý, nước ta suy-yếu, nên thường vẫn dùng những chiếc thuyền lanh lẹ, cướp-bóc cư-dân ở miền duyên-hải. Kịp khi vua Trần Thái lên ngôi, ngài đã sai sứ sang Chiêm hiểu-dụ, muốn vỗ-về họ bằng ân-đức. Nước Chiêm tuy hằng vào cống, nhưng lại cầu xin vua ta trả lại những chỗ đất cũ đã mất, mà lại có ý ngấp-nghé nom-dòm, nên ngài nổi giận, mới có cuộc thân-chinh ấy. Ròng-rã một nam trời, chắc ngài đã từng sống qua với quân-nhân những mẩu đời cơm lam, gối giáo, rốt cuộc tháng chạp nam ấy, ngài hát khúc khải-triền, đi về Thăng-long trong ánh sáng đắc-thắng vẻ vang rực-rỡ.

Ngoài câu chuyện bình Chiêm ở nam, Nguyên-phong

(*Xem tiếp trang 46*)

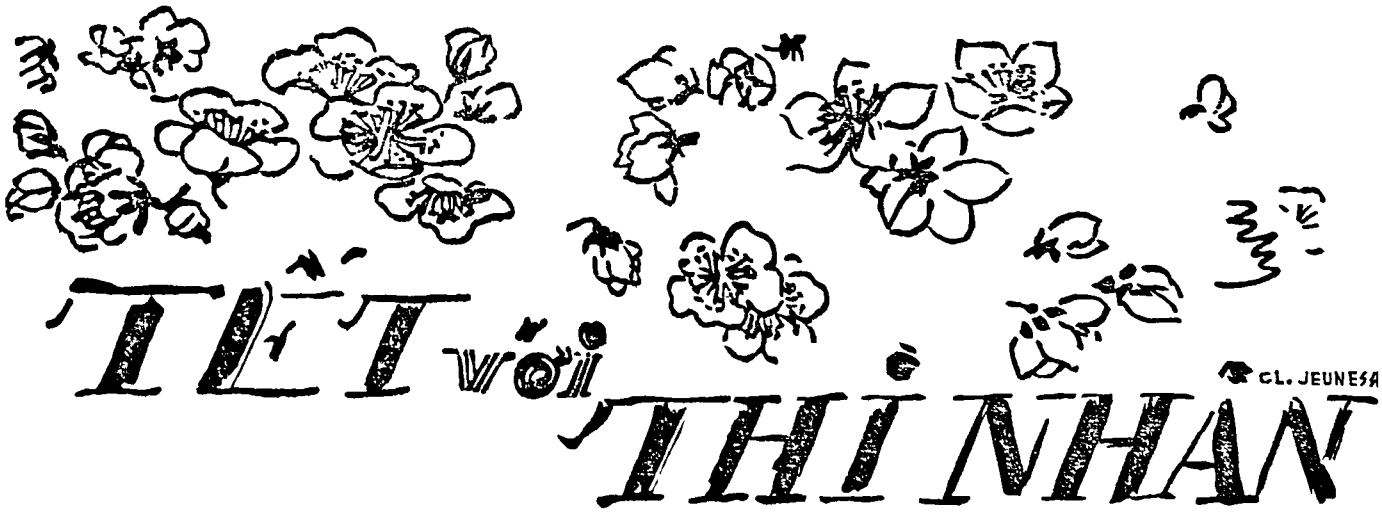

NHẬT-NHAM

CÁI TẾT của ta nay tuy đã kém vẻ thiêng-liêng thủa trước, nhưng cũng vẫn còn là một ngày mà dọc đến tên, ta tự-nhận thấy bao nhiêu cái mừng, cái lo, cái vui, cái sợ! Tết là những ngày đầu mùa xuân, nên trước làn gió xuân hây-hẩy, thi-nhân cũng thấy lòng mình hồi-hộp, sôi-nổi, tưng-bừng...

Mỗi khi vườn hồng hớn-hở đua cười, chim oanh dìu ran giọng hót, tao-nhân mặc khách ai chẳng cùng giang-sơn mở mặt với tân-xuân? ai chẳng giấy bút hương-hoa ngâm vịnh, tô-điểm cho màu-sắc của vũ-trụ? Vì vậy, thi-nhân đối với tết đã từng có lắm bài nhiều vần lưu-truyền cho tới ngày nay, cùng thọ với sông núi. Nay tuy không đủ tài theo gót cổ-nhân cũng xin đem thơ cổ-nhân làm thiên giai-thoại để cùng xuân cười cợt.

Hằng năm, gần đến ngày tết, theo cổ-tục di-truyền từ nghìn xưa, trong xã-hội ta, không ai bảo ai, dù giàu dù nghèo, từ nhà quyền-quý đến chốn thường-dân, ai ai cũng phải cham lo cho mấy ngày tết được đầy đủ. Ta hãy xem tiền-nhân ưa tết đến bực nào! Cụ Tam-nguyên Yên-đổ (1835-1909) đã làm đến Tổng-đốc, khi cáo-quan về, gặp ngày tết, làm thơ vui tết, ước được đến tết luôn luôn:

Năm ngoái, năm kia, đói miệng chết,
Năm nay, phong-lưu đã ra phết.
Thóc mùa, thóc chiêm, hãy còn nhiều,
Tiền nợ, tiền công, chưa trả hết.
Trong nhà rộn-rịp gói bánh chưng,
Ngoài cửa bì-bõ ru chung thịt.
Ta ước gì được mãi như thế,
Hễ hết tết rồi thời lại tết.

Công nợ chưa trả vội, thóc lúa hãy để lại, hãy cốt tết đã! Hãy rửa lá dong, gói bánh chưng, hãy rủ nhau chung thịt lợn, sắp-sửa tết, rồi việc gì sẽ hay! nợ để đấy! vì:

Nợ có chết ai đâu? Đòi mà chi? Trả mà chi?
Cha tết!
Trời để sống lâu mãi! Tiền cũng có! Bạc cũng có! Mẹ đời!

Ta cứ có lệ, một khi năm hết tết đến, cho là năm cùng tháng tận, cần phải đòi cho hết nợ, không cho chịu đến năm sau. Cho nên cứ đến 30 tết, khách nợ đến cửa nhà con nợ đòi hỏi om sòm. Trước cảnh-tượng ấy, cụ Thượng Trứ phát câu làm hai câu đối trên để mỉa đời! Câu là phải, vì người ta còn chạy ngược, chạy xuôi để lo tết, chưa chắc đã đủ, còn lấy đâu mà trả nợ? Nhà nghèo mà phải chạy tết thì cực thực! Mấy câu thơ của Tản-Đà tiên-sinh (1889-1939) đủ hình-dung được cái khổ chạy tết của nhà nghèo:

Ngoảnh đi, ngoảnh lại đã đến tết!
Ông đến độ này lại thật chết,
Trời cao đất thấp, vợ chưa về;
Thảng tận năm cùng, gạo cũng hết.
Cỗ bàn duy có ba ông công,
Xu kẽm cũng không một vầy hến.
Mà ra lúc quẫn, văn càng hay,
Lại được một bài thơ khóc tết.

II

Trời ôi! ôi tết ôi là tết!
Bác cũng còn hơn, tôi mới chết!
Gạo lẻ đã hết, nếp thời không,
Áo vợ rách tan, chồng cũng hết.

Con theo cạnh nách, mẻo mồi sò !
Nợ réo ầm tai, câm miệng hến.
Trời còn để sống đến trăm năm,
Lại mấy mươi bài thơ khóc tết.

Nhưng cái khổ lo tết cũng không thể làm giảm cái tư thơ của thi-nhân. Cho nên lo tết thì cứ lo, mà thơ cũng không thể không có. Chẳng thế, đến gần ngày tết, ông Tú Xương (1870 — 1907) đã phải tức cảnh một bài :

Nhập thế-cục bất khả vô văn tự.
Chang hay-ho cũng phải nghĩ một bài,
Huống chi đã đỗ tú-tài.
Ngày tết đến cũng phải một vài câu đối.

Đối rằng :

Tuyệt nhân-gian chi phẩm-giả,
Phong nguyệt tình hoài,
Tối thế thượng chi phong-lưu,
Giang-hồ khí-cốt.
Rồi : « Viết vào giấy dán ngay lên cột,
Hỏi mẹ mày rằng : « dốt hay hay ?»
— Rằng : « hay thì thật là hay,
Chẳng hay sao lại đỗ ngay tú-tài.
Xưa nay em vẫn chịu ngài. »

Gặp ngày tết, ông Tú Xương được một dịp phô-bày cái lòng trong-sạch, cái chí hiên-ngang của mình với chúa xuân ; nhưng chỉ mình biết mình :

Tuyệt nhân-gian chi phẩm giả,
Phong-nguyệt tình hoài !
Tối thế-thượng chi phong-lưu,
Giang-hồ khí cốt.

Ngoài ra thế-nhân mấy kẻ đã soi suốt được đáy lòng mình, để có thể lĩnh-hội được hết cái hay trong mấy câu ấy, nên buộc lòng phải :

Hỏi mẹ mày : « Rằng dốt hay hay ?

Bà Tú chắc không biết có hay thực hay không, nhưng thấy chồng mình đã đỗ được đến bực tú-tài, văn tất nhiên phải hay, « *chẳng hay sao lại đỗ ngay tú-tài* », và « *Xưa nay em vẫn chịu ngài* » là giỏi.

« Ngài » được vợ khen thế chắc phải tự-đắc ngồi rung đùi để vui-vẻ với ngày xuân.

Tết dù không được sung-túc, nhưng cũng phải có một vài đôi câu đối đỏ dán cửa :

Tết có gì ? cũng viết loài, viết soài cũng chữ hoài, dửng với họ, ra điều học-hiệc ;
Xuân thời chơi ! nào câu đối câu điếc, nào pháo phiếc, chán cho đời những sự tết-tung !

Chán cho đời mà lại lo cho mình nữa.

Xấp-xỉ ba mươi mốt tuổi đầu,
Trăm năm tình đôi hàn còn lâu.
Vì dù thì để làm quan lớn,
Thì cũng nho-nhoe cươi chị hầu.
Đặt nợ vẫn thường hay có trạch.
Bể kia nhiều lúc cũng trồng dâu.

« Bể dâu biến cải » là công lệ của tạo hóa. Một cái thân mình tuy có hi vọng « *đặt nợ vẫn thường hay có trạch* », nhưng còn phải tùy trời. Nghĩ như vậy, nên ông Tú-Xương càng buồn cho thân thế.

Bò ở một nơi con một nơi,
Bắm tay thang nữa hết năm rồi.
Văn-chương ngoại hạn quan không chấm,
Nhà cửa giao canh nợ phải bồi.
Tìn bạn hoa ra người thất thố,
Vì ai nên nỗi phải làm vôi.
Ba mươi mốt tuổi đà bao chốc,
Lạn suối trèo non đa mày hoi !

Nhưng lo thì lo, buồn thì buồn, đến chiều ba mươi tết cũng phải đủ :

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ,
Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh.

Mà đã đủ rồi thì cái lo, cái buồn cũng tiêu-tán, mà thi-nhân sẽ tự an-ủi :

Giàu sang có phận, đói no có Trời,
Ai ơi ! Chơi kẻo già đời.

Phải ! Gặp ngày xuân, chẳng vui cũng thiệt, chẳng chơi cũng già ! Qua đêm giao thừa sang mồng một, đã thấy đầy một vẻ xuân.

Tối ba mươi, nợ réo tỷ mùi, ấy mot tết !
Sáng mồng một, rượu tràn quỳ-tỵ, ái chà xuân !

Cảnh-vật đều nhuộm một màu-sắc tốt tươi, mới đẹp.

Khéo bảo nhau rằng mời với me,
Hễ ai mạc rách, chẳng ai nghe.
Khăn là bác nọ to tầy rế,
Váy lĩnh cô kia quét khắp hè.
Công-đức tu-hành sư có lọng,
Xu-hào đủng-đỉnh phỗng ngồi xe.
Chẳng phong-lưu cũng ba ngày tết,
Kiết-cú như ai cũng rượu chè.

Ông Tú-Xương tả cảnh người mình vui tết : Chẳng phong lưu, nhưng trong ba ngày tết, cũng không chịu mặc rách, cũng đủ khăn là, váy lĩnh. Dẫu kiết-cú đến đâu cũng có rượu chè để thưởng xuân, cũng phải chia vui cùng hoàn-cảnh. Mà không vui sao được, giữa một cái xã hội đương tung-bừng nô-nức về xuân :

(*Xem tiếp trang 41*

TẾT NĂM MẬU-THÌN (1868) Ở SÀI-GÒN

KHUÔNG-VIỆT

Lời bá cáo :

« Quan phó thủy-sư đô-đốc, toàn-quyền, thống-lãnh quân-đội,

Sức rằng :

Dân bổn-xứ và người Tàu được phép nghỉ việc ba ngày, từ 25 janvier tới 28, trong dịp sang năm mới theo âm lịch.

Sài-gòn, ngày 18 janvier 1868.

Phó thủy sư đô đốc, toàn quyền, thống lãnh quân đội.

De la Grandière ký » (1).

Lịnh trên truyền ra, dân-chúng rộn rịp lo sắm Tết. Châu-thành Sài-gòn trở nên náo-nhiệt khác thường. Trên các nẻo đường trải đá đỏ người quê kẻ chợ nô-nức bán buôn. Tại xóm « Cầu ông Lãnh », chạy dài theo rạch Bến-nghé (arroyo chinois) thương-thuyền đậu chen-chúc nhau chở đầy thổ-sản của « Lục tỉnh ». Từ nhà công lợp ngói đến nhà tranh vách đất, nhà nào cũng được dọn-dẹp sạch-sẽ, vén-khéo, có liễn đỏ chữ đen dán cột, câu đối hoành phi treo tường.

Tuy nhiên, riêng người hữu tâm và một số đông nhơn-dân ở ba tỉnh phía tây Nam-kỳ là Vĩnh-long, An-giang (Châu-đốc) và Hà-tiên, thì không còn lòng dạ nào vui vẻ đón xuân về. Nguyên-nhơn là họ chưa hết ngạc-nhiên về sự quân-đội Pháp chiếm-cứ thành-lũy ba tỉnh ấy trong những ngày 20-21-22 và 24 Juin 1867, và cái tang Phan Kinh-lược tử-tiết còn ràng-ràng trong trí óc họ (mồng nam tháng bảy nam Đinh mão, 4 Août 1867).

Đã vậy, mới bảy tháng trước đây, họ còn an sống với những phép-tắc, luật-lệ của Nam-triều, nay đột-ngột cả chánh-thể đều bị thay đổi, bảo sao không tránh khỏi lo âu vì bỡ-ngỡ ?

Trong khi đó, tại Kinh-thành Huế có cuộc đình-nghị đặng giải-quyết cái tình-thế gay-cấu ấy.

Kết-quả là quan Hiệp-biện đại học-sĩ, Công-bộ thượng-thơ Trần Tiễn-Thành được sung khâm-sai đại-thần cùng Bang-tá huyện Thành-hoá là Nguyễn Văn-Tường sung tùy-phái để vào Sài-gòn thương-thuyết lập một hòa-ước khác thay cho hòa-ước 5 Juin 1862 không còn giá-trị.

Ngày 24 tháng chạp năm Đinh-mão (18 Janvier 1868), chiếc tàu máy Việt-nam hiệu « Ville de Huế » (2) đời Kinh-đô chở sứ-bộ vào Sài-gòn.

Tám hôm sau, đúng ngày mồng một Tết năm Mậu-thìn (Tự-Đức XXI, 25 Janvier 1868), chiếc « Ville de Huế » tới cửa Cần-giờ (Cap Saint-Jacques) và vào sông Sài-gòn giữa buổi bình-minh của ngày đầu năm mới.

Cũng ngày đó, vào lúc tám giờ sáng, ở Sài-gòn, phó-thủy-sư đô-đốc De La Grandière đang tiếp quan-khách người Việt-Nam và người Tàu đến chúc mừng ngài trong dịp tân xuân. Ngài vui vẻ niềm-nở với mọi người và không ngớt lời nồng-chí, cám ơn những kẻ đã thật lòng cộng-tác với chánh-phủ trong công-việc kiến-thiết thuộc-địa Pháp ở Nam-kỳ. Ngài nhắc lại sự phát-đạt về thương-mại nhờ được tự-do giao-dịch với ngoại-quốc và những điều cố-gắng của nhà cầm quyền để bảo-tồn an-ninh, để truyền bá giáo-dục và nâng cao đời sống của người dân trong xứ.

Luôn dịp, đô-đốc cho các thân hào Nam-Hoa hay tin sứ-bộ của Nam triều sắp đến Sài-gòn để thương-lượng một hòa-ước vĩnh-viễn. Ngài tin rằng đó là một điềm lành cho năm mới và là một triệu-chứng tốt cho tương-lai của thuộc-địa.

Đến ba giờ chiều ngày mồng một Tết, tàu « Ville de Huế » cập bến Sài-gòn và trao đổi 17 phát súng chào với chiến-thuyền pháp « Duperré ».

Qua ngày mồng hai nhằm ngày chúa-nhựt, đô-đốc De La Grandière mời các quan trong sứ-bộ Việt-Nam dự tiệc tối và cuộc dạ-hội tại dinh ngài có đủ mặt các quan văn võ Pháp-Nam.

Vài ngày sau, lát đầu cuộc thương thuyết về hòa-ước mới.

Ngoài những giờ phút bận-rộn về chức-vụ, các quan ta cũng có những cuộc thưởng xuân giữa cảnh trời

(Xem tiếp trang 40)

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng mong chờ, cũng nên đọc dầu là, người mạnh, người hồi yếu, người bị lao.

BINH HO LAO

những phương pháp người lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao

của

Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hànoi : *Hiệu sách Đông-Tây 195 Hàng Bông*

Sa gon : *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourain.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng. Xin dạn trước nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

XEM THƠ

CÁCH-CHI

XEM những bài thơ Đường của Bách-Thảo-Sương Tiên-nữ đang trên tờ Tri-Tân, bài nào cũng thú, song thú nhất có lẽ là bài :

夜駕艨艟過遠州
滿天明月思悠悠
何時能遂平生志
一躍雄飛五大洲

Giạ giá mông-đồng quá Viễn châu.
Mãn thiên minh nguyệt tứ du du...
Hà thời năng toại bình sinh chí.
Nhất dược hùng phi ngũ đại châu ?

của Đại-chính Thiên-hoàng.

Đọc lên tưởng-tượng như mình đương đứng dưới « *mãn thiên minh-nguyệt* » mà cũng sinh ra « *tứ du du* ». Vậy cũng không hiềm nhời quê, thử dịch ra quốc âm :

Đêm cưỡi thuyền quân qua cửa Viễn,
Giời giăng vằng vặc, tứ bời-bời...
Bao giờ thỏa chí bình-sinh nhỉ :
Vượt khắp năm châu một chuyến chơi !

Đọc xong thơ người, đang trong lúc khởi hứng, lại nghĩ đến thơ nhà mà nhớ tới bài :

橫槊江山恰幾秋
三軍貔虎氣吞牛
男兒未了功名債
羞聽人間說武侯

Hoành sóc giang sơn cáp kỷ thu,
Tam quân tỳ hổ khí thôn ngưu !
Nam-nhi vị liễu công danh trái.
Tu thính nhân gian thuyết Võ-hầu.

của Phạm Ngũ-Lão, một bực danh tướng đời Trần ; và cũng xin dịch quấy-quá ra quốc âm :

Ngang giáo non sông trải mấy thâu,
Ba quân khí mạnh át mờ sao !
Nam-nhi nợ nước còn chưa giả,
Thẹn thấy người bàn chuyện Võ-hầu.

Hai bài thơ trên là loại thơ hùng, tả cái chí-khí dọc ngang của những bậc anh-hùng hào-kiệt, tuy cũng có đượm một vẻ buồn khi chí mình chưa thỏa. Có khác với bài thơ dưới này của người Tàu, đọc lên chỉ thấy cái cảm khái xuông của một kẻ nho-sĩ :

烟籠寒水月籠沙
夜泊秦淮近酒家
商女不知亡國恨
隔江猶唱後庭花

Yên lung hàn thủy, nguyệt lung sa.
Dạ bạc Tần hoài cận tửu gia.
Thương nữ bất tri vong quốc hận,
Cách giang do xướng Hậu-đình hoa.

của Đỗ-mục, thi-sĩ đời Đường. Xin tạm dịch :

Đêm giăng, thuyền ghé bến sông Tần,
Nước lạnh, sương phong, cát trắng ngần.
Cô lái chi hay hờn mất nước,
Bên sông còn hát khúc vua Trần.

Rõ là lạnh-lẽo ! Đọc lên, cảm thấy buốt thấu xương. Tuy cũng có giang, mà giăng chỉ thấy sáng một cách thờ-ơ trên cát. Có lẽ thi-sĩ cũng thấy lạnh-lùng nên mới ghé thuyền « cận tửu gia », song vì rượu chưa uống nên lòng chưa ấm, lòng chưa ấm, nên thơ mới lạnh, chăng ? Muốn cho bài thơ này toàn một vẻ lạnh-lùng, nên dịch-giả xin tạm bỏ ba chữ « cận tửu gia », không cho vào bản dịch.

Đem so hai bài thơ của Đỗ-Mục và Phạm Ngũ-Lão, ta còn thấy rằng Phạm Ngũ Lão thì đem cái nợ nước (công danh trai) trách ở nam-nhi, mà Đỗ-Mục thì đem cái hờn mất nước buộc ở thương nữ. Bài thơ thứ ba này có thể ghép vào loại vong quốc âm được.

***

Từ xem thơ đến dịch thơ, rồi lại từ dịch thơ đến làm thơ, vì cảm ba chữ « tứ du du » mà nảy ra bài thơ sau này. Tác-giả không có ý dam đem so-sánh với ba bài thơ trên của cổ nhân, song một khi cái thi tứ đã bời bời, thì cũng chẳng được đừng mà chép ra đây, gọi là có cái hay thì cũng có cả cái dở nữa.

Trưng Vương

Nước mất, nhà tan, hận bạc đầu,
Râu mày sau trước co ai đâu.
Ra tay một sơm yên đàn Việt,
Vững chí ba thu cản giặc Tàu.
Độc lập xây nền Hồng Lạc cũ,
Quạt-cường mở lối Lý, Trần sau.
Hồ đơn khôn chống đàn hồ dữ :
Giòng Hát dài trôi vạn cổ sầu !

CÁCH-CHI

Muốn làm giàu, mua vé số

Dông-Phap

1p.00 một vé

XUÂN CỦA NGUYỄN-DU

ĐÀO-DUY-ANH

Quỳnh hải nguyên tiêu

Nguyên dạ không đình nguyệt man thiên,
Y y bất cai cựu thuyền quyên.
Nhat thiên xuân tứ thủy gia lạc,
Vạn lý Quỳnh-châu thử dạ viên.
Hồng-lĩnh vô gia huynh đệ tán,
Bạch đầu da hận tuế thời thiên.
Cùng đồ lân nhữ dao tương kiến,
Hải giac thiên nha tam thập niên.

琼海元宵

元夜空庭月滿天
依依不改舊嬋娟
一天春思誰家落
萬里琼州此夜圓
鴻嶺無家兄弟散
白頭多恨歲時遷
窮途憐汝遥相見
海角天涯三十年

Xuân tiêu lữ thứ

Tiêu tiêu bồng mấn lão phong trần,
Ám lý thiên kinh vật hậu tân.
Trì thảo vị lan thiên lý mộng,
Mai đình dĩ hoàn nhất niên xuân.
Anh hùng tâm sự hoang tri sinh;
Danh lợi trường trung lũy tiêu-tần.
Nhân tự tiêu điều xuân tự hao,
Viên-thanh thành hạ nhật triêm can.

春宵旅次

蕭蕭蓬髮老風塵
暗裡偏驚物候新
池草未闌千里夢
梅庭已換一年春
英雄心事荒馳騁
名利場中累笑顰
人自蕭條春自好
圓城城下一霑巾

Thiên hạ mừng xuân. Trong không khí vui mừng chung, nhìn hoa mai nở, nghe tiếng pháo ran, ai lại không khuấy quên hết những nỗi ưu sầu đau đớn! Song giữa cảnh vui mừng chung ấy, ta quên sao được những kẻ mà số phận và hoàn cảnh không cho được cùng vui với thiên hạ, những kẻ hiện bây giờ đương lặn lội ở giữa tuyết và bùn để chiến đấu mà giữ lấy quyền sống của mình, những kẻ bôn bá ở chân trời góc biển, những kẻ lưu-lạc ở đất khách quê người, những kẻ lẩn-lút ở ngõ hẻm hang cùng, những kẻ đọa đầy ở rừng xanh núi thẳm, những kẻ, cũng như tác-giả hai bài thơ trên kia, không hề biết Tết là vui, không hề biết xuân là đẹp. Tôi chép lại hai bài thơ ấy và nhắc lại mối xuân cảm của Nguyễn-Du để tặng những người xấu số kia, cũng là một cách bày tỏ cảm tình với mùa xuân vậy.

Sau khi cuộc Cần-vương để khôi phục nhà Lê thất bại, Nguyễn-Du phải trốn tránh ẩn-náu ở quê vợ tại huyện Quỳnh-côi (thuộc tỉnh Thái-bình ngày nay). Theo *Thanh-hiên thi-tập* thì tiên-sinh lưu lạc ở miền ấy — nay đây mai đó, không ở nhất định một chỗ — đến hơn mười năm, trước khi về ẩn ở quê nhà tại Hiên-điền. Ta xem bài thơ « *Quỳnh-hải nguyên tiêu* ». (Đêm rằm tháng giêng ở Quỳnh-côi), ta thấy mối cảm khái đau đớn của một người anh hùng mạt lộ giữa một đêm vui đẹp của tiết xuân. Nửa bài trên nói cái cảnh đêm trang xinh đẹp đầm ấm. Nửa bài dưới nói cái tình quạnh quẽ và chán-nản của tiên-sinh.

Trong tiết xuân, ở xung quanh thiên hạ đều vui vẻ, sum vầy, cho đến cảnh vật cũng đoàn viên, thế mà tiên sinh thì cô đơn ở nơi xa lạ. Tiên sinh nhớ đến gia-đình và quê hương. Nhưng ở Hồng-lĩnh thì trải qua cuộc biến loạn, cửa nhà đã tan nát, mà anh em tiên sinh, những người đều có dự vào cuộc Cần-vương, cũng đều lưu lạc mỗi người mỗi nơi.

Bấy giờ tiên sinh mới ba mươi tuổi là cái tuổi đương còn chứa chan hy vọng được. Thế mà những mối lo lắng và những nỗi vất vả đã khiến đầu tiên sinh bạc hết. Hoài bão chưa đạt, công nghiệp chưa thành, thế mà đầu đã bạc, tỏ rằng tuổi một ngày một cao, sức một ngày một suy, thế thì ngày xuân đã không làm cho tiên sinh vui vẻ mà lại khiến tiên sinh phải sợ hãi tức tối về nỗi thì giờ thấm thoát quá mau.

Tiên sinh có cảm tưởng chán

nản, thấy mình như đã đến cùng đồ, và nhớ các anh em mình cũng cùng một cảnh ngộ và tâm sự, nhưng cùng trông nhau mà chẳng thấy nhau.

Đó là xuân của Nguyễn-Du một năm nọ, trong khi tiên-sinh trôi dạt ở Quỳnh-côi.

***

Ta biết rằng Nguyễn-Du về ẩn ở quê nhà được ít năm thì bị triều Nguyễn triệu ra, thế không từ chối được, tiên sinh phải ra nhận một chức quan của Triều-đình mới. Nhưng lòng tiên-sinh vẫn chỉ biết có nhà Lê, cho nên dẫu làm quan mà tiên-sinh không lấy làm vinh, làm thỏa.

Xem *Thanh-hiên thi-tập* ta thấy rõ cái tâm sự làm quan miễn cưỡng của tiên-sinh. Nhưng xem bài « *Xuân tiêu lữ thứ* » (Đêm xuân ở đất khách), thì ta cũng đã thấy được cái nông nỗi oái oăm của tiên-sinh là thế nào rồi.

Bấy giờ tiên-sinh đương làm quan ở Viên-thành (huyện Phù-dung hay là phủ Thường tín?), thế mà vẫn tự cho mình già đời ở trong cuộc phong trần. Nay gặp tiết xuân, cảnh vật đều đổi mới, thế mà tự phần mình thì không có cái gì mới mẻ xinh tươi cả — chỉ vẫn một mối chán nản như cũ — cho nên xuân tới tiên-sinh cũng chỉ thấy là thì giờ đi chóng mà sợ. Cái mộng « nghìn dặm » — mộng gia hương hay mộng vua Lê? — cảnh sắc mùa xuân cũng không thể làm cho tiên-sinh nguôi được. Nó lại càng làm cho cái tâm sự của kẻ anh-hùng — mạt lộ — càng bôi rối thêm. Tiên-sinh nhớ đến cái thân mình bấy giờ đương ở trong trường danh lợi là chỗ tiên-sinh đã phải bao phen cười khóc, rồi bất giác, nước mắt chảy ướt cả khăn. Cảnh xuân của tạo hoá vẫn vui vẻ xanh tươi, thế mà người buồn là tự lòng người buồn vậy.

Đó là xuân của Nguyễn-Du khi làm quan ở Bắc-kỳ.

Đương khi chúng ta có thể dễ dàng bị cái triều lưu vui xuân vật chất — rượu chè, cờ bạc — nó lôi cuốn đi, tôi nhắc lại mối cảm xuân của Nguyễn-Du tiên-sinh và nhớ đến những người không được vui xuân, tưởng đó cũng là một điều trái ngược cần phải có.

ĐÀO-DUY-ANH

Còn có việc xã-hội gì nên làm bằng việc giúp HỘI TRUYỀN BÁ QUỐC NGỮ để dạy cho hết thảy đồng bào biết đọc và biết viết tiếng nước nhà, dạy cho họ những điều cần-thiết của sự sống hàng ngày.

Mua vui một cách thanh nhã trong dịp đầu xuân, xin đọc :

THĂNG KÌNH

Tiểu thuyết giáo dục của **Nguyễn-đức-Quỳnh**

« **Thăng Kình** » là 1 cuốn truyện mà trong đó, cuộc đời học đường, cuộc đời sân chơi, cuộc đời hè phố của đứa trẻ Việt-Nam về mươi năm trước đây được tả rất thú vị và cặn kẽ. Đọc **Thăng Kình** sau ngày tết, chúng ta đều bâng-khuâng vui mà suy nghĩ thấm thía như còn vang lại bên tai dư-âm của tiếng pháo giao.. thời. Tất cả trí-thức Việt-Nam đều mong hưởng cái dự-âm đó.

Sách dầy 400 trang — bìa 3 màu — Giá 3 $ 50

HÀN THUYÊN XUẤT BẢN

71 Tiên Tsin Hanoi

(Mua 1 cuốn xin gửi thêm 0 $ 70 cước đảm bảo, chứ không bán lĩnh hóa giao ngân).

Xuân mới

(Tiếp theo trang 3)

« Nhất niên chi kế khởi ư xuân ». Ngay từ đầu xuân này, ta cần phải lo tính đến kế một năm đã.

Bạn là một nhà thực-nghiệp? Bạn có bổn-phận mở-mang kỹ-nghệ, tiến-triển về mặt kinh-tế.

Bạn là nhà khoa học? Bạn cứ hăng-hái tinh-tiến, cố bước cho kịp người.

Nếu hết sức nâng cao mỹ-nghệ nước nhà, thì bạn — nhà nghệ-sĩ — đã làm tròn cái thiên chức đối với nền mỹ-thuật Việt-Nam rồi!

Nếu góp được nhiều tác-phẩm có giá-trị vào kho văn-hóa, thì bạn vẫn ơi, thế là bạn đã có thể tự hào mà nói với các giới nông, công, thương rằng: chúng tôi, cũng như các ông, đã làm hết bổn-năng mình để góp vào cuộc hỗ trợ trong xã-hội rồi đó.

Về phần Tri-Tân đồng-nhân, chúng tôi xin theo đòi với các bạn, làm công việc của « con tằm », mong sao cho khỏi phụ tấm lòng kỳ-vọng của các bạn thân yêu tin mến.

Mỗi người trong chúng ta, ai cũng, theo sở-năng, cố-gắng góp công vào cuộc tiến-hóa chung của đất nước thì chẳng những yên-ủi được những người, những gia-đình « nào biết cái xuân là gì », mà đối với tương-lai của xã-hội ta, biết đâu, phải, biết đâu, chẳng giúp cho được tươi sáng như ánh dương quang, sán lạn như mây sắc nghìn tia muôn hồng trong vườn xuân thắm?

TRI-TÂN

Ý-nghĩa nhơn-sinh trong

TRUYỆN CƯỜI

nước ta ngày xưa

ĐẶNG-THAI-MAI

NGƯỜI ta kể chuyện lại rằng :

—Bộ *Tiếu lâm* đầu tiên của nước ta ra đời về cuối nhà Lê. Tác-giả là hai bố con ông cụ đồ người Bắc. Sau mấy phen lảo-đảo với chốn khoa-trường, thì hai ông con đành phải lấy nghề gõ đầu trẻ làm kế sinh-nhai. Nhân những lúc nhàn, hai nhà nho bất-đắc-chí mới góp nhặt những chuyện hài-hước lưu truyền trong dân-gian viết thành một bản sách chữ nôm, gọi là *Tiếu-lâm* (*Rừng cười*). Bộ *Tiếu-lâm* không phải là một bộ sách làm ra để công-bố nên ngòi bút tác-giả rất là bạo-dạn phóng túng. Một câu chuyện nhặt được bất kỳ ở xó nào, ngõ nào, cũng chẳng cứ là tục-tằn hay là thanh nhã, miễn cười được, là họ chép vào sách.

Cuốn sách viết vào năm nào? Hai nhà biên-tập tên là gì? Thân-thế họ thế nào?... Hiện nay không ai rõ.

Nhưng người ta biết rằng : Khi chép xong tập sách, thì một ngày kia, hai nhà tác-giả đã cùng nhau bày một bữa tiệc « lạc-thành » cuốn sách, với rượu và thịt chó! Ăn uống no, say, hai ông con sẽ cùng nhau duyệt lại công-trình trước-tác của mình... một lần cuối cùng!... Thế rồi từ trương này đến trương khác, truyện nọ qua truyện kia, hai bố con vừa đọc vừa ôm nhau mà trời sáng-sặc! Cười đến lúc duyệt xong bộ sách, thì hai nhà trước-thuật vô-danh cũng đồng-thì ngã lăn mà chết thẳng!

Câu chuyện trên đây chỉ là một câu truyền-ngôn không có đảm bảo gì chắc chắn về phần lịch-sử. Nhưng các cụ ngày xưa vẫn thường nhắc đến cái chết ly-kỳ của hai nhà văn-sĩ để dạy con cháu và học-trò. Và họ kết luận rằng : « Văn hài-hước là một loại văn không có tương-lai. Tài hài-hước chỉ là tài « vô-hậu » ; chết như hai nhà văn ấy là « bất đắc kỳ tử ...» Và cái chết ấy cũng chẳng có gì là đáng thương, đáng tiếc.

Ấy cũng là một quan-điểm của một lối lập-luận.

Nhưng cũng có người nói : đem thân-thế một nhà văn trụy-lạc, liễu kết trong một câu cười, vị tất đã là một số-phận tủi-nhục cho kẻ chết. Và cái ý-nguyện định đem một ít truyện vui cười mà cống-hiến cho người sau cũng vị tất là một sự đáng khinh-bỉ, đáng nguyền-rủa.

Ấy lại là một lối kiến-giải khác.

Một điều chắc chắn là văn cười xưa nay vẫn là một thứ văn đã bị rẻ-rúng. Đạo-đức và văn nghệ nước ta vẫn liệt văn hài-hước vào những tác-phẩm không đứng-đắn. Chả là nhiều câu cười đã chan chứa những ý vị chua cay độc-địa. Và lúc đã cười thì phải nhấng hết những sự nghĩ ngợi sâu xa. Lại còn nhấng giọng thô bỉ, tục tằn nữa là khác... Nhưng một mặt nữa, ta cũng phải công nhận rằng, trong văn-nghệ hài-hước của nước ta ngày xưa, thật chưa hề có những ngòi bút sâu xa bạo dạn như Aristophane, như Rabelais, Molière, ... chẳng hạn. Một nguyên nhân của sự thiếu thốn ấy hẳn là vì xã-hội nước ta cũng như các nước Á-đông, đã khinh thị lối văn hài-hước.

Một nhà đại triết-học đã viết một câu giới-thuyết có ý-chỉ : « Người là một loài vật biết cười ». Một nhà đại triết-học khác viết thêm : «...và là một loài vật vẫn làm cho người ta bật cười. »

Về cả hai phương-diện « biết cười » và « làm cho người ta bật cười » dân ta ngày xưa cũng không đến nỗi lạc-hậu.

Mấy năm trước cuộc Âu-chiến hiện giờ, một nhà văn người Pháp đã phàn-nàn rằng : « Thú cười đương ngắc-ngoải!... Thú cười

đã hấp-hối trên quả địa-cầu ngày nay! Ở New-York cũng như ở Londres, ở Paris cũng như ở Berlin, người ta không cười thiệt-tình, cười giòn-giã như ngày xưa nữa! Người ta chỉ cười mỉm nửa thôi. Thiệt là một điều đáng tiếc. »

Một điều đáng tiếc thật.

Bất kỳ ở kinh-độ ở vĩ-tuyến nào nếu cái thú cười bị tiêu-diệt thì thật một sự thiệt-hại lớn cho sinh thú của loài người. Vẫn biết rằng: lịch-sử nhơn-loại, lịch sử dân-tộc có những ngày đau-đớn, công cuộc sinh-nhai có những ngày vất-vả làm cho ta không có thể nghĩ đến sự vui cười mà không ngượng-nghịu được. Nhưng tai biến của lịch-sử là một trạng-thái nhất-thì, mà vui-vẻ là một điều nhu-yếu thường xuyên của nhân-tính. Người ta ai là người không cười? Huống hồ người ta vẫn có thể cười một cách đứng đắn! Huống hồ cười có thể là một động lực trong công-tác hằng ngày của ta. Cần chống chỏi với những nỗi khó khăn trong vũ-trụ, trong xã hội, chúng ta cũng cần tìm trong thú cười một ít thú-vị sống để cho có sức mà bước tới; thì ta cũng nên ước ao cho loài người sau những bi kịch trong lịch sử hiện thời, sẽ mau mau được sống lại những ngày vui vầy với những cuộc cười giòn-giã, chính đáng, thiệt-tình!

Cười có một ý nghĩa nhơn sinh rõ rệt. Mỗi xã-hội đều có những giọng cười riêng. Chúng tôi muốn theo trong văn hài-hước nước ta ngày trước mà nhận lấy một ít tia sáng về trạng thái sinh hoạt của xã hội của dân-tộc ta.

***

Dân vẫn là « tướng » cười. Lúc loài người đã có đến một lịch-trình sinh-hoạt khá cao, thì cười không phải chỉ là một động-lực cơ-giới của bản-năng trước một cảnh-ngộ khoái-lạc mà thôi. Cười cũng là một phương-pháp tự-vệ, một thủ-đoạn trừng-phạt của đoàn-thể dùng để đối-phó với những thái-độ phản xã-hội, hoặc để công kích những điều bất-bình trong sự sinh-hoạt hằng ngày. Trên một trình-độ tri-thức cao hơn nữa, các nhà văn — văn nghệ vẫn là một xa-xỉ phẩm kiến-thiết ở trên nền-tảng sinh-hoạt của nhơn-quần — các nhà văn sẽ lợi dụng cái động-lực của sự cười để ran đe người đời, hoặc để bài xích những hiện-tượng bất như-ý.

Vì bấy nhiêu lý-do, chúng ta có thể theo trong chuyện cười của dân tộc ta mà tìm những tia hồi-quang của lịch-sử.

Trước hết ta nên chú-ý đến những nhân-vật bị cười trong các truyện cười.

Khổ-chủ văn hài-hước là những hạng người thế nào?

Vì sao họ đã bị ghép vào trong lá sổ đoạn-trường?

Xưa nay những kẻ bị cười phần nhiều là hạng người kém-cỏi về phần thể-cách, hoặc tâm-lý. Các vai chủ-động trong các truyện cười, các tuồng ba-lơn, phần nhiều đều có những nét xấu-xí đặc-biệt: như là người thước-môt, mặt đá-ong, chân thọt, cằm lẹm, mũi diều hâu, râu cá ngạnh, mắt chớp nam, mắt ốc bươu, mắt bảy lỗ v... v... Về *phương-diện tâm-lý*, những trạng thái bại-liệt bất kỳ về ký-tính hay ngộ-tính cũng đều là những tài-liệu của văn phúng-thích.

Người ta cười cái khiếu lỗ độn của cậu bé đã học mấy ngày giời một chữ « viên » là tròn mà vẫn chưa thuộc, đã viên hẳn một hòn đất giắt vào thắt lưng để làm ám-hiệu cho trí-nhớ, thế mà đến lúc ôm cột đọc giả-bài vẫn còn: « Lậy thầy, viên là bẹp thẹp lép ạ! »

Người ta cười cái tính đãng-trí của anh chàng vừa cầm cái *dao rựa trên bờ ruộng* để đi làm việc cần, rồi lúc giở lại vừa nhặt cái dao rựa lại vừa chửi « đứa con nhà ai đa vô-tâm đánh rơi cái rựa để « ông » bắt được! »

Người ta cũng cười cái anh xã Nua trong lúc bác ta bị chị vợ mắng, vì hồi nãy, lúc vợ gọi về ăn cơm, anh đứng ngay ngoài đồng mà nói to lên rằng: « Im! để tớ giấu cái cầy đã nào! » Chị vợ nói chí lý: « Đời nhà ai đã giấu cầy mà còn la lên như vậy. »

(Còn nữa)

ĐẶNG-THAI-MAI

ĐÓN COI

TRUNG QUỐC SỬ CƯƠNG

của ĐÀO DUY-ANH soạn

Muốn mua, hỏi tại nơi tác-giả

29, Maréchal Pétain. — Huế

THƠ TẾT VỚI CHUYỆN TẾT ĐỜI XƯA

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Những thơ cổ vịnh tết nguyên-đán rất ít, tôi chỉ thấy trong sách nôm của Trường Bác-cổ có mấy bài thơ ca sau này là những bài chưa ai in ra quốc-ngữ :

Nguyên-đán tiết vịnh

Biểu dâng chính - đán, trước đan-trì đóng chật y quan.
Sáu thần ngao hải thượng giá san, đôi linh - phượng vân trung phù liễn.
Cửu thiên lư-hạp khai cung-quyết,
Vạn quốc y quan bái miện-lưu.
Hương-đăng dục bạng cổn-long phù,
Nhật sắc tài làm tiên - chưởng động.
Trên bệ ngọc hiến Tiêu - hoa chi tụng,
Hội thăng - bình lục-hợp đồng xuân.
Đào-phù vạn hộ canh tân.

Bài ca này trích ở quyển *Xướng-khúc tập thi* của Tùng-hiên Ngô-bảo-Quang (sách viết của Bác - cổ, số AB 195, tờ 54 b). Đại - khái nghĩa là : Ngày tết nguyên-đán dâng biểu chúc mừng, các quan mũ áo chỉnh-tề đứng thành hàng ở trước sân rồng. Xe vua ngự ra như sáu thần ngao ở dưới bể lên trên núi, như đôi linh-phượng ở trong mây phò xe (1). Nơi cung-điện, tham-thẩm chín tầng trời mở cửa, vương-hầu các xứ đều mũ áo đến lạy ngôi Thiên - hoàng. Đèn hương nghi ngút như mây bay cạnh áo cổn long; mặt trời vừa soi tới, bọn nữ-nhạc tay tiên cử-động ; trên bệ ngọc dâng bài tụng Tiêu-hoa (2) ; hội thăng-bình khắp sáu cõi (3) cùng xuân, cánh đào-phù dán cửa (4), muôn nhà đều mới.

Bài ca này thuộc về thể văn thù-phụng, nên không khỏi thoát sáo, không được như bức vẽ truyền thần (là cái đặc-tính của văn tả cảnh), lại thiếu hẳn mùi tết của nước Nam ta.

Còn những bài khác, tuy vịnh tết hay tả cảnh tết, nhưng phần nhiều chỉ nói về xuân. Như bài *Xuân hòa quần sinh lạc* (mùa xuân đầm ấm, muôn giống đều vui), sao trong tập *Quốc-âm thi* (quyển 1, tờ 33 a, số sách AB 179), đại-ý nói thần Đông-hoàng là thần coi tiết xuân, đã sớm báo tin ở hoa mai : mọi giống mừng thấy xuân, hết thảy hòa vui ; vì tháng giêng là tháng tam - dương, hơi xuân đầm ấm khắp cả muôn vật cảnh sắc đua tươi, v. v.

Nguyên văn là :

Đông-hoàng sớm đã báo tin mai,
Mừng ấy xuân hương mọi giống vui,
Đầm ấm ba dương hơi khác đượm,
Sẵn sàng muôn vật cảnh đua tươi... (5)

Bài thơ này nghe sáo cũ lắm, nhưng ta chớ vội chê, vì cái trình-độ thơ nôm về đời hậu Lê đến được như thế đã là khá.

Có lẽ hai bài ca sau này nghe còn trôi chảy hơn :

Sinh thay nhỉ ! đông rồi, xuân chiếng,
Ngấn hàn - băng mảnh mảnh tan không.
Dưới trời đua muôn tia nghìn hồng,
Trong tiệc nối câu thơ chén rượu.
Triều - đình hữu đạo thanh xuân hảo,
Môn quán vô tư bạch nhật nhàn.
Dẫu là dân, dẫu là quan,
Ai ai chẳng gặp thời hanh-lạc.
Ngày chín chục thoi đưa bóng tháng,
Cái vàng-anh văng-vẳng trên cây ;
Dần dần tơ liễu xanh bay.

(Trích trong *Xướng khúc tập thi* của Ngô-bảo-Quang, tờ 86 b.)

Thư-đường nhật-lệ

Gẫm từ thời yêu tiết dương-xuân.
Lòng băn-khoăn tưởng khách tình-nhân,
Xuân chiều, hướng hoa - viên tản bộ :
Nhìn phong-cảnh trăm chiều đua nở,
Dập-dìu khoe nhị tía cành vàng ;
Vườn đào, hoa dệt gấm rỡ-ràng,
Bướm giòn nhị cũng chiều người hớn-hở ;
Xanh vàng thắm trăm hoa đua nở,
Gẫm tốt vời Lãng-uyển Bồng-doanh ;
Rỡ-ràng hoa giọi quanh thành.

(Trích trong *Xướng-khúc tập thi*, của Ngô-bảo-Quang, tờ 87 b.)

Đại-ý bài trên nói : Sinh thay nhỉ ! hết đông lại sang xuân. Ngấn hàn-băng gặp tiết xuân tan ra từng mảnh ; dưới trời đua nhau, muôn tia nghìn hồng, trong tiệc vui-vầy

câu thơ chén rượu. Đọc đến câu: « Khi nước được thịnh thì tuổi thanh-xuân tốt đẹp, bóng mặt trời không riêng chiếu nhà ai, ngày xuân được thư nhàn », thì dẫu là dân hay là quan, ai là chẳng chơi vui xuân-tiết? Ba tháng xuân chín chục ngày, thoi đưa cũng chóng, chim vàng anh kêu văng vẳng trên cây: cảnh mùa xuân, tơ liễu xanh bay.

Bài dưới nghĩa là: Chốn thư-đường gặp ngày trời tốt, gấm bốn mùa yêu nhất mùa xuân, thấy tiết xuân trắn-trọc nhớ tình nhân. Xuân Luỗi sớm tới vườn hoa dạo bước, nhìn phong cảnh thấy trăm chiều đua nở, phô bầy khoe nhị tía cành vàng, vườn đào hoa trông như gấm dệt, bướm giờn nhị cũng hớn hở chiều người. Xanh vàng thắm đủ trăm hoa đua nở, chẳng khác gì Lãng uyển, Bồng-doanh: rỡ-ràng hoa nở đầy thành.

Hai bài ca này không phải lối văn thù-phụng, nên không phải bó-buộc như hai bài trên: lời văn cũng đã lưu-loát; nhưng câu văn tả cảnh vẫn không thiết-thực: bài trên có câu: « Ngấn hàn-băng mảnh mảnh tan không », thì nước Nam ta làm gì có hàn-băng? Thế là các cụ chỉ mô-phỏng những bài xuân-nhật tức-cảnh ở trong sách Tàu, chưa thoát được lối văn chữ nho cho nên văn tả cảnh vẫn thiếu vẻ truyền-thần.

Bài thứ hai đã không phải dùng chữ nho mấy, nhưng lời văn hãy còn trùng-điệp: câu thứ năm đã có chữ « trăm chiều đua nở », đến câu thứ chín lại thấy « trăm hoa đua nở »; câu thứ bảy đã có chữ «gấm dệt rỡ-ràng», đến câu mười-một lại thấy « rỡ-ràng hoa giội».

Văn nôm về đời Lê chưa được thịnh-hành cho lắm, mà các bậc tiền-bối bấy giờ làm văn hãy còn theo lối Tàu, cho nên không thể vượt được cái khuôn mẫu cũ.

Trên kia tôi đã nói, mấy bài này chưa có vẻ gì là tết riêng của người mình, chưa vẽ được hết cái hình-thức và cái tinh-thần của chữ « tết » và chữ « tân xuân ».

Có lẽ tại hình-thức ai cũng biết, cho nên các bậc thi-nhân đời xưa không để ý đến, chỉ nói câu « Xuân hòa thục-khí vẹn mười phân » là cùng (6). Nhưng về tinh-thần, ngoài việc kiêng những lời và những sự không hay, ngoài việc chúc nhau lắm của, nhiều con, sống lâu, sung-sướng, v. v., lại có cái đặc-điểm là người Tàu thường đi thanh-minh về tháng ba, mà người Nam ta thì nhân thể ngày tết làm lễ tảo mộ, để tỏ ý gặp ngày mới nhớ đến người cũ.

Ta thường truyền-tụng một câu đối nôm rằng:

Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ,
Nêu cao pháo nổ bánh trưng xanh.

Lời văn thật-thà, lột được hết cái tinh-thần của cảnh tết nhà quê. Vì nhà quê xa chợ, ít được ăn thịt, chỉ có mấy ngày tết mới có thịt mà nhà nào cũng mua hành làm dưa ăn tết, cũng dán câu đối đỏ, cũng có tục trồng cây nêu treo một cái chổi cùn và một cái mê rồ (tức là rổ rách), để hốt hết cái xấu của năm cũ đi. *(Còn nữa)*

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

1·) Cổ-thi có câu: « Song phượng vân trung phù liên hạ, lục ngao hải thượng giữ sơn lai », ta cái kiểu xe vua, ở dưới có hai con phượng chầu ôm hai bên xe, xung quanh có sáu thần ngao (loài rùa lớn) như ở dưới bể lên trên núi.

2·) Tân thư chép vợ Lưu-Trần là Trần-thị, gặp ngày nguyên đán đang bái Tiêu-hoa tụng.

3·) Trời, đất và bốn phương gọi là sáu cõi (lục hợp).

4·) Hai tấm ván cửa cái làm bằng gỗ đào, vẽ tượng, Thần trà và Uất-lũy để trừ ma, nên gọi là đào-phù. Hai bức tranh ấy mỗi năm một lần đổi, nếu đời sau cùng gọi câu đối tết là đào-phù.

5·) Bài thơ Xuân hòa quần sinh lạc có tám câu tôi không sao bốn câu dưới, vì ca tụng quá đáng. Có lẽ bài này cũng là bài của một ông quan triều Lê, vì những bài chép ở trên bài này, có bài đề tên ông Lê quý Đôn có bài đề tên ông Uông-sĩ, Đoan tức Giang-văn-Đoan, ông Nguyễn-Nhiễm, ông Trần danh Lâm v. v. đều là văn thần đời Hậu-Lê.

6·) Cả bài đều là Ngự chế thi: Phụng ngự Trường xuân viện, chiêm nhất tiểu luật (thơ ngự-chế: ngự viện Trường xuân, làm một tiểu luật):

Xuân hòa thục khí vẹn mười phân,
Lần bước nghênh xuân thưởng thọ xuân.
Trấp cảnh mai tươi khoe điểm tốt,
Vầy đoàn ngư thủy hội long-vân.

(Chép theo bản chữ nôm của Trường Bác-cổ, *Quốc-âm-thi*, số A B 179, quyển 3, tờ 69 a.)

Đã có bán
Lịch trình tiến hóa sách báo quốc ngữ
In đẹp trên giấy láng nhiều hình ảnh văn nhân — Giá 2$00
Nhà sách NGUYỄN KHÁNH ĐÀM
12, rue Sabourain phát hành
Hãy đến *Pavillon Information Presse* xem *« nước Việt Nam cổ »* qua tài liệu của nhà sách Nguyễn Khánh Đàm bày

« XA XA » và « HƯ VÔ »
hai thi phẩm
của PHAN KHẮC KHOAN
sắp in xong

TRI-TÂN

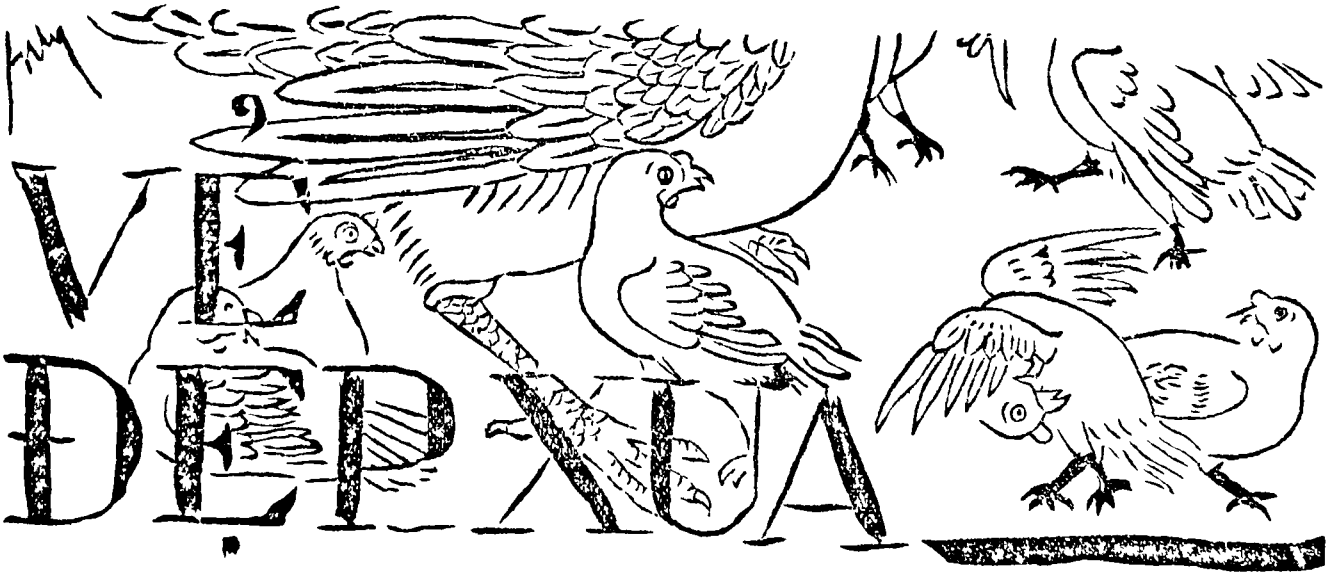

(Vài ý nghĩ về phong cảnh Tết)

Họa-sĩ NGUYỄN-VĂN-TỴ

NHỚ lại mấy năm về trước, cứ đến 27 hay 28, 29 tháng chạp, vài người bạn chúng tôi thường hay dạo chơi các chợ Tết : chợ Mọc, chợ Đơ, chợ Bàng và vui nhất có lẽ là những chợ về vùng xa hơn nữa, Bắc hay Thái. Một cuộc sinh-hoạt tưng-bừng hấp dẫn cả dân một vùng đến để gặp nhau trong phiên chợ cuối năm. Nam nào cũng cảnh tấp-nập ấy, nhưng theo thời-gian, các sản vật cùng cốt cách đều thay đổi dần khiến ta phải bóp trán nhớ tiếc những vẻ xưa.

Qua thảm ruộng lúa chiêm vừa cấy buông tay, mấy bà mẹ đon-đả theo các ngả đường ẩm ướt vì mưa phùn. Gồng gánh trên vai, họ đi sắm-sửa với nét mặt lo lắng cho cái « Tết » của mình được chu đáo.

Trên đường cái-quan trông xuống, chợ họp đã đông nghịt dưới mấy gốc đa ở đầu làng lan mãi từ dốc vào đến tận sân đình. Trên nền đất hung-hung đỏ mỗi hóa-phẩm vẫn bày theo một lề thói riêng. Cảnh đẹp nhất vẫn là mấy cụ đồ nho nằm soài trên mảnh chiếu cũ thảo những chữ « thần » với nét bút trơn chu. Mấy đại-tự hiên ngang in trên một nền đỏ tươi hay hồng điều vừa rắn-rỏi vừa vui mắt.

Dãy hàng mã với những màu tươi phẩm lục, hoàng bá, thiên-thanh trên lại điểm tỉ-mỉ nét trang-kim hay mặt kính long-lanh trong những hình-thù kỳ-quái. Màu lòe-loẹt in hay quệt trên giấy trông rõ-ràng quê-kệch mà vẫn ưa : một con ngựa trắng, móng đen, yên đỏ, thiếu mất bụng, chân thì lùng-khùng ; thật là một con ngựa quái đản với một chòm râu lưa-thưa quấn dưới mũi đen láy. Thêm vào đấy, một con voi cao lênh-khênh, vài bộ mũ ông Công, ông Táo đen, vàng lẫn-lộn — cánh chuồn lốm-đốm sao — treo ngốt-ngát thành từng xâu, cửa hàng mã đã không biết rằng mình vừa xếp được một tứ màu đối-đào, khác nhau.

Mấy khoảng nhỏ ấy góp lại được một bức tranh-lớn, lấy màu nâu đất làm nền, màu mạ non vây-bọc xung quanh. Điểm xen vào đấy, màu xanh xẫm lá giong, màu hồng hoa đào với thắt lưng, giải yếm của các thiếu nữ càng tô thêm cho bức tranh quê giàu-có...

Mua được thứ gì, người ta đem về lo liệu và trang-hoàng cho vui mấy gian nhà để hưởng đầy-đủ thi vị ngày xuân.

Trong khi ngọn nêu cao vút dâng lên một đoạn nhạc cổ-phác của chùm khánh đất, một cụ đã không quên sửa-soạn từ lâu mấy khung câu đối. Khung sơn đã được cạo rửa sạch-sẽ tinh-tế để nhận những đại tự lưu truyền : Nào những nét « *Thủy hữu nguyên* », « *Hiền kỳ quang* » ung-dung chiếm địa-vị giữa nhà trên nền giấy hồng điều lấm tấm bạc.

Một bà mẹ vừa bước qua ngưỡng cửa đem theo về nào bưởi, chuối,

phật thủ... Mâm ngũ quả mà ta đếm được đến hàng chục thứ đã tạo nên những bức tĩnh vật quí giá. Bưởi, chuối, cam, quất đặt trên một mâm bồng sơn đỏ : tất cả các màu-sắc ấy dễ ghi vào óc trẻ để từ đây chúng không bao giờ quên tết được. Chúng vẫn vui vui, rộn-rã khi tờ tranh chuột, tranh gà dán trên vách. Màu sắc đã dẫn chúng đi huởng tuổi ngây-thơ vô tư-lự và đã giúp chúng ghi lòng yêu mến thờ kính tổ tiên hầu đến quên lãng cuộc sống cạnh-tranh bên ngoài.

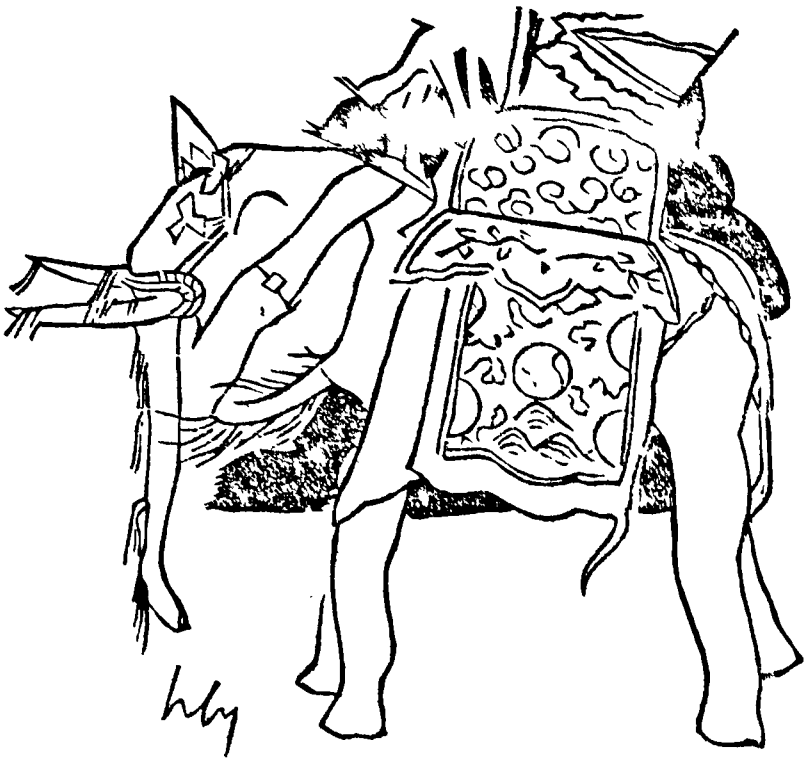

***

Vẻ xưa biến dần để thay vào những lề thói khác « lai » nhiều ảnh-huởng. Tranh in bây giờ thì giả-dối, bôi - bác.; hóa - phẩm thì hoặc vì thiếu - thốn vật-liệu hoặc vì người buôn bán lợi dụng nhiều quá nên vẻ đẹp đã biến thành đơn-sơ hầu như đơn-bạc. Các nghệ-sĩ bình dân gần như tiêu-diệt hết. Họ đã quên cả nhiệm-vụ thiêng liêng : viết chỉ để mà viết, vẽ chỉ để mà vẽ, làm việc cũng như chim hót, mây bay. Hoặc họ kêu túng-thiếu về tiền-tài, nhưng nếu lúc nào cũng kè-kè so-sánh lợi lộc với việc làm, quên cả bổn-phận yêu nghề thì có chăng chỉ sáng tác giật lùi. Hoặc một vài vẻ đẹp còn nguyên dấu vết xưa nhưng ít được ai chú ý tới — vì không hợp thời hay vì không ai hiểu — mà thực ra riêng với những con mắt sành-sỏi cũng phải cô công tìm-kiếm mới thấy.

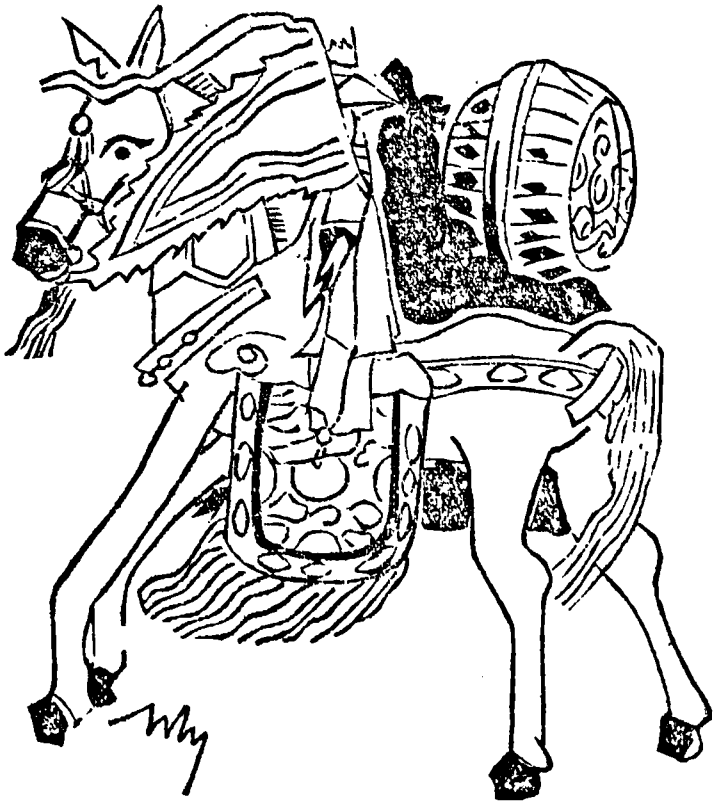

***

Một phái nghệ-sĩ được tập-luyện và học-hành theo phương-pháp mới đã cải tạo và sáng-tác nhiều hình thể và duyên-dáng mới. Ta còn hy-vọng và ta sẽ hết ban-khoan khi tìm thấy một đường đã vạch để mà tiến, để gây dựng, xây đắp và để nối sợi giây « Đẹp » của đất nước xưa đã hầu tàn. Ta đã hiểu biết từ nguồn gốc, cội rễ từ đâu ta đến để rồi lựa lọc giữ lấy vẻ xưa và bồi thêm lên mãi qua cái cảm-giác thực của ta.

(Xem tiếp trang 35)

NHÌN QUA VĂN-HỌC

Việt-Nam năm 1942

LÊ THANH

« TRONG khi chúng tôi viết những giòng này, những chiếc lá cuối cùng của năm chờ rụng, chờ rụng theo những ngày cuối cùng của năm gần hết.

« Rồi đây giữa một đêm ba mươi, xung quanh tôi, trong khi người ta rộn ràng mở cửa đón cái xuân mới tượng trưng một cuộc đời đầy hứa hẹn, chúng tôi cũng sẽ mở cửa để được cảm động chờ đón cái lớp nhà văn đến với một tâm hồn đổi mới để gửi vào họ đóa hoa hi vọng tươi đẹp của đầu năm ».

Trên đây là lời tôi viết sau khi « nhìn qua văn học Việt-nam nam 1941 ».

Sự thực đã chứng rõ rằng mở cửa để đón lớp nhà văn ấy, chúng tôi không chờ một ảo mộng.

Trong năm 1941, nhà văn ta đã có một quyết định quan trọng trong cái chương trình hành động hàng ngày : gây một tinh thần mới, kiến thiết một nền tư tưởng mới hợp với hoàn cảnh. Nhưng nếu quyết định của họ chỉ mới có cái giá trị một quyết định — hoặc họ có thực hành, họ chỉ mới trong sự cố gắng đầu tiên — sang năm 1942, con đường họ theo đã rõ rệt.

Trong làng văn, bao quát nhìn, ta không thấy những con chiên ghẻ lở như mấy năm về trước. Còn người nào, người ấy là người của bổn phận ; cán bút của họ đã xứng đáng cán bút của những nhà văn sống trong thời buổi này.

NHỮNG XU-HƯỚNG VĂN HỌC

Sử học

Như đã nói trên, trong năm vừa qua, nhà văn ta tiếp tục những công việc đã bắt đầu từ khi có cuộc cách mệnh văn-chương. Vì vậy những trào-lưu văn-học của năm phần nhiều là những trào-lưu cũ.

Trào-lưu sử-học vẫn giữ nguyên được sự bồng-bột của hai năm trước.

Những tập nghiên-cứu có giá-trị được xuất-bản, những kịch rút trong lịch-sử — hoặc bằng thơ, hoặc bằng van xuôi — được soạn và lần lượt đưa lên sân khấu. Báo chí vẫn theo đuổi công việc sưu tập tài liệu đính chính những sự sai lầm về lịch-sử, và thứ nhất đem ra ánh sáng những đoạn sử oanh-liệt của nước nhà.

Chắc có người hỏi : nói có cái trào-lưu sử-học từ mấy năm, nhưng trào-lưu ấy đã đem lại cho văn-học ta được những gì ? Đứng trước câu hỏi ấy, bạn đọc cũng như tôi, không khỏi lúng-túng. Để giả lời, tôi muốn tìm lấy một tác-phẩm có giá trị có thể tiêu-biểu cho sự cố gắng của chúng ta từ mấy năm nay. Tôi đã dừng lại với một vài tên nhưng không dám quyết định.

Vả lại tôi thiết tưởng sự can hệ không phải ở chỗ trong tủ sách ta có những bộ sử mới, những tập nghiên cứu lịch sử có giá-trị ; nếu lượng được cái sức mạnh của một câu thơ hùng tráng ca tụng các chiến công oanh-liệt của đức Trần-hưng-Đạo, nếu đo được cái ảnh-hưởng của những lời lâm-ly tả những nỗi thống khổ của mình dưới cuộc đô-hộ của người Tàu, ta cũng không đòi hỏi gì nhiều hơn và thầm mong rằng nhà văn ta cứ cố gắng thêm mãi mãi trên con đường sử học ấy.

NHỮNG SÁCH CỦA

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133, Rue du Coton, Hanoi

1·) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1p 25

2·) *Việt nam văn phạm.* Trần-trọng-Kim 3p. 00

3·) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 4p. 00

4·) *Phật lục,* Trần-trọng-Kim, 0p. 80

5) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1p. 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim, 5 quyển. Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

1— Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15·/.

Phê-bình và văn học sử

Bên phong trào sử học, ta phải ghi xu-hướng về phê-bình văn học và văn học sử, hai thể văn có liên lạc mật thiết với thể sử.

Trong năm vừa qua, mấy nhà phê bình có tiếng đã cho xuất bản những tác-phẩm có giá-trị.

Nguyễn-Đổng-Chi : *Việt-Nam cổ văn học sử*, tập nghiên-cứu rất công phu về văn học từ thượng-thế đến nhà Hồ, một quyển sách có giá-trị nhất về loại này.

Vũ-ngọc-Phan đã cho in quyển đầu tập « *Nhà văn hiện đại* », một tập phê-bình và cảo luận về văn-học hiện đại.

Trần thanh-Mại : *Hàn mặc tử*, tập nghiên-cứu và phê bình thân thế và văn chương nhà thi-sĩ trẻ tuổi mới qua đời.

Hoài Thanh và Hoài Chân : *Thi nhân Việt-nam*, một tập văn khảo gồm có thơ của nhiều thi-sĩ mới. Tập sách này cũng đáng cho ta chú ý lắm.

Ngô tất Tố : *Việt nam văn học* (tập nhất).

Kiều thanh Quế : *Phê bình văn học* v. v...

Trong các báo chí, việc phê bình sách mới cũng được các bạn làng văn chú ý hơn. Hoặc phê-bình một cách tổng hợp, hoặc phê-bình từng đoạn để nêu lên một vài điều lầm lỗi rất có ích cho những người viết sách, giàu chí hăng hái và óc khoa học, nhưng vì thiếu tài liệu nên còn có những khuyết điểm.

Đáng phàn nàn là, bên những nhà phê bình chân chính, có một lũ chiên ghẻ lở, tay sai riêng của một vài nhà xuất bản, làm những việc vô lương tâm ; một số nhà văn đã tố-cáo nhà phê bình « ăn tiền » của nhà xuất để khen sách cho những nhà xuất bản ấy.

Số người trong làng văn ta đã chẳng được bao nhiêu mà còn một số người vô lương tâm đem bôi nhọ ngòi bút, vô tan danh giá của mình đi. Thật đáng tiếc !

Triết học

Đáng chú ý nhất là người mình đã bắt đầu bước vào địa hạt triết học. Nói thế không phải là nước ta đã có những công trình sáng tạo triết học như nước Pháp, nước Đức, nước Tàu... Cái ngày ta có một Vương dương Minh, một Bergson có lẽ còn lâu lắm. Nhưng năm vừa qua, ta đã được đọc những cuốn *Triết học Kant*, *Triết học Bergson*, *Triết học Nietszche*, *Mặc-Tử v. v...*, những khảo luận và những triết học đã có sẵn mà ta chỉ mới được học, được đọc qua tiếng nước ngoài mà thôi.

Tôi đã đọc những tác phẩm ấy. Tuy còn có nhiều điều chưa được mãn nguyện, câu văn vì có nhiều chữ mới mượn của tàu nên tối nghĩa, lời văn nhiều khi nô lệ cú pháp của văn tây nên khó nghe, nhưng cái cảm tưởng cuối cùng là tác giả những sách ấy đã cố gắng nhiều lắm.

Đem một thứ tiếng như tiếng ta xưa nay chỉ dùng để tả những tình cảm, những việc thông-thường, để bàn đến những vấn đề sâu xa, thứ nhất là bàn thế nào để cho mọi người hiểu không phải là việc dễ.

Vì vậy tôi ước ao thấy trong làng trí thức ta có nhiều người tìm cách phổ thông những danh từ triết học, giới thiệu với người mình, những điều sơ đẳng về triết học trước khi đi sâu vào những hệ thống triết học vừa khô khan vừa khó hiểu.

Cần nhất là trong lúc đầu, khi định nghĩa những danh từ, khi xây những câu có tính cách chuyên môn về triết lý, ta phải có một nhóm người cộng sức với nhau bàn định để tránh những sự lố lang đáng phàn nàn sau này.

(Còn nữa)

LÊ-THANH

Cảnh cụ đồ Tết năm nay

Mọi năm chừng bị loạn rừng... nho,
Tết đến, thành ra lắm cụ đồ
Giấy bút họp nên phiên chợ... chữ
Ngổn-ngang hai dãy phố hàng Bồ.

***

Nhưng tết năm nay, mới lạ cho !
Hà-thành bỗng vắn cánh nhà nho.
Lơ-thơ chỉ có dăm, ba cụ,
Vắng khách, đương ngồi bó gối... lo !

BẠCH-DIỆN

Một xuân "lịch-sử" cách nay 158 năm

BÁ ĐA LỘC với HOÀNG TỬ CẢNH

NGUYỄN TRIỆU

DƯƠNG lúc quốc-dân nô-nức tưng-bừng đón chào xuân Quý-mùi (1943) thì hồi tưởng lại cái xuân cách đây 158 năm là xuân ất-tị (1785) lúc con thuyền đức giám-mục Bá-Đa-Lộc cùng Hoàng-tử Cảnh đang lênh-đênh lướt sóng trên Ấn-độ-dương qua Malacca tới Pondichéry để sang nước Pháp mà xin cứu-viện.

Có tích mới dịch nên tuồng, từ năm 1916 cụ quận Hoàng Thái-xuyên ngoài Bắc đã soạn vở « *Tây Nam đắc-bằng* »; đến năm 1918 thì hai ông Đặng thúc-Liêng và Nguyễn viên-Kiều trong Nam viết tuồng « *Pháp-Việt nhất-giả* ». Năm 1921 ông huyện Nguyễn hữu-Mỹ tức Michel Mỹ soạn vở tuồng « *L'Annam sous la terreur* » bằng Pháp-văn (1). Và mới đây ông huyện Nguyễn Thành-Điểm sáng lập ra Quốc-gia kịch đoàn tại Vĩnh-long, dịch tuồng L'Annam sous la terreur ra tuồng « Pháp-Việt sơ-giao » do các ông Hồ Tin Trung, Đặng thúc Liêng và Juillon chỉnh-đốn lại, diễn tại nhà hát Tây Sài-gòn đêm 18 Août 1942 dưới quyền chủ-tọa Thủy-sư đô-đốc Jean Decoux mà là lần đầu tiên Ngài làm chủ-tịch cho một buổi hát Việt-nam vậy. Đêm hát long trọng vô cùng và đầy đủ ý-nghĩa biểu-lộ được hết tình Pháp-Nam thân-ái ấy được công-chúng hoan-hô nhiệt-liệt và kết quả mỹ-mãn hoàn-toàn.

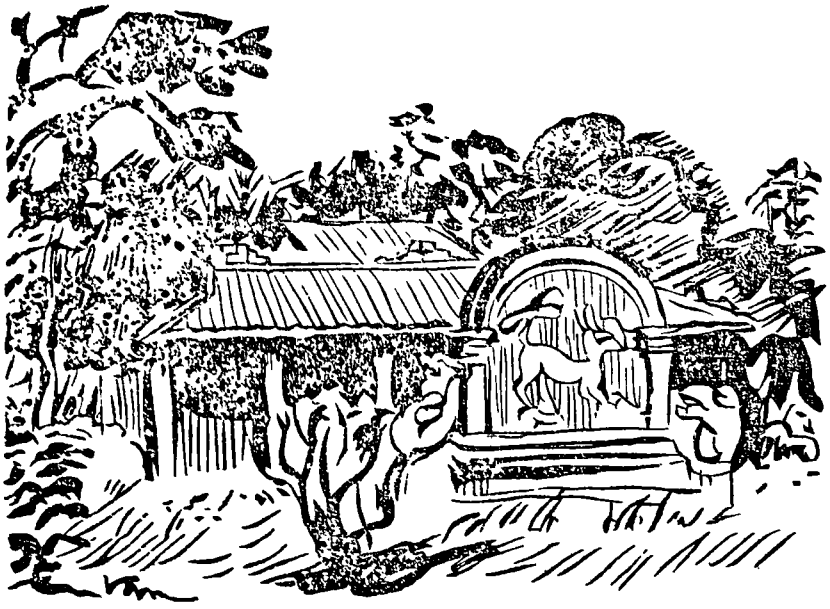

Mộ Bá Đa Lộc (Lăng Cha Cả) ở Saigon

Nay xin đem sự-tích đó ra đây mà hiến các độc-giả vào số mùa Xuân năm Quý-mùi (1943) này tưởng cũng chẳng phải là vô vị!

Các du-khách từ Bắc vô Nam, sau khi qua lăng quan *Tả-quân* Lê văn-Duyệt ở Gia-định đến nhà thờ lớn Sài-gòn thì đã thấy ở cửa nhà thờ một tượng hình (2) đồ-sộ: Đức Giám-mục Adran cùng Hoàng-tử Cảnh.

Giám-mục Adran hay Đức-thày Bá-Đa-Lộc cùng Hoàng-tử Cảnh là hai vai chính trong bốn vở tuồng chúng tôi vừa kể ở trên.

Đức-thày Bá-Đa-Lộc hay Evêque d'Adran tên là Pierre Joseph Georges Pigneau (de Béhaine) sinh tại Origny-en-Thiérache (Aisne) ngày 2 Novembre 1741. Phụ-thân tên là Georges Pigneau và mẫu-thân là Marie Louise Nicard.

Giòng họ Pigneau vốn sinh-trưởng ở xã Pigneau xứ Picardie bên nước Pháp.

Đức thày đi tu tự thuở nhỏ, không bao lâu được truyền chức thày cả vào hồi năm 1765, mới 24 tuổi, và ngày 15 Décembre năm ấy thày từ cảng Lorient đáp tàu sang phương Đông giảng đạo.

(Còn nữa)

NGUYỄN-TRIỆU

1) Đã diễn tại Saigon luôn ba đêm 12, 13, 14 Août 1924 dưới quyền chủ tọa quan cố Toàn Quyền Merlin và quan nguyên Thống Đốc Nam Kỳ Tholance.

2) Tượng hình này là tác-phẩm của nhà điêu khắc trứ danh Lormier, khánh thành ngày 10 Mars 1902, nhằm ngày mồng 1 tháng 2 năm Nhâm dần (đời vua Thành-Thái thứ 14).

Mùa xuân năm xưa
NƯỚC TA
đánh những trận nào?

Số mùa xuân năm ngoái, tôi có chép lại lịch-sử Đống-đa, là trận vua Quang-trung (1788-1792) đánh được Tôn-sĩ-Nghị, cứu nước Nam-ta ra khỏi vòng nô-lệ nước Tàu.

Năm nay tôi lại mở sử chữ nho, trích mấy đoạn chép về mùa xuân, lược thuật ra đây, để độc-giả nhớ lấy cái công ơn của những bậc đế-vương khai quốc và những vị anh-hùng cứu thế trong nước Việt-Nam ta.

Kể mà chép cho hết truyện mùa xuân mở nước, thì phải làm thành một quyển sách, mà tra-cứu theo lối khoa-học, viết dài lắm, vì những tên đất tên trận ngày xưa nay ở chỗ nào, phải chú-thích cho rõ-ràng.

Đây tôi chỉ chép sơ-lược thôi, vì số báo là số mùa xuân, cốt xem cho vui, nên tôi lấy cả chính-sử lẫn dã-sử, mà cũng không thuật hết các truyện chép trong sách nho.

Nhưng tôi cũng theo lối làm sử, nói rõ xuất-xứ những đâu, để độc-giả muốn tra-cứu, nhân đấy tìm rộng ra được.

Như tôi đã nói trong bài *Thơ tết với chuyện tết đời xưa*, tục bên ta có lệ nhân ngày tết tảo mộ, gặp ngày mới nhớ người cũ.

Ta là dân Đại-Việt, nên nhân năm mới nhớ lại những công ơn của các vị đời xưa đã gây dựng nên cải giang sơn này. Vì thế tôi chép những trận độc-lập như sau:

I. — Ba trận độc lập

Trận thứ nhất là trận bà Trưng. Mùa xuân năm canh-tý là năm 40 sau kỷ-nguyên, bà Trưng khởi binh đánh đuổi thái-thú nhà Đông-Hán là Tô-Định, rồi tự lập làm vua. Bà nguyên người họ Lạc, biệt-tính là Trưng, tên hủy là Trắc, con gái quan Lạc-tướng huyện Mê-linh, quận Giao-chỉ, vợ ông Thi-Sách, người Chu-diên (1). Bà là người rất hùng-dũng, cùng với em gái là Trưng-Nhị cất quân đánh hãm châu-trị là dinh Tô-Định, vì chính-sách Tô-Định tham độc, giết chồng bà. Tô-Định chạy về Nam-hải. Quân bà đi đến đâu như gió lướt, các man-lái quận Cửu-chân, Nhật-nam và Hợp-phố đều hưởng-ứng cả. Bà lấy lại các thành đất Lĩnh-nam, đóng đô ở Mê-linh.

Năm 41, nhà Hán phong Mã-Viện làm Phục-ba tướng-quân, sai cất binh sang đánh. Quân Mã-Viện men đường bể tiến lên, đi núi phá cây hơn một nghìn dặm, đến hồ Lãng-bạc cùng bà Trưng đánh nhau. Bà thấy quân thế nhà Hán đang mạnh, tự nghĩ quân mình là quân ô-hợp, e không chống nổi. Quân thì nghĩ bà không phải là tay địch thủ, vì thế dần dần tan hết. Bà phải lui về giữ ở Cấm-khê (2), cùng quân Mã-Viện chống nhau mãi. Đến mùa xuân, tháng giêng, năm quí-mão, là năm 43, quân vỡ thế cô, hai Bà cùng mất. Mã-Viện đuổi theo đánh dư-đảng là bọn Đô-Dương, đến huyện Cư-phong (3) bắt đầu hàng. Rồi Mã-Viện đựng cột đồng làm cực-giới cho nhà Hán. Sau khi Mã-Viện về, người trong nước thương cảm Bà Trưng, dựng đền thờ (4).

Trận độc-lập thứ hai là trận Lý-Bôn.

Nước ta sau khi Triệu-vương, tức Triệu-Đà, biệt-lập vào khoảng năm 207 trước kỷ-nguyên, người Tàu lấy nước ta làm quận huyện, tấc núi thước sông đều là nội-thuộc, giang-sơn không quyền tự-chủ, thế thì ai là người anh-hùng tạo thời-thế? Chính là ông Lý-Bôn (có người đọc là Lý-Bỷ, 541-548) lên ngôi vua gọi là Tiền Lý Nam-đế, người Giao-chỉ, có tài văn võ, làm quan nhà Lương bất-đắc-chí, về Thái-bình. Nhân thứ-sử Giao-châu là Tiêu-Tư, vì tham khắc mất lòng dân, Lý-Bôn mới khởi binh. Tù-trưởng Chu-diên là Triệu-Túc cũng đem quân theo, liền kết vài châu, hào-kiệt hưởng ứng rất đông. Tiêu-Tư biết, nộp của cho Lý Bôn, chạy về Quảng-châu. Lý-Bôn bèn ra giữ Long-biên. *(Còn nữa)*

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

1) Huyện Chu-diên đặt ra từ đời Hán, thuộc vào quận Giao chỉ. Đời Đường đổi làm Diên châu. Triều Lê nước ta gọi là phủ Tam-đái. Nay là phủ Vĩnh-tường, tỉnh Sơn tây (**Khâm định Việt sử thông giám cương mục**, *quyển 2, tờ 10 b*).

2) Thầm hoài Viễn chép bà Trưng vào Kim khê (Cấm khê) hai năm mới bắt được. **Khâm định Việt sử** *nói cứ như thế thì Cấm khê thuộc vào địa hạt phủ Vĩnh tường, tỉnh Sơn tây, nhưng chưa rõ đích ở chỗ nào. Cựu sử chép thuộc tỉnh Nghệ an thì lầm.*

3) Cư phong đặt từ đời Hán, thuộc quận Cửu chân; đời Tam quốc, nhà Ngô đổi là huyện Di phong, nay thuộc địa hạt tỉnh Thanh hóa.

4) Chép theo **Khâm định Việt sử**, *quyển 2, tờ 9 b-12 a; nên so với* **Đại Việt sử ký toàn thư**, *quyển 5 tờ 2a-3a, và* **Đại-việt sử ký**, *quyển 3 tờ 4a-6a.*

HAI NHÀ THI-SĨ NGHÈO VỚI NGÀY TIỄN ÔNG TÁO

Liên Giang

KHÔNG biết ai sinh ra cái tục cúng tiễn ông Táo vào ngày 23 tháng chạp ở nước ta, để cho bao nhiêu thi-sĩ đua nhau làm thơ chế riễu. Những cái óc hoài-nghi chắc lại đủ cho ông bà ông vải chúng mình hẳn bắt-chước các ông Tàu mà vẽ-vời sinh lễ nghĩa. Bắt-chước thì có lẽ cũng bắt-chước thật, nhưng mà họ cúng một hôm, mình lại cúng một hôm. Họ cúng hôm sau, mình lại đi nhanh hơn, là cúng hôm trước. Bạn có đọc sách *Phong thổ ký* của Chu-Xử, *Mộng-lương-lục* của Ngô-Tự-Mục cùng là *Vũ-lâm cựu-sự* của Chu-Mật không? Những sách ấy toàn chép tục bên Tàu tiễn ông Táo vào đêm 24 tháng chạp, gọi là « Niệm tứ gia. » Niệm nghĩa là hai mươi.

Họ cũng như mình, làm cỗ làm [illegible] để ông Táo sơi, mua mũ áo [illegible]ng giấy để ông Táo đội và mặc. [illegible] vàng bạc giấy để tặng hảo [illegible]. Sợ ngài không có xe, bên ta mua cá chuối làm ngựa cho ngài cưỡi, bên Tàu đan đũa phất giấy làm kiệu cho ngài ngồi. Tinh là những lễ vật hối lộ, mong ngài tốt phô xấu đậy, thêm bớt trong tờ trình, hòng đức Thượng-Đế xét xem công quả mà cho hưởng nhiều hạnh-phúc năm sau.

Những gia đình phong-phú, đến hôm ấy, sự sắm sửa ăn tết đã thừa đủ, thì tha hồ mà bày ra cỗ bàn, nào chồng, nào vợ, nào con, quây-quần cúng bái, ăn uống vui-vẻ. Duy những gia-đình nhà nghèo, thấy cảnh năm hết tết đến, túng bấn không bo-bíu được vào đâu, thì chỉ những nhìn nhau mà than thân tủi phận. Khổ thứ nhất lại là những nhà thi-sĩ nghèo, đã nghèo lại đông con, lại được trời phú cho cái bộ óc biết nghĩ.

Ấy chỉ vì biết nghĩ, nên mới lắm chuyện, nên chúng ta ngày nay mới được thưởng-thức những câu thơ như oán, như tố, như chế, như riễu, như khinh-miệt một tục dị-đoan, vô ý-thức.

Tôi muốn giới-thiệu các bạn đọc hai bài thơ của hai nhà thi-sĩ nghèo có tiếng là Trần Tế-Xương (1870-1907), người nước ta và Quách Lận, người nước Tàu.

Nếu bạn giàu tưởng-tượng, dịch địa thử làm thân nhà thi-sĩ nghèo, trông thấy cảnh vợ con túng thiếu, áo không đủ ấm, cơm không đủ no, mà hôm cúng ông Táo, ở nhà mình thì hương lạnh khói tàn, mà bếp nước nhà người ta thì củi lửa đỏ, mùi nấu nướng thơm-tho, tôi đố bạn có thể thản-nhiên không nghĩ-ngợi gì đến? Nếu bạn là kẻ phàm, tất bạn sẽ sinh khùng phát bẩn, cáu-kỉnh bàng-quơ! Nếu bạn là thi-sĩ, tất bạn sẽ than thở ra lời thơ để oán Trời trách người, hoặc đổ cho thời-vận.

Thì đây, lời thơ của Trần Tế-Xương đủ cả giọng một thi-sĩ oán Trời trách người, mà lại đủ cả giọng một tục-tử phát bẩn. Bạn có thể thấy hết cả những tiếng tục tằn của kẻ phàm-phu trong tám câu thơ của thi-sĩ. Nhưng lạ một điều là tiếng tục tằn ấy ghép vào giữa câu thơ của họ Trần tự nó biến đi mất cả, mà chỉ còn lại những lời nhẹ-nhàng pha mùi chua chát mà thôi. Thực là khéo dùng tiếng đục ở trong tiếng trong, ấy Tế-Xương khác người ta ở chỗ đó.

Đây, hai cẩu phá, thừa:

« Hôm nay tháng Chạp, hai mươi ba,
« Ông Táo lên Trời hót chuyện ta: »

Chữ « hót », nhà nho đã ngụ ý không tin, mà chế riễu rồi đấy. Thử xem ông Táo « hót » chuyện nhà nho những gì:

« Rỗng tuyếch rỗng toang: nhà đít bụt,
« Lạnh ngơ lạnh ngắt: bếp lò... ma »

Nhà nghèo, không có đồ-đạc gì, chỉ trơ có bốn vách, bếp không có gì thổi nấu, dù ngày tiên ông Táo cũng vậy. Lấy câu sẵn ở phương ngôn « Rỗng như đít bụt; lạnh như lỗ . . . ma » « Đít » là tiếng tục, nhưng « bụt lại là tiếng thanh. « Lỗ . . . » là lời bẩn, nhưng « ma » lại là lời sạch. Của bụt, cua ma. ai còn dám cười !

« Cơm ăn lưng bụng con nheo nhóc !
« Váy hở ngang dùi vợ suýt-soa »

Hai câu luận này, cũng như hai câu thực, toàn là sự-thực tường-khai ở trong tờ « lập-bô » của cụ Táo. Cơm không đủ, con vẫn phải an đói. Lại không có tiền mua vải, vợ phải may váy ngắn, nên không chịu được tiết đông rét lạnh mà phải suýt-soa. Có « hót », chỉ « hót » được như thế là hết.

Đến hai câu kết. Hai câu này nó làm-nổi cả bài, nhất là câu cuối cùng, cũng có chữ tục :

« Chắc hẳn Trời ghen hay chữ quá,
« Thà rằng dốt tịt quách cho qua ! »

Nghèo-túng kiết-cáu như thế mà nhà thi-sĩ ta vẫn không khỏi cái tính tự phụ : có lẽ vì mình hay chữ, mà thứ nhất lại hay chữ « quá » nên Trời ghen, bắt phải bần cùng. Chẳng thà dốt nát như ai. Trời không ghen vào đâu được. Họa chăng như thế mới giàu ! Thế ra Tế-Xương coi những nhà có của toàn là hạng dốt . . . cả.

Đấy thơ của thi-sĩ họ Trần ta có vẻ ngạo-nghễ như thế ; đến thơ của thi-sĩ họ Quách lại bướng-bỉnh lạ-lùng :

« Bạch mễ xuất ma như ngọc trần,
« Trương-hoàng tác bính cam nhập thần.
« Thanh trúc đăng kình phọc dư kiệu.
« Hồng tiên tiễn toái hồ xa luân.
« Nguyện Hầu thượng thiên mạc thuân-tuần.
« Chúc Hầu chi lai phúc ngã dân.
« Bột khê cấu toái Hầu bất văn,
« Nam thân, nữ ngâm hầu bất sân.
« Thường thời đột yên hữu đoạn tuyệt,
« Hữu thời bức chuyên thiêu thấp tàn!
« Hầu cư ngã gia diệc vân cưu.
« Lượng như Bào-Thúc tri ngã bần.
« Thượng thiên cao cao, Đế sơ viễn.
« Kỷ sắt tiểu thần tùng sơ lan.
« Bình sinh sở sự bất khi nhân,
« Hà huống ngã Hầu giai tại nhãn.
« Kim triêu tái bái, tiền trà từ :
« Phú khả bất cầu, dư khả hoãn.
« Hữu tửu tại bình, thành tại bồn.
« Cổ sự liêu dĩ tao đồ môn.
« Yên tri Tư-mệnh bất nhất tủy ?
« Ngã dĩ độc chước dư không tôn.
« Thiên gia tổng thần, bộc trực tề.
« Tiểu nhi sách phạn, môn đông đề !»

Dịch nôm

Gạo trắng đã nhỏ như bột ngọc
Để làm bánh ngọt dâng cung ngài.
Tre xanh buộc với giả cây đèn làm kiệu.
Giấy điều cắt ra dán làm bánh xe cho ngài.
Xin ngài lên trời ngay cho, chớ có chậm-chạp.
Chúc ngài khi trở lại làm phúc cho dân nhờ.
Ở nhà tôi : những việc cãi cọ nhau, ngài chớ có để vào tai.
Con trai, con gái tôi chúng có rền-rĩ, ngài đừng có giận.
Ống khói bếp nhà tôi thường nhiều khi phải nguội lạnh
Nhưng cũng có khi bị củi ướt thì khó chịu lắm.
Ngài ở nhà tôi kể ra cũng đã lâu.
Chắc ngài cũng sáng như Bào-Thúc, mà biết rằng tôi nghèo.
Đức Thượng-Đế thì cao xa.
Duy có tụi bầy tôi nhỏ là giống chấy, giống rận để chúng no cắn dưt tôi mãi !
Bình sinh tôi không có lừa lọc ai.
Việc đó ngài đã biết rõ cả.
Nay lậy ngài tôi xin thưa :
Sự giàu tôi không cầu, sự dư cũng xin hoãn.
Tôi có rượu ở chai, để ở trong chậu.
Bắt chước việc cũ, gọi là cúng ngài.
Không biết ngài có chịu uống say không ?
Mà để một mình tôi chén mai cho đến còn cai be khong.
Thiên-hạ người ta tiễn ngài đi pháo đình tai.
Nhà tôi thì : đứa con nhỏ đói, đứng ở cửa phía đông khóc mêu dot an !

Họ Quach này, tuy ý kiến cũng như họ Trần ta là nhạo bang sự dị-đoan, nhưng tỏ ra là một nhà thi-sĩ phóng dật và bướng bỉnh. Tôi tuy nghèo, nhưng vẫn có rượu uống. Tôi ít cầu sự giàu. cũng cóc cầu sự dư. Vì túng, vợ chồng hay cãi nhau ; vì đói ret, con cái hay mếu khóc. Chỉ cầu Táo quân ngài đừng để tai đến những việc đó mà sửng - cổ. Bếp nước khi đỏ lửa, khi nguội lạnh, cốt ngài lượng tình cho là đủ. Chỉ cầu ngài có thế, nên gọi là có chai rượu, bánh ngọt và kiệu bằng giấy, tiễn ngài thượng lộ ngay cho.

Xem như thế, thi-sĩ họ Quách còn phong lưu hơn thi-sĩ họ Trần vì bếp nước còn có khi đốt được bằng củi ướt, tiễn ngài Táo còn có bánh, có rượu chớ nhà thi sĩ ta chỉ tiễn ngài bằng nước bọt

LIÊN GIANG

Thống chế Pétain đã nói :

« Nhờ có bại trận mà môi đồng-tâm của quốc-gia được thắt chặt : chúng ta sở dĩ quây quần để tìm sự bảo-vệ chung. Sự gần gụi đó, đu chỉ là tự-nhiên, là hy-vọng nâng đỡ nhau trong cuộc phục-hưng. Nhưng Quốc-gia Cách-mệnh còn phải cần sự thống-nhất của nước Pháp ».

MỘT NGÀY TẾT

CỦA HỌC-SANH TA Ở LYON

Ký-ức của LÊ-VAN-NGÔN

Đề ghi nhớ chuyện ấy đời đời

Adperpetuam rei memoriam

NĂM ấy là năm nào ?

Có lẽ Tuất, Hợi hay Tý, Sửu chi đó, tôi không nhớ. Tôi cũng không nhớ chắc ngày ấy là ngày nào theo dương-lịch.

Việc mà tôi nhớ rõ mồn-một như mới vừa xảy ra đây là ngày ấy tôi thấy tôi rất ban-khoăn, tôi nhớ nhà lắm. Tôi nhớ hồi tôi tám tuổi, mới biết viết quẹt-quẹt vài chữ Hán, ba tôi bắt anh tôi và tôi viết nhiều liễn đỏ đặng dán trên những cột nhà nhỏ ở hàng ba trước nhà. Tôi nhớ lúc lược-bượt trong cái áo xuyến dài mới, tôi và anh tôi lạy bàn thờ ông bà và sau đó ba tôi cho mỗi đứa một cắt bạc gói trong giấy đỏ. Ngoài đường tưng-bừng tiếng trống múa lân hòa lẫn với tiếng pháo nổ vang chẳng dứt, ...

Dao hàn xẻ-da. Vành tai và chót mũi vì lạnh mà tê ngắt. Tuyết trên trời lãi-rãi rớt xuống tựa như những lọn bông gòn. Mái nhà và đường sá đều trắng toát dưới một lớp tuyết khá dày. Hàn-thử-biểu treo trước rạp chiếu bóng Majestic chỉ bảy độ dưới con zéro. Ngực tôi nghe như run-run. Hèn chi, hồi tôi sắp sửa đi học, bà chủ nhà trọ ân-cần bảo tôi : « Trời rét lắm, anh nên để một tờ báo trên ngực dưới áo sơ-mi cho phổi khỏi bị lạnh ».

Một tay cầm dù, một tay cặp sách, tôi cắm-cúi đi trên đại-lộ *la République*. Chung quanh tôi kẻ qua người lại dập-dìu họ tránh né gọn-gàng cho dù khỏi đụng nhau. Tôi vừa đi vừa lấy làm lạ, tự hỏi tại sao ngày nay mà mình lại đi học. Nghĩ mới phải chớ ; ngày nay là mồng một Tết mà. Nhưng được đâu, mấy ông giáo-sư nào có biết ngày nay là ngày Tết của dân tộc mình !

***

Đặng thơ nhà cho hay rằng ngày ấy là ngày mồng một Tết, nên tuần rồi ông hội-trưởng hội học-sinh ta ở Lyon viết giấy mời anh em hội lại đặng bàn việc ăn Tết.

Một năm trước, nhờ trong quỹ hội dư được bốn ngàn quan do những nhà hảo-tâm ở quê nhà gởi cho, anh em có tổ chức một cuộc khiêu-vũ « không-lồ », có mời nhiều nhà tai mắt ở thành đến dự, có nhiều trò vui, có cả những bài diễn-thuyết.

Năm nay, quỹ hội trống rỗng. Nạn kinh-tế ghê hồn làm cho phần đông học-sinh ta phải sống một cách vất-vả ; nhiều bữa ăn không no bụng, chúng tôi làm gì mà tổ chức được những cuộc vui long trọng. Nghe nói ở Fréjus là chỗ có nhiều binh lính Annam sẽ có múa lân, cộ đèn, ở Paris sẽ có bày nhiều cuộc lớn-lao, nhưng chúng tôi không dám nghĩ tới mấy việc ấy. Sau khi bàn tính, chúng tôi định ngày ấy lên nghĩa-địa để một bó bông tươi trên mộ mấy bạn đã từ trần và sau đó hiệp nhau đi ăn một bữa cơm xoàng.

***

Sau giờ học, lối 11 giờ rưỡi, chúng tôi cả thảy 15 người đi xe điện lên nghĩa-địa trên núi ở khích thành. Dưới tàn của những cây trắc-bá luôn luôn có vẻ âu-sầu, chúng tôi khêu tuyết trên mồ chung của hai bạn đã quá vãng đặng để một bó hoa tường-vi trắng. Ngày nay, giờ nầy ở khắp nước ta, người người đều vui vẻ lo mừng xuân, chào xuân, rước xuân, đáng lẽ tôi không nên nhắc lại những chuyện buồn thảm ; nhưng viết những trang ký-ức nầy mà không nhắc nhở đến mấy bạn vì xuất-dương cầu học mà phải bỏ thân nơi đất khách sao đành.

Nầy, một bạn từng học tại trường bá-nghệ ở Lyon. Bạn mà một hôm nọ ông chủ hội bồng được thơ của trường cho hay rằng sau khi khạc ra nhiều máu đã vô dưỡng bệnh trong dưỡng-đường trị lao ở trên núi gần thành... Rồi ngày nào như ngày nấy, anh em lần lượt thay phiên nhau lên thăm viếng. kẻ đem tới vài trái cam, người một gói kẹo. Rồi thay bịnh tình lại càng ngày càng trầm trọng. Nhiều lần ông chủ hội đánh điện-tín cho cha mẹ bạn biết rằng bạn đau nặng và xin gởi tiền qua chút ít đặng lo việc thuốc-men. Nhưng giây-thép gởi đi thì có mà thơ trả lời thì không. Hội phải xuất tiền cho bạn mượn, khi năm chục, khi trăm quan. Buổi trưa nọ, tôi lên thăm, bạn nói chi nho-nhỏ tôi nghe không rõ, tôi hỏi lại, bạn nói sợ làm nhọc lòng tôi. Sau một hồi kéo nài, dụ-dự..., bạn tỏ cho tôi biết rằng bạn muốn ăn thịt gà. Tôi hứa trưa bữa sau sẽ đem lên. Tám giờ sáng bữa sau, đương lúc đứng chiên miếng thịt gà trước khi đi học thì chuông reo ngoài cửa. Một người bận đồ đen đưa cho tôi một tấm giấy... Ôi thôi ! bạn đã qua đời trong đêm vừa qua

Ông hội-chủ báo tin cho anh em hay và cùng vài bạn lật-lật lên dưỡng-đường đặng lo việc mai-táng. Nhưng tới nơi, cả bọn lấy làm buồn-bã mà nghe rằng không thể lãnh thi-hài ra được, vì bạn còn thiếu dưỡng-đường 700 quan. Số tiền ấy trả xong mới đem bạn đi an-táng được. May thay lúc ấy quỹ hội còn được 900 quan. Lập tức, chúng tôi xuất tiền ra trả cho dưỡng-đường rồi ngày sau, trước mặt hơn năm mươi học sanh Pháp ở trường bá-nghệ, và sau những lời giã-từ, chúng tôi buồn thảm nhìn quan-tài bạn bị vùi dưới ba tấc đất !

May là hồi ấy có hội học-sanh ta ở Lyon, nếu không thì ngày nay bạn nằm đâu ta không biết, ta đi ngang qua mồ bạn mà không dè. Sau khi đó, hội tư thơ cho cha mẹ bạn thuật việc đau ốm, chôn cất, kể những phí-tổn và cầu xin hoàn lại số tiền đã cho mượn. Một ngày kia ông chủ hội đặng thơ của một nhà mại-bản (compradore) trong có câu : « Em tôi không tuân lịnh cha mẹ, lén sang Pháp. Nó làm sao thì làm, chúng tôi không biết đến. Chúng tôi không thể trả lại số tiền ấy ». Hội mất tiền, nhưng hội rất vui lòng vì đã làm đặng một việc nghĩa.

Nay, một bạn còn ba tháng nữa thì thi ra Y-khoa Tấn-sĩ. Cũng khạc ra máu, cũng phải nằm dưỡng-đường. Bên nhà hay tin lật-đật gởi qua một số tiền khá lớn cho bạn trở về. Nhưng về sao cho đặng ! Bịnh bạn đã tới thời-kỳ trầm-trọng. Năm tháng sau khi thổ huyết, bạn đã thành người thiên-cổ. Xin phép cha mẹ bạn, chúng tôi mướn trong nghĩa-địa một khoảnh đất làm một cái mộ bằng xi-mang, có bia khắc tên, dưới mộ có cái hầm đựng được năm quan tài. Rồi một tháng sau, chúng tôi xin phép nhà chức-trách đem quan tài của bạn đã mất từ trước để vào một chỗ.

...Mỗi năm, trong dịp lễ Các Thánh Nam Nữ, những người qua lại trong nghĩa-địa không khỏi lấy làm lạ khi đi ngang qua một mồ kia thấy vài người « da vàng » đang cúm-cụi nhổ cỏ, quét rong và không khỏi lấy làm lạ khi thấy trên mộ bia có hai tên khó đọc cho họ : « *NGUYEN-VAN G... NGUYEN VAN M...* »

(Gần đây, năm 1938, trên bia ấy có thêm một tên nữa : « *NGUYEN VAN K...* » cũng vì lao mà thiệt mạng).

***

Khi thăm mộ hai bạn xong, chúng tôi đi qua triền núi bên kia đặng ăn cơm trong tiệm mà chúng tôi kêu là « tiệm cơm chệt ». Một người Quảng-đông qua đó tìm kế sanh nhai và đã lập thành một tiệm cơm nho-nhỏ. Ở đấy với một giá duy-nhất là nam quan, ta có thể ăn một bữa cơm đầy đủ : một tô canh mà nước lèo trong vắt chỉ lơ-thơ vài cọng bắp cải tây, một dĩa xào với... cung bắp cải tây điểm vài miếng thịt heo hoặc thịt bò thái nhỏ, một khứa cá làm theo lối nửa tây nửa tàu, còn cơm thì tùy ý — có lẽ nói tùy bụng phải hơn — nghĩa là bao nhiêu cũng được.

Tôi nhớ bữa nọ cùng một bạn lên ăn cơm với giá đặc-biệt ấy. Cơm tùy ý ! Chú « con trời » có phải đại-dột gì ! Theo chú, một người có « mạnh ăn » dì nữa thì cũng lối ba bôn chén là nhiều. Nhưng bạn tôi tuy thân hình nhỏ [illegible] mà sức chịu đựng (về ăn) [illegible] không giựt [illegible] giải quán [illegible] cũng đứng vào hàng anh [illegible] Thằng từng đem một bát cơm [illegible] đứa xúc một chén thì hết. [illegible] thiệt ! Phải chi nó đem bát nào [illegible]

bát nấy cho mình khỏi mất công kêu. Một chén chỉ và năm miếng thì hết.

« *Ê gạt-song* (garçon), *cơm* ! » (Bên Pháp, bồi nhà hàng kêu là gạt-sông). Bát thứ sáu mới đem lại kế nghe kêu nữa : « *Gạt-song đem cơm thêm !* » Chú từng bộ mặt « bi-xị » giơ hai tay lên trời than rằng : « *Trời ơi !* » (*mon Dieu !*).

Thật bữa ấy ăn... đáng tiền.

Tiệm «cơm chệt» lập ở trên núi, rất xa thành-thị tại chỗ kêu là *Saint-Just*. Không phải là một việc ngẫu-nhiên. Tại đó có một cái thành xưa kêu là « Fort Saint Irénée » chứa gần 2 trăm học sanh Tàu. Chánh-phủ Pháp cho chánh-phủ Trung-huê mượn chỗ ấy để cho học-sanh Tàu trú ngụ. Trong đó, có phòng rộng-rãi, có chỗ tập thể thao, có thư viện. Học-sanh ăn ở khỏi trả tiền chi hết. Ngoài ra, họ còn được tặng thêm tiền túi đặng tiêu xài mỗi tháng bữa. Sớm mai và chiều họ xuống thâu-thành mà học, trưa và tối về đó ăn cơm và ngủ. Thật họ không biết cực khổ là sao, không biết « kinh tế » là cái quái gì.

« Tiệm cơm chệt « nhờ học-sanh ấy mà « sống » vì ai cũng thích món ăn vật uống của quê hương nhất là khi ở xa xứ-sở.

Hôm nay cũng có bữa cơm đặc biệt « năm quan », nhưng nhằm ngày nguyên-đán ít ai thèm rớ tới « mơ-nu » ấy. Tiệm cơm chật khách, inh-sinh tiếng nói mà ta không thông hiểu nên cho là « xí xô xí xào ». Dẫu túi xẹp-lép, chúng tôi cũng rán ra mặt hào phóng vì ngày nay mà không « xài » thì còn đợi ngày nào ? « *Ê, gạt song, đem lên : Ba dĩa lý-ngư xào cay* (carpe à la sauce piquante) ! *Bốn dĩa thịt bò xào măng tre* (viande de boeuf sautée à la pousse de bambou) ! *Ba dĩa thịt heo xào kim châm* (viande porc sautée avec les fleurs d'or de chine) ! *Hai dĩa sườn xào giấm* (côtelette de porc à la mode chinoise) !

(Mấy món ăn chữ Pháp, tôi rút trong « mơ nu » của tiệm cơm ấy).

Ồn-ồn ào-ào, tiếng nói tiếng cười xen lẫn nhau cho tới khi dĩa nào dĩa nấy không còn dấu vết một món ăn nào. Rồi, mỗi bao tử được thêm vào một tô trà tàu thật nóng đặng giúp tiêu những món khó tiêu.

Ăn xong cô hát xướng mới vui và nếu được thêm « nhảy đầm » thì còn thú hơn nữa. Trong góc tiệm có một cái máy hát. Không biết nó ra đời năm nào mà nó còn đủ nào kim hột-xoàng (saphir), nào tòa-loa sơn đỏ. Phải bỏ vô hai xu nó mới chịu « chạy ». Ông chủ tiệm vui-vẻ đổi từ quan tiền ra xu. Hai phút sau, những bản đờn xưa reo lên lẫn với tiếng rè-rè của máy hát. Dẹp bàn lại một bên, vài bạn cao hứng đứng lên, rồi người nầy ôm lấy người khác mà đi theo giọng đờn, trong lúc mấy bạn kia vỗ theo nhịp. Hết dĩa hát nầy, thay dĩa hát khác, nhưng đừng quên « ông nhạc-trưởng hai xu » vì không ông thì

cả ban tài-tử phải đành ngậm miệng.

Cuộc vui tuy đơn-sơ mà thú-vị. Ba tiếng chuông xèn... xèn... xèn..., như tiếng phèng-la bể từ cái đồng-hồ treo cũ-kỹ đưa ra. Chúng tôi tay thọc vào túi áo lạnh, lớp cuốc bộ, lớp lên « xe trèo núi » mà về, và trước khi chia tay không quên hẹn nhau tối ấy lại nhà anh Tòn ở đường *Remparts d'Ainay* đặng « hậu-thường » cái Tết.

***

Anh Tòn có sự may vô-cùng là muốn được một cái phòng trống với giá đặc-biệt là năm mươi quan mỗi tháng. Phòng ở từng thứ sáu, tận mái nhà. Ở cao như vậy cũng có bất-tiện một chút. Sự lên xuống đã khó-khăn mà ban đêm hễ quá mười giờ thì thang lầu tối đen như mực. Lại thêm qua mùa hè thì trong phòng nóng hầm như ngồi bên ống bễ của chú thợ rèn, còn vào mùa đông thì lạnh như bị chôn trong tuyết nếu không đốt lửa cho ấm-áp khí trời. Mà đó là những bất-lợi nhỏ đối với sự tự-do được ở một mình như ở nhà riêng không ai dòm ngó. Anh có con mắt rất mỹ-thuật. Cái « gác » trước kia có vẻ tồi-tàn, mà từ hồi về tay anh thì nó « hóa » thành một cái « ổ » đầm-ấm và lịch-sự. Với một số tiền nhỏ, anh sắm những vật tuy không qui mà dễ coi. Ít cái ghế, một cái bàn và một cái « di-văng » (divan) mà ban đêm làm thành giường ngủ. Bởi anh hâm mộ âm-nhạc nên bên góc có một cái *piano* mà anh mua đặng với giá rất rẻ. Trên vách, đây đó vài tấm ảnh lồng kính coi thật đẹp mắt. Vì cha mẹ ít dư-giả, anh phải nấu nướng lấy mà ăn. Nhưng vô phòng anh ngoài bữa ăn, đố ai ngờ rằng anh có chiên thịt bò, kho thịt heo trong ấy. Son, nồi, chén, dĩa... như đã « biến » mất, có lẽ anh để nó dưới bàn trên có khăm phủ kín lại.

Mới bảy giờ rưỡi tối, mặc dầu trời lạnh tuyết rơi, mấy bạn đã tựu lại gần đủ mặt, người ngồi xồm trên ghế, kẻ ngồi bẹp dưới đất, trước lò sưởi trong ấy có một khúc gỗ to đương cháy đậm đà. Ai kêu ngoài cửa? Ồ, anh Thượng. Anh nầy mang vào một gói lớn đầy trái lật (châtaigne) còn sống. Úi-chà, anh nầy có sáng-kiến dữ be! Chúng tôi mạnh ai nấy quăng trái lật vào lò sưởi. Lật tươi gặp lửa nóng nổ kêu lốp-bốp. Phải chăng là pháo chào xuân! Lần lần mấy trái lật đã cháy đen bị kẹp đem ra ngoài, rồi ai nấy nhai ngồm-ngoàm. Vừa nuốt được vài trái thì nghe như muốn mắc nghẹn vì lật làm ráo cả nước miếng trong mồm. Anh An bỗng reo lên: « *Tôi mới đặng măng-đa để tôi xuống « thỉnh » vài chai rượu chát trắng* ».

« Ăn trái lật, uống rượu chát trắng » là một bữa tiệc của nhà vua! « *Mà nhớ nghe anh An tốn hao bao nhiêu chúng ta sẽ chia đồng ra* ». Nói thì nói vậy chớ nhiều anh trong túi vắng hoe một quan chẳng có. Tiếng lộp-cộp chạy xuống thang lầu! Mười phút sau, rượu chát trắng được hân-hạnh hộ-tống lật nướng vào bao-tử. Tửu nhập thì ngôn xuất. Nãy giờ ai nấy không nói chi ngồi lim-dim như nghĩ tới quê-hương — mà có lẽ thầm hỏi: « Vậy chớ nó chín chưa? » (nó đây là trái lật) — bây giờ được rượu thấm giọng, tiếng cười, tiếng nói chen nhau rang-rảng. Anh Thắng có học được ba năm piano, anh ngồi lên trổ tài « đập » bản « *chiếc thuyền đi qua* » (*le chaland qui passe*). Tiếng đờn tuy không được mê hồn nhưng có phép làm cho ai nấy đều rán gân cổ « rống » theo. Hát rồi ăn lật, ăn lật rồi nhậu. Cũng có anh vừa ăn mà vừa hát cho khỏi « mất thì giờ ». Mãn đương vui đờn hát, đồng-hồ bên cạnh bỗng đã gõ mười giờ... giờ mà đâu đấy đều phải im-lặng như tờ, nhược bằng trái phép thì phải làm quen với lính tuần và có lẽ còn phải bị phạt vạ nữa. Mà bị phạt vạ giữa lúc « hồ bao xép ve như rệp đói » nầy thì thật là một sự nguy to.

Thôi đành: ai về nhà nấy cho xong!

***

Ấy, chúng tôi ăn Tết năm ấy như thế đó. Có lẽ quí độc-giả cho những cuộc hội-hiệp ấy là thường, không có chi thú-vị, không có chi gọi là cuộc vui đặc-biệt để thưởng xuân. Tôi xin thưa: chuyện chi cũng vậy, vui hay không là tùy ở tâm-trạng mình lúc ấy và cũng một phần lớn tùy theo hoàn-cảnh mà mình đương sống.

LÊ-VĂN-NGÔN

Giá báo

Mỗi số	0$20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

GIỜ HỌC TIẾNG NAM

TRƯỚC NGÀY NGHỈ TẾT

Ký-ức của PHẠM-MẠNH-PHAN

Dải đất Việt này vì một sự may-mắn hiếm có đã thoát được cảnh núi thây sông máu. Nhưng ảnh hưởng của chiến tranh đã gieo rắc sự sống gay-go trong biết bao gia đình.

Nay tháng tận, năm tàn, xuân mới như đã chờ sẵn trước ngưỡng cửa mọi nhà để rồi đây đem lại vẻ tươi sáng tưng-bừng của ngày xuân giòn-giã.

Với các bạn đọc thân yêu, tôi cũng sẽ hớn hở vui mừng đón tân xuân trước cảnh đổi mới của non sông đất nước, trước vẻ xanh tươi của cây cỏ vươn mình đầy nhựa sống mà đạt ở trong khoảng thời gian sắp tới những hi vọng chứa chan cho cuộc tiến hóa của người đồng chủng, mà mong có những sự gột rửa đầy hứa hẹn trong đầu óc của những kẻ sống không mục đích.

Bới tìm trong đống tro tàn của thời gian, tôi xin kể hiến bạn đọc một kỷ niệm êm đềm về tết để cùng các bạn sống lại những giờ đẹp đẽ của những ngày niên thiếu.

Mặc dầu tôi đang lúc khi huyết phương cương, mình rộn trong tim, nào đâu đã phải lúc « già vui nhớ thiếu niên », mặc dầu kinh nghiệm đã dạy tôi hay việc đời là khó, tài mình là hèn, nhưng mỗi buổi xuân sang trong đầu óc tôi lại vẫn sôi nổi chứa chan những hi vọng đẹp đẽ về tương lai, những mộng đẹp mê hồn về cuộc thế phù sinh

Tôi muốn nhờ bút mực để ghi ở đây những giờ phút vô tư lự của những ngày cắp sách với những cảm giác ngây thơ trong buổi thiếu thời.

***

Năm ấy, cách đây đã lâu rồi, chúng tôi vừa ở lớp nam lên lớp tư trường Trung học Sarraut.

Đó là năm đầu chúng tôi được mỗi tuần học ba giờ tiếng Nam.

Hằng tuần chúng tôi vẫn khao khát được chóng tới giờ ấy không phải để được học tiếng mẹ đẻ mà để được đùa nghịch một cách tự nhiên.

Ông giáo dạy chúng tôi là một vị giải nguyên nho học uyên thâm. Trừ ông ra, các giáo sư của chúng tôi năm ấy tuyền là người Pháp.

Đối với ông, chúng tôi vẫn một mực kính yêu, nhưng đôi lúc chúng tôi cũng quá tinh nghịch một cách lạ thường.

Ông vốn người Trung kỳ, nên lắm lúc đọc Pháp văn ông còn lơ lớ, những lúc ấy chúng tôi rúc rích cười đùa như ra bề chế nhạo..

Phải đâu chúng tôi du là người bất nghĩa? phải đâu chúng tôi đã cố ý để tâm luyện tập quốc văn như mấy năm sau?

Giờ học tiếng Nam năm ấy đối với chúng tôi là giờ để chúng tôi cười! Nếu không thì lại là lúc chúng tôi bàn nhau về bài luận tiếng Anh mà ngày hôm sau phải nộp hoặc bài tính về kỷ hà học mà ông giáo Pháp vừa ra trong giờ trước.

Tết gần đến, chúng tôi xôn xao bàn tán. Trên sân trường, sau khi nhìn những thiếu nữ ngây thơ phất phơ trước gió để vào các lớp, anh Đàm vội bảo tôi:

— Anh hiệu nam nay ta phải có chúc từ tết về giờ học tiếng Nam.

— Phải đấy, anh Lộc tiếp theo, trước khi nghỉ tết, ta phải mừng thầy.

Một anh khác nghe đoạn cũng tán thành:

— Phan làm đi cho anh em nghe với!

Thế là trước sự thúc giục của mọi người tôi được cái hân hạnh đứng ra cáng đáng việc làm và đọc chúc từ trước ngày nghỉ tết!

***

Chiều hôm ấy, chúng tôi có vẻ rộn rã lắm. Trên sân trường, các bạn sốt sắng đều mong tôi đến. Vừa trông thấy, anh Chủy, một bạn thân của chúng tôi, liền dò hỏi:

— « Compliment » đâu?

— Cho xem nào?

— Bí hiểm, vào lớp sẽ hay!

Các bạn đều cười và giằng co chiếc cặp tôi đang xách. Anh Doanh cũng đồng ý và nhất định không một ai được xem trước khi đọc.

Giờ đầu buổi chiều đó là giờ Pháp văn. Chúng tôi một bọn trên chục người hết sức giấu các bạn đồng học để giờ sau là giờ tiếng Nam các bạn phải ngạc nhiên!

Trong giờ đầu ấy, chúng tôi ngồi trong lớp chỉ trông nhau cười và ra hiệu ngầm. Ai nấy đều mong cho chóng hết để sang giờ sau.

Tiếng chuông đánh. Chúng tôi dồi buồng và vội vã vào lớp.

Giờ tiếng Nam là giờ chúng tôi nói cười một cách tự nhiên vì là giờ được dùng tiếng mẹ đẻ.

Vừa vào lớp hình như các bạn đều đã rõ sẽ có đọc chúc từ, nên hết thảy đều đùa nghịch nhìn xuống chỗ tôi ngồi.

— Thưa thầy, mai nghỉ tết, thầy cho chúng con đọc chúc từ mừng thầy.

Một bạn đứng lên xin phép với vẻ mặt tươi cười hớn hở.

Ông giáo ngạc nhiên ra hiệu ngồi im. Các bạn nhiệt thành liền mỗi người một câu. Tiếng ầm ầm lan sang

buồng bên đầy học trò đang ngồi không vì được một giờ nghỉ. Các học trò người Pháp thấy chung tôi nói tiếng Nam lạ tai đổ xô ra hiên rồi nhìn vào trong lớp một cách tò mò.

Trước sự ép nài, ông giáo của chúng tôi vốn người khiêm tốn cũng phải nhượng bộ.

Thế là từ chỗ tôi ngồi với tờ giấy cầm tay, tôi rảo bước lên gần bục chỗ ngồi của ông giáo.

Lúc đó bao mắt đều chú vào tôi và sau một hồi vỗ tay tôi trịnh trọng đọc :

« Thưa thầy,

Đông qua xuân lại, trước gió yến bay, mừng xuân xuân đã đến ngày, mừng tuổi trẻ sắp dang tay cùng vũ trụ.

Trước ân ngọc động lòng đàn tuổi trẻ, giữa trời xuân thêm lắm vẻ ngây ngà, kìa trời đất, nọ cỏ hoa, trăm nghìn vẻ tia, này công kia, này nghĩa nọ, bộn bề một mối bên tâm.

Nay gặp hội ngày xuân, bốn phương cùng vui vẻ, bầu tâm can xin trình tỏ mấy giòng con : ngẫm xem công đức bao ngàn, mưa móc ấy vẫn chứa chan chưa rũ sạch.

Nào khi mưa sa, gió tạp, sương sớm lạnh lùng, thầy vẫn ra công rèn cặp chúng quần cong lao, trí chu rập cho đàn hậu sinh bước lên con đường tiến hoa để to mặt vơi non sông, lẫy lừng trong nhân thế.

Những khi canh đã hồ tàn, một mình một bóng dưới ngọn đèn xanh, mắt đã mỏi tay đã rời mà thầy vẫn ra công sửa soạn văn bài, mặc người chôn rừng danh vụ thu, chỉ một lòng đưa đạt lũ thơ ngây.

Nào khi cười, nào khi nói, nào khi bàn bạc câu văn, nỗi riêng riêng nặng tâm lòng, vui chung câu chuyện ám thầm nỗi xưa.

Tình quyên luyến tựa cha con, nghĩa nặng vì nước non khôn cạn khôn mòn. Tuy là chốn học đường song kỳ thật là một cảnh gia đình hiếm có, chỉ đợi ngày cửa trời mở rộng, cờ phất trong tay mà tiến bước dắt dìu người sau kẻ trước. Bụi phù vân từ đó rũ sạch làng làng, nơ hồ thỉ gia xong khẩu để vương.

Ôi ! tình là thế, mà công kia là thế thế. Dẫu tử sinh cũng quyết đền bồi vì nỗi sách đèn còn nặng, cơm áo còn nhờ ơn bác mẹ.

Một tuần vài lần ra vào « trường ốc », chúng con chỉ biết kính yêu hoạ thầy có vui lòng hoi chăng.

Thưa thầy,

Những lúc đêm khuya thanh vắng, chúng con ngẫm trước suy sau thì công đức ấy lại làm cho chúng con như bàng hoàng tác dạ, chỉ muốn sao cho báo đáp ơn sâu hay gặp dịp nào để tỏ tình luyến ái.

Nay gió xuân hây hẩy, cảnh vật cười nở, khách lữ thứ ruổi giong về cố quận, đàn thơ ngây mong trình tỏ nỗi hàn huyên, chúng con xin chúc thầy tươi như hoa xuân đang độ hưởng phú quý lâu dài mãi mãi »

Tôi vừa đọc dứt, tiếng vỗ tay của các bạn nổi ran cả lớp. Các học sinh Pháp đứng ngoài hiên nghe tôi đọc chẳng hiểu chi cũng tươi cười tỏ vẻ hoan nghênh.

Ông giáo chúng tôi nhường như cảm động trước ngày nghỉ tết trước cử chỉ khả ái của toàn lớp liền đứng ra giữa lớp cảm ơn chúng tôi và chúc lại chúng tôi.

Lúc đó tôi tưởng tượng như không phải đang sống trong đất nước mà đang ở trong một trường học nào bên Pháp.

Với các bạn người Âu, tôi nhường như muốn bảo họ:

— Đấy các anh trông người Nam chúng tôi trước ngày nghỉ tết còn biết mến yêu ông thầy học.»

Cái cảm tưởng ấy tôi còn nhớ rõ rệt lúc viết mấy giòng này. Bài chúc từ tôi làm hồi đó lẽ cố nhiên tôi cho là hay lắm. Và ngày nay trích trong trang nhật ký đem hiến bạn đọc, các bạn cùng tôi sao khỏi mỉm cười cho những lời đầy hoa mỹ ấy !

Nhắc lại những ngày qua, ôn lại những kỷ niệm xa xăm đã chìm đắm trong vực thẳm của thời gian tôi không khỏi rùng mình nghĩ tới những trách nhiệm trên vai mà tiếc những giờ phung phí !

PHẠM-MẠNH-PHAN

RẺ ! HAY ! ĐẸP !

đó là 3 cái đặc-điểm các sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

Trong lúc những vật-liệu về ấn-loát đều đắt mà các sách của bản-xã lại bán rẻ là cốt ý để quốc-dân ai ai cũng có thể mua được.

—*—

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho

Nhà in MAI-LINH — Hanoi

Tổng phát-hành

MỚI XUẤT BẢN

KIM-VÂN-KIỀU

Theo bản Pháp văn của ông **Nguyễn-văn-Vĩnh** *330 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh. Theo thời giá phải bán trên 4$00 mới có lãi mà Loại giấy thường bán có 2$00 (cước 0$54) Loại đặc biệt 7$00 (cước 0$60)*

Lược-khảo Việt-Ngữ

Một bài khảo cứu có giá trị của ông **Lê-văn-Nưu** *đã được giải thưởng của báo Patrie Annamite (ngót 100 trang). Loại thường bán có 0$50 (cước 0$32). Loại đặc biệt 4$00 (cước 0$47)*

SẮP XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn

La Fontaine

Pháp văn và bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH. Mỗi bài đều có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH (150 trang) khổ to 17×23. Loại thường bán có 1$00 (cước 0$40). Loại đặc biệt bán có 5$00 (cước 0$54)

NGÀY TẾT ĂN YẾN

Kính tặng hương-hồn chị tôi

Ký-ức của TIÊN-ĐÀM

NĂM ấy, tôi 12 tuổi, trong các bạn chơi với tôi có anh Khanh cũng trạc tuổi tôi, nhưng anh là con quan Tổng-đốc, nên đi đâu cũng vẫn còn vú-em đi theo.

Ngày ngày chúng tôi rủ nhau sang Vọng-cung chạy chơi, cưỡi lên những con rồng ở sân hay là ra ven bờ hồ bán-nguyệt ném đá xuống nước.

Chơi mãi cũng chán, một hôm, gần tết — tôi nhớ là ngày tết ông Táo — anh Khanh rủ tôi vào « dinh » chơi tôi vui chân theo vào, anh đưa tôi ra xem công-đường. Một gian nhà rộng như đình, ở trong bày la-liệt các đồ lỗ-bộ, lại thêm ở giữa một cái ghế bành to có lót da hổ, tôi sợ lắm! Anh Khanh vội khoe : « Đây là ghế của thày tao ngồi làm việc ». Tôi cũng biết vậy, nhưng không dám đến gần.

Lúc ấy vào buổi trưa, nhà anh có cỗ, anh rủ luôn tôi ở đấy ăn cơm, tôi đã toan từ chối vì sợ về nhà phải đòn. Nhưng, sau khi anh đưa tôi vào nhà khách, trông thấy ngồn-ngộn trên bàn, nào giò, chả, đồ nấu, các món ăn ê-hề, phần thêm bụng đói, tôi quên ngay đến sự ra về.

Thế là vú-em lấy bát ; chúng tôi cùng ngồi ăn với một bả cụ nghiêm-trang nhưng hiền-hậu.

Trước tôi còn thẹn, không dám với đũa xa ; anh Khanh — ra dáng thông-thạo — lấy thìa múc cho tôi một thứ nước, trông như cháo mà không phải cháo. Tôi hỏi:

— Cái gì thế ?

— Yến đấy, ngon lắm, mày ăn mà xem !

Tôi thấy nói ngon là ăn, nhưng lần đầu tiên, ăn chỉ thấy nó « sộn sạo », chả có vị gì, nhưng cũng nể bạn, phải khen là ngon.

Rồi anh Khanh kể cho tôi nghe yến ấy thày anh — quan Tổng-đốc — mua từ kinh-đô xa lắm mang ra, quý lắm, chỉ để nhà vua dùng thôi, người hưởng dân ai có mà dùng. Tôi lấy làm phục anh về sự biết rộng hơn tôi, nên chỉ ngoan-ngoãn ngồi nghe, nhưng không quên tự mình múc còn hai ba thìa nữa.

Đến mồng một tết, anh Khanh mặc áo mới sang chơi tôi, rồi lân-la ở mãi đến gần trưa. Rồi thấy bạn cũng đói, rủ anh ở lại ăn, nhưng anh hỏi ngay một câu làm tôi sửng-sốt và bối-rối.

— Mão ơi! nhà mày có yến không ?

Tôi hơi lúng-túng, nhưng vội chấn tỉnh lại. giả nhời ngay :

— Có, chị tao đang nấu.

— Ừ, nếu có yến thì tao mới ăn.

Tôi vội chạy vào nhà bếp tìm chị tôi. Chị tôi đang làm cỗ cúng, thấy bộ tôi hớt hải, vội hỏi :

— Mão, mày không ở trên nhà chơi với thằng Khanh, rủ nó ở bên này ăn cơm cho vui!

— Thưa chị, Khanh nó đòi ăn yến mà ở nhà ta làm gì có !

— Được, em cứ lên chị sẽ nấu yến mang lên cho...

Tôi sung-sướng quá, vội chạy lên khoe ngay rằng chị tôi đang nấu yến.

Rồi, chúng tôi ngồi vào mâm, Khanh cùng ăn với tôi. Một lúc sau, chị tôi bưng lên hai chén nhỏ cũng đựng một thứ cháo và bảo chúng tôi : « Yến đây, các em ăn đi !»

Khanh tiếp lấy chén, lấy thìa múc ăn. Sau khi ăn một thìa, anh hỏi ngay tôi,

— Mão ơi! yến của nhà mày nấu khác bên nhà tao, vì nó to hơn, mày ạ !

Tôi cũng thấy yến của chị tôi khác nhà Khanh thật. Nhưng vội nói ngay :

— A ! Yến nhà tao, thày tao mua ở bên Tàu, nên to hơn.

Khanh lấy làm thích lắm, ăn hết chén của mình và còn ra dáng thèm thuồng.

Chúng tôi chơi mãi đến chiều, sau khi đã đốt hết mấy chục cái pháo vừa pháo đùng, vừa pháo con chuột vứt xuống rãnh nước, Khanh mới về.

Chập tối trước khi ngồi ăn cơm, tôi vội hỏi ngay chị tôi :

— Chị ạ, thằng Khanh thích ăn yến của chị lắm chị mua đâu mà những miếng yến to thế ? Em bảo nó là thày mua bên Tầu.

Chị tôi phì cười, vội trỏ miếng bì lợn ở trong đĩa đồ ăn mà bảo :

— Yến à... tao nấu bằng bì lợn đấy, nhưng mày chớ nói cho thằng Khanh biết, nó cười mày đấy !

Ngày nay, mỗi khi tôi đi ăn cơm khách, thấy trong thực-đơn có ghi « nhất phẩm quan yến » hay « yến Quảng-nam » hay « nids de salanganes » thì tôi lại liên tưởng đến món yến của chị tôi, không biết tôi sẽ được ăn yến thật hay lại món yến « mua ở bên Tàu » mà tôi đã đãi bạn khi trước !

TIÊN - ĐÀM

XUÂN TỨ

CÂY THÔNG

XUÂN về, đem ngọn bút tiên cùng muôn màu-sắc tuyệt trần tô lại cho tấm tranh vũ-trụ thêm linh-động hơn, tươi sáng hơn.

Xuân về, với đủ mọi vẻ đẹp vô cùng huyền-bí ; với tất cả những tính-cách mầu-nhiệm, những hiện-tượng thiêng-liêng...

Xuân về, e-lệ nấp bên chồm lá xanh-rờn, giữa lòng hoa hé nở. Xin đừng thở mạnh ; hãy rón-rén lẹ-làng, cho hồn say trong cảnh, cho tứ lắng trong xuân.

Sương đông đêm trước rơi buông, còn mong-manh u-ẩn như màn tang, hãy để lặng ánh xuân từ-từ rũ bỏ. Rồi vườn dược lóng-lánh rọi muôn quang-mang. Trên lá cành, trên mầm-lộc, lớp móc-mưa đã khéo-léo trổ nạm ngọc-châu. Đừng làm tan vỡ. Và cũng xin đừng làm tan-hòa giọt sương trong đọng trên hoa : đấy, giọt lệ thầm rung-rinh nơi khóe mắt « vọng-phu », lặng-lờ giây-phút đợi tin xuân. Hãy để nguyên cho ánh-xuân về sẽ uống cạn, thấm lau đi...

Xuân về, hớn-hở và rộn-ràng trên bông cúc trắng, trên cánh hoa đào, trong lời chim họa, trong nhạc nêu rung.

Gió nổi lên đi, và vin trĩu ngọn-ngành, cho cây làm mưa lại trận mưa đêm, để đòi nơi ánh xuân trời lênh-láng. Lay động thêm hoa, cho sắc ngập đầy đường, rực-rỡ khoe tươi, thi thầm với câu đối hồng-điều, với cánh pháo màu sen. Pháo đốt nhiều đi, cho khói thuốc xanh thơm lưu luyến quyện hơi xuân. Và nổ ran lên, liên-tiếp, cho tiếng vọng phương xa, để tứ xứ gọi, thưa nhau.

Xuân về, và thiên-hạ lại đua nhau hết lời ca-tụng vẻ đẹp của Xuân.

Xuân về, người ta đón-tiếp Xuân bằng tất cả những sự thầm-kín lặng-yên ; người ta chào mừng Xuân bằng hết thảy sự tấp-nập rộn-ràng trong mọi cảnh huy-hoàng rực-rỡ.

Người ta dè-dặt ; người ta vội-vàng... cho rằng xuân đi, rồi đi mất ; đã đi, xuân có trở lại bao giờ.

Nhưng, đã biết bao nhiêu lần, xuân đi xuân lại trở về, tuần-hoàn sau một hạn-định của một khoảng thời-gian. Và, đã bao lần, vẫn cái xuân ấy hiện về, mà chỉ thấy xuân vẫn bấy nhiêu dấu-vết, kỷ-đài của Lịch-sử, sừng-sững thản-nhiên giữ một tấm hồn anh-linh bất-diệt.

Đây, một đoạn thành-trì từ ngàn xưa xây dựng, vẫn hiên-ngang giữa chốn phồn-hoa đô-thị ; đây, một mái rêu xanh ẩn-hiện dưới hàng lọng cây cằn-cỗi, giữa nơi u-tịch ảo-huyền... Một hòn gạch, một viên ngói, một gốc cây, một đợt sóng, một hàng chữ, một tấm bia, những di-tích của Lịch-sử, đã bao phen dầu-giãi nắng mưa, hằng thi gan cùng tuế-nguyệt, mặc sức tiêu-hủy của thời-gian, mặc sức phá-hoại của loài người.

Thêm một lần xuân về, hết thảy thêm bao phủ một màu tôn-nghiêm cổ-kính.

Ánh xuân về, đi từ những đường xây đơn-sơ mà vững-mạnh, lách tới tận những nét chạm-trổ tinh-tế và kín-đáo. Ánh xuân rọi chiếu một cách mơ hồ như có ý làm hiện lên hình-ảnh của bao đấng vĩ-nhân, dũng-sĩ, bao bậc danh-thần, lương-tướng của thời xưa.

Dưới ánh xuân, trên những đường xây nét đắp, lần-lượt lộ ra bao nhiêu trang lịch-sử gần đây-đủ, bao thời suy-vong, bao thời oanh-liệt. Và khách du-xuân hẳn phải định thần lại mà tìm câu trả lời nếu ánh xuân về biết hỏi : hậu-sinh vân chê ông cha xưa quê-mùa hủ-lậu, vậy hậu-sinh van-minh tân-tiến ở chỗ nào ? hay đại da-số chỉ là một đám ngô-nghê.

Xuân về, không quyến-rũ ta, cho ta bê-tha mải-miết trong những cuộc vui chơi vô độ, ma lãng quên cái nhiệm-vụ của ta đi. Nhưng...

Nhưng, chính xuân về báo cho biết một năm trời đã hết và, như vậy, đời người đã rút ngắn mất đi một năm.

Trong thế-gian này, còn cái gì tránh khỏi định-luật « vô thường » của Phật-học ? Và, đa là nhân-loại, ai người không phải qua những thời-kỳ « sinh, lão, bệnh, tử » ? Trong khi ngày tháng tuần-tự trôi đi để đưa đón mùa Xuân tuần-hoàn trở lại, thì đồng thời các tế-bào, các cơ-quan của hình-hài ta vẫn luôn-luôn cham-chỉ làm việc để cho thân-thể và tinh-thần ta ngày một cằn-cỗi tàn-tạ thêm đi.

Vậy, xuân về là gây cho ta một niên-số cao lên, và mỗi bận xuân về, tức thêm một bận cho ta phải giật mình sực nhớ hoặc đã tới tuổi trưởng-thành hoặc đã sang tuổi lão-đại.

Xuân về, xuân đi, nhưng xuân còn trở lại, duy có tuổi của người ta, đã qua đi, lấy lại được bao giờ !

CÂY THÔNG

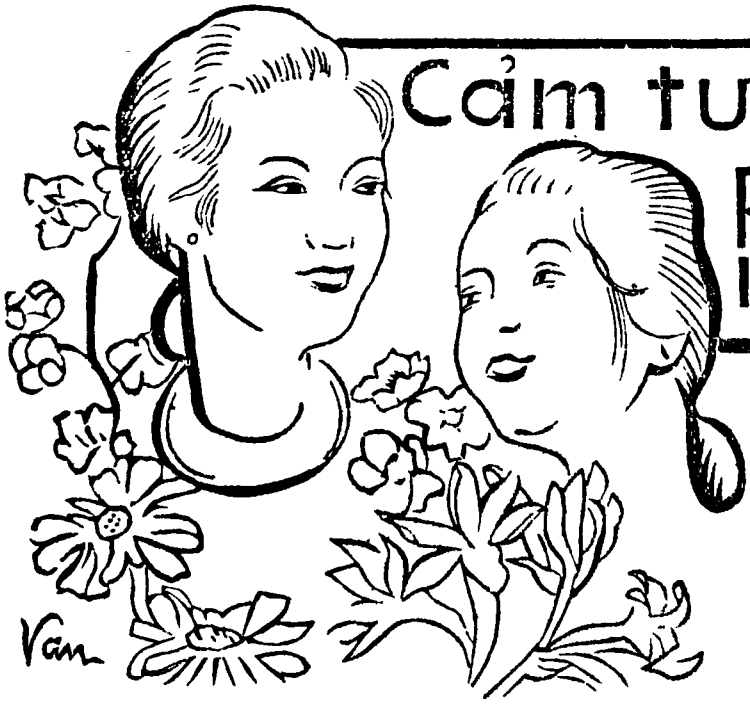

Cảm tưởng của phụ-nữ với ngày xuân

của bà MỘNG-SƠN

Trước khi trình-bày những cảm-tưởng của phụ-nữ với ngày xuân, tôi cần phải nói rằng trong xã-hội khối phụ-nữ không là một: có người ở những tầng -lớp trên, lại có người ở những tầng-lớp dưới.

Hôm nay, đưa những ý-nghĩ của tôi ra mà đón xuân sang, tôi mong phát-thanh được rõ tiếng lòng của phụ-nữ ở những tầng-lớp dưới.

Với những thiếu-nữ ngây-thơ, hơn một lần, tôi đã nghe thốt ra câu não-nùng này : « soi gương mà thẹn với mình trong gương. Má đã kém hồng, ôi, một năm nữa lại tàn rồi !»

Với tôi, không những tôi đã không tiếc xuân, không sợ cái mau thoáng qua, mà còn cho xuân đi là một dĩ-nhiên của luật thời-gian.

Mới ngày nào là xuân mà nay xuân đã qua, hạ, thu, đông lần-lượt, một năm trời chóng quá và một đời người chóng quá !

Nhưng có gì lạ đâu. Đời hoa sáng tối tàn và đời người sớm ở trưa nào khác gì nhau. Miễn rằng, khi biết đời người quá ngắn, ta nên coi sinh, tử là thường. Xuân năm nay qua nhưng xuân sang năm sẽ lại. Lòng xuân ta năm nay đương nhớn lên và trẻ ra để quên những nỗi thương-xót của một xuân đã tàn.

Ngoại-cảnh của vũ-trụ cũng không khác gì nội-cảnh của con tâm. Những lá vàng năm ngoái rụng đi cho một lớp lá non nẩy lộc và những rễ cây lớn lên, ăn sâu xuống đất để bóp hết nhựa dưỡn lên mọi lá, mọi cành. Chim mẹ sù cánh, mắt mơ-màng tìm trong ký-ức những cái gì ở cõi xa-xăm như tiếc xuân vô-hạn, nhưng khi dương đôi cánh đã có một đàn chim con bay lên ca đón ánh thiều-quang.

Vậy thì trẻ có ý sửa-soạn để lớn lên, lớn lên để già đi, và già đi để chết ; cũng như trái cây trên cành từ lúc xanh tới khi chín là tiến-hoá và lúc đã chín ửng là dự-bị để rụng. Nhưng chẳng có chi đáng buồn. Người ta chết đi đã có các thế-hệ con cháu tiếp-tục huyết-thống của mình, mà trái cây rụng xuống đã có hột lại mọc lên cây khác xanh-tươi nhiều.

Hỡi các bạn gái đáng yêu của ta ơi ! Thua các bạn, năm tàn là một dĩ-nhiên mà xuân sang cũng lại là một dĩ-nhiên. Đến ngay cuộc tiến-hoá của xã-hội cũng vẫn là một dĩ-nhiên nữa. Nhìn lại cuộc phát-triển của kỹ-thuật trong mấy chục năm gần đây, có người rất hãi-hùng vì tạo-công hầu như không phát-triển nữa mà loài người thì cứ đi tới hoài.

Theo tôi, vẫn không có gì lạ. Vì lấy mặt thống-quan mà nhìn suốt xã-hội thì thấy sự phát-triển có hai thế : khi bước chậm, khi nhẩy mau.

Bước chậm là tiến-hóa mà nhẩy mau là vượt bực của tiến-hóa. Vũ-trụ phải có lúc đi lần-lần và có lúc thay-đổi hẳn.

Thế thì xuân trước bỏ ta mà đi không chắc đã bỏ hẳn ; xuân trước chỉ đi vào quá-khứ. Dẫu quá-khứ là tro tàn nhưng, lần theo bóng cũ vết xưa, ta phải nhận quá-khứ bước vào sự thực. Phải, căn-cứ vào lịch-sử, duy quá khứ là toàn sự-thực thôi. Mỗi khi ngọn trào lòng ta lên-lên xuống-xuống thì ta thấy hiện-tại còn đây và tương-lai chưa đến !

Bóng quá-khứ tuy mờ-mờ,

nhưng quá-khứ đã cho ta một kinh-nghiệm :

« *Đời không có gì vĩnh viễn.*
« *Chỉ có biến-cố là vĩnh-viễn*
« *và chỉ có luật biện-chứng là*
« *thường-trụ* ».

Xuân năm ngoái chỉ còn là một bóng, nhưng bóng ấy đã vương lại cho chúng ta ít hương bay tản-mạn ở bốn trời và quyện lấy những hương ngào-ngạt của xuân nay.

Làm sao chúng ta lại lo xuân chóng tàn và đời chóng hết ? Chúng ta biết lấy gì mà đo được thời gian ? Biết lấy gì ?.....

Thời-gian không đo bằng máy móc của đồng-hồ.

Thời-gian không đo bằng sự tiến-hóa của các vì tinh-tú.

Thời-gian cũng không đo bằng tháng lụn năm tàn.

Thời-gian chỉ nên đo bằng cảm-giác của chúng ta thôi. Ví-dụ : chúng ta sống trăm tuổi, trải qua trăm mùa xuân tươi đẹp nhưng chúng ta chỉ ăn ngủ suốt ngày, soi gương đánh phấn suốt ngày thì đời chúng ta có dài đâu và có nghĩa gì đâu !

Song, trái lại, nếu chúng ta chỉ sống ba mươi tuổi nhưng từ hai mươi trở đi, mỗi ngày ta làm việc gấp nghìn người khác, thành công hàng trăm việc ở đời thì mỗi phút sống của chúng ta mãnh-liệt biết chừng nào ! Trong cảm giác chúng ta thấy mỗi phút sống ấy có thể so được với một năm của người ăn không ngồi rồi và một đời ba mươi năm, chỉ sống mãnh-liệt trong mười năm có thể dài bằng năm triệu hai trăm năm mươi sau nghìn nghìn năm.

Như vậy nguồn xuân-sắc của chúng ta giàu vô hạn và chúng ta đi nhanh vô-cùng, nhanh chẳng kém gì ánh-sáng của mặt trời. Chúng ta trở nên những người sống lâu đã vượt được luật thời-gian, sống lâu hơn cả vũ-trụ.

Rồi hoa xuân nở mãi trong linh-hồn và lòng xuân ở mãi cõi nhân-gian.

MỘNG-SƠN

MỘT CUỘC THI RẤT LÝ-THÚ TRONG NGÀY XUÂN

Như các bạn đã thấy, trong tấm phụ bản số xuân Tri Tân 1943 (Qui mùi) này có một bên thi, một bên họa. Để làm câu chuyện mua vui trong dịp tân xuân, Tri Tân xin nhờ các bạn diễn âm và dịch nghĩa giùm bài thơ ấy.

THỂ - LỆ

I) Dịch bài thơ vịnh cúc bằng chữ hán ấy ra quốc-âm, tùy ý chọn lấy một trong hai thể thơ này :

a) Thể thơ bốn câu (mỗi câu bảy chữ) ba vần, giữ theo niêm luật.

b) Thể thơ lục bát, không được nhiều quá sáu câu.

II) Ngoài những hình-thức thơ phải theo ấy, dịch-giả lại phải giữ cho đúng nghĩa và tinh-thần của nguyên-văn, không được thêm vào hoặc bớt đi nhiều ý, « phản » hẳn tác-giả.

III) Quyển nào đủ những điều kiện này thì trúng cách :

a) Dịch âm đúng.

b) Dịch ra thơ nôm hoặc lục bát mà đúng nghĩa và có nghệ-thuật.

GIẢI THƯỞNG

Ý nghĩa cuộc thi này là cốt để mua vui về mặt văn-tự và tỏ tình liên-lạc giữa độc-giả với Tri-Tân, nên giải-thưởng chỉ gọi là để biểu-thị cái thâm-ý kính tạ bạn văn một chút.

Giải nhất : một năm báo Tri-Tân
Giải nhì : nửa năm báo T. T.
Giải ba : ba tháng báo T. T.

Bài dự thi, xin bỏ kín vào phong bì, ngoài đề « dự cuộc dịch thơ » rồi gửi đến cho ông chủ-nhiệm T. T. số 195 Hàng Bông, Hà-nội.

Hạn gửi bài kể từ nay đến 28 Février 1943 là hết. Sau khi chấm xong, đến hết tháng Mars 1943 thì tuyên bố kết quả.

TRI - TÂN

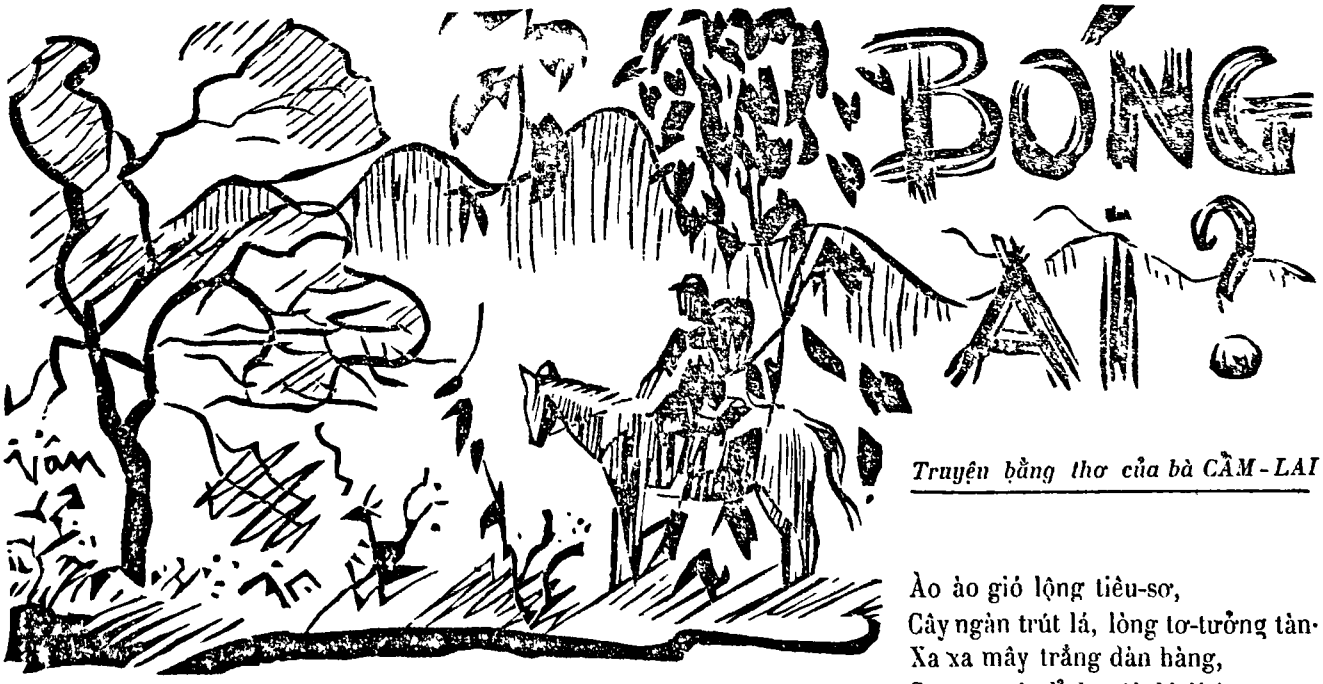

Truyện bằng thơ của bà CẨM-LAI

Ngang trời gió trở sang đông,
Lá rơi xào-xạc, cành hồng xác-xơ ;
Rừng mai sương phủ hững-hờ,
Đèo xa thông vút, lờ-mờ bóng ai...
Dừng cương ngựa, nghỉ dặm dài,
Xuống yên, rũ nếp áo ngoài phong-sương.
Giờ đây trút lớp bụi đường,
Nhưng không trút nổi tình thương bên lòng !

Giang-hồ nặng nợ non sông,
Ra đi ngang-dọc vẫy-vùng tài trai...
Để riêng ai mối hận dài,
Bên sông đưa tiễn bao lời lâm-ly.
Biệt-ly lệ ướt đôi mi,
Mạt đầm giọt ngọc, chân đi ngại-ngùng.

Chung tình lòng hẹn với lòng,
Kẻ đi, người ở : chữ « đồng » mãi ghi.

Rừng mai ba lượt đông đi,
Rừng mai trắng xóa ngày về đợi nhau...

Nhịp-nhàng vó ngựa sang cầu,
Nước trời lặng-lẽ nhuộm màu tàm-tang !

Xa rồi ngựa ruổi dặm tràng !
Xa rồi khuất bóng trường-giang mịt-mù !
Kẻ về lòng những âm-u,
Kẻ đi nào biết nghìn thu lỡ-làng...

***

Ba lần cúc tạ, thu tàn,
Ba lần mai trắng xóa tràn sơn-khê !
Giang-hồ rung-động hồn quê,
Nhớ lời ước-hẹn ngày về đông nay.
Nhẹ bàn tay, lỏng cương giây,
Ngựa đi nhịp một, lòng ngây-ngất lòng.
Mơ-màng tưởng chén rượu nồng,
Tay nâng yểu-điệu mà lòng thêm say !
Vẫn thanh đôi nét ngài mày,
Vẫn trong đôi mắt thơ-ngây dịu-dàng,
Dưới hoa uyển-chuyển nhịp-nhàng,
Áo xanh phơ-phất theo làn gió may ;
Vóc ngà nhẹ tựa thân cây,
Mắt dam nhìn chốn chân mây đợi chàng.
Lòng hoang-mang, tứ hoang-mang,
Vẫy tay cười nụ với nàng trong mơ.

Ào ào gió lộng tiêu-sơ,
Cây ngàn trút lá, lòng tơ-tưởng tàn.
Xa xa mây trắng dàn hàng,
Sương mờ đỉnh núi, khói lan ngọn đồi.

« Hỡi người ở nẻo xa xôi,
Đừng trông đợi nữa, ngựa tôi đã về !

Lời vang trong gió có nghe ?
Tình vương trong gió, có hề biết không ?

Lòng ơi yên-tĩnh hỡi lòng !
Xôn-xao chi nữa, thôn Hồng xa đâu.
Này đây xanh ngắt ngàn dâu,
Này đây nội cỏ một màu xinh tươi,
Này đây muôn đóa hoa cười,
Này đây rặng liễu đứng ngồi năm xưa...

Ô kìa ! mai trắng đầy-đưa,
Mà sao vắng bóng người mơ dịu-dàng !
Cớ sao vườn cũ hoang tàn,
Lối đi cỏ ngập, rêu lan sân ngoài ?
Nhà sao vắng-vẻ bóng người,
Giây đàn lỏng phím đâu người áo xanh ? »

Trớ-trêu gió đầy đưa mành,
Rõ-ràng, còn ngỡ rằng mình chiếm-bao...
Vườn sau, chậm-chạp bước vào

Tuổi già đọc rõ trên chiều lưng cong,
Tóc râm đổi lớp trắng bông,
Mắt mờ mờ nữa khiến lòng thêm thương.
Thấy người, khách đã vội vàng
Lại gần thăm viếng chào mừng hỏi-han.
Đầu xanh, tóc bạc kề gần,
Tỉ-tê câu chuyện giải phân gót đầu :
— Rắp ranh bấn sẻ từ lâu,
Có người hào-phú cổ cầu kết duyên,
Đã từ lâu kén rể hiền,
Những mong con trẻ được yên cuộc đời.
Ngày đêm khuyên dỗ chẳng rời,
Lòng con dần cũng siêu lời từ-vi.
Kiệu hoa, rực-rỡ cẩm-y,
Nó ngoan-ngoãn bước ra đi theo chồng.
Mắt già với-với theo trông,
Thôi từ nay vắng chim hồng còn chi !
Tuổi già sức cũng suy-vi,
Sớm hôm nuôi dưỡng thường-thì nhờ con.
Một hôm kia, một hoàng hôn,
Nó về vườn cũ, mắt buồn trông mây :
« Xa xa về cuối phương này,
Mẹ ơi ! con thấy lá cây rụng dần ! »
Nói xong, nó vội dời chân,
Già ra đứng cửa tần-ngần trông theo...
Lạnh rồi mây trở gió heo,
Hoa mai lác-đác nhẹ gieo sân ngoài.

***

Nàng đi, ôi, có lẽ nào,
Nàng đi để lại biết bao bẽ-bàng !
Thề xưa đã lỗi đá vàng,
Tình xưa nỡ để lỡ-làng cho ai ?
Ngày về ôm giấc mộng dài,
Mộng đã tan biến, đâu lời ái-ân ?
Giờ trông mai rụng đầy sân,
Vườn lòng hoa cũng rụng dần còn đâu !
Khóc duyên suối lệ tình sầu,
Tơ duyên thôi đã nhuộm màu phân-ly !

***

Xuân về, hương ngập lối đi,
Xuân về, hoa thắm, cỏ rì-rì xanh.
Nhựa xuân tràn ứa trên cành,
Lòng xuân tràn cả trong mình chàng trai.
Tránh xa đi, nỗi ai-hoài,
Cho tan u-hận trong người nam-nhi.
Nhắc làm chi, nhớ làm chi,
Thắng mau yên ngựa, ra đi phương trời !
Làm trai ngang dọc với đời,
Tu-mi há để phí thời xuân xanh ?
Mau lên, chim hót đầy cành !
Mau lên, ngựa hí giục mình bước ra!

***

Nẻo xa dưới rặng liễu xa,
Bóng ai thấp-thoáng như là bóng ai..
Mơ hay tỉnh, thật hay sai ?
Rõ-ràng hình-dáng con người ái-ân !
Lại gần cho tỏ giả, chân.
Người đà phủ-phục ân cần kêu-van :
— Dám xin xét thấu nỗi oan,
Bể duyên đâu phải tự bàn tay ta.
Sớm khuya có một mẹ già,
Nặng vì chữ hiếu mà ra phụ-phàng!
Thôi thôi, muôn lạy xin chàng
Rộng tha tội thiếp tiếng mang bạc tình.
Phòng khuê nếu thấu nỗi mình ;
Chăn loan gối phượng cũng hình chông gai
Ngày ngày mắt ngắm phương trời,
Cầu xin trong mộng một lời khoan-dung.
Hỡi ơi ! một khách anh-hùng
Mà em lỡ sợi tơ hồng Trần-Châu !

***

— Quên đi em, mối tình đầu !
Nhắc chi em, nỗi thảm-sầu ái-ân !
Xoá nhòa đi ! mộng tuổi xuân,
Để lòng quên lãng mờ dần vết thương.
Tình xưa, đã lỡ yêu đương
Nhưng còn duyên mới thắm hương mặn-nồng ;
Giữ cho trọn đạo vợ chồng,
Mong em sung sướng, ấy lòng anh vui,
Về đi em, gió lên rồi !
Về đi, đừng ngóng phương trời bóng ai !

Bà CẨM-LAI

Vẻ đẹp xưa

(Tiếp theo trang 17)

Một giáo-sư thường bảo : « Anh phải mau mau mà diễn-tả những căn nhà, lối đi ở thôn-quê anh kẻo chẳng bao lâu những nhà mới sẽ tràn-lan khắp xứ. Anh sẽ thất vọng khi muốn kiếm được một nhà với lối kiến-trúc đẹp xưa. Đến những phong-cảnh cũng sẽ thay dần. Anh sẽ thấy họ phá đi vì sự tiện lợi về sinh hoạt hay giao-thông trong nước. Cây-cối, rừng núi sẽ bị chặt phá để mở đường cho những việc cần-thiết khác . . . . . » Những lời đó khiến ta ngẫm nghĩ. Dù không ác cảm với sự tiến-bộ, ta vẫn có quyền tham tiếc một chút hương vừa bay đi. Chắc chẳng bao giờ, ta ích kỷ chỉ cốt tìm cái đẹp mà chẳng nghĩ tới công việc ích lợi về xã-hội. Nhưng ta vẫn phân-vân nghĩ rằng *nghệ-thuật không biết có thể đi gióng đôi được với khoa-học và văn-minh không ?*

NGUYỄN-VĂN-TỴ

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

QUYỂN THỨ I : 1$20 — QUYỂN THỨ II ; 1$50

Đã xuất-bản trong « Tủ sách Tao-Đàn »

Một bộ sách văn học có giá trị họp tập được hết tất cả những bài văn thơ có giá trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú rất công phu. Sách in cực đẹp.

Xuân Kỷ-dậu, 1789, chiến-sĩ Việt nam đại thắng quân Thanh

I

Đương đêm giá, roãi vai tê khiêng cáng,
Gội mưa phùn, tráng-sĩ chợt dừng chân :
Xóm hương hoa, gọi đáp pháo đầu xuân :
Nắn dao chiến, xua tình quê lảng vảng.
Đêm dày đặc và đường xa dặc dặc,
Lội sông ngòi không thốt tiếng kêu ca !
Chung gian lao Vua lẫn đám can-qua,
Ở chiến-thắng trong mắt thần sáng quắc.

II

— Không có nhẽ Bắc-bình ra đuổi giặc. —
Đặt chén trà năm mới buổi tinh sương,
Các bô già ngồi nhầm tính ngày đường . . .
Vang tiếng súng Ngọc-hồi, xuân biến sắc.
Vua anh-vũ trên bành voi, dữ-dội,
Trỏ đồn Thanh truyền lệnh tiến hai quân. (1)
Phất cờ Tư-mã Sở, Nội-hầu Lân,
Xông lên trước, mũ anh-hùng đỏ ối.
Trong sương sớm, hàng ván rơm thấp-thoáng,
Tiến sang đồn, xua lớp đạn bay mau.
Bốn trăm quân kiêu-dũng bước theo sau,
Tay gân-guốc, lưng gài dao sáng loáng.
Quăng ván ghép, lên đồn như nước vỡ,
Rút đoản-đao, tráng-sĩ lập đầu công.
Thúc tì-hưu, Vua thét tiếng chuông đồng,
Phơi thân ngọc trong cơn dông đạn lửa.

III

Tôn Tổng-đốc đêm khuya nghe cấp báo,
Hỏi : quân đâu ? đất hiện hay trời sa ?
Ngoài ô vừa rúc rợn tiếng tù-và . . .
Vó ngựa gấp, doanh Bồ-đề nhốn-nháo . . .
— Hà-hồi mất ! Đồn Ngọc-hồi đã bỏ !
— Sầm Điền-châu tuẫn-tiết với tàn-binh !
— Quân Nam hô bốn mặt phục Long-kinh —
Tiếng súng hoạ ầm ầm như núi đổ.
Lũ Nam-tặc ! . . . Đồng-nhung thân lạnh toát,
Lui buồng hoa lay mấy gã thân-tùy.
Mặc toàn-quân, ấn kiếm với nhung-y,
Lên lưng ngựa, ra roi tìm lối thoát.
Ôi Sĩ-Nghị ! Ôi Ngọc-hồi ! đầm Mặc !
Ôi Nhị-hà ! Thây rượu thịt chan-chan !
Một sớm xuân xô cả mộng rồng cân !
Gò xương tủi chôn thêm danh tướng Bắc !
Danh tướng Bắc ! Ôi bóng mây bão cuốn ! . . .
Vua tôi Thanh ngơ-ngác khiếp-kinh uy !
Khói vắng tanh trăm dặm tự biên-thùy,
Dân thượng-quốc bế-bồng nhau chạy trốn !

IV

Mồng năm ấy, trưa điểm tô như hội,
Gột tanh hôi, thành cổ đón anh-hùng.
Trên bành voi, Chân-chủ ngự oai-phong,
Áo chiến đỏ sa-trường pha sắc tối.
Đoàn cứu-quốc theo Vua vào đất đế,
Nét võ vàng nhưng mắt dũng tia sao.
Trên kỳ-đài cờ nước lại bay chào,
Cung-điện thánh dậy lời ca chiến-sĩ.

NGUYỄN HUY-TƯƠNG

(trích trong tập Nhất điểm linh đài)

1) *Tiên quân và Trung quân.*

Sớm nay xuân-ý đượm non sông:
Hạt móc, đêm qua tơ nhện lồng,
Từng chuỗi, rung-rinh muôn ngọc trắng,
Long-lanh khởi sắc một vườn hồng.

Lầu trang xuân-nữ cuốn rèm châu,
Hớn-hở trông xuân mỉm miệng chào,
Môi đỏ nở như hoa thắm đỏ,
Tay ngà dang đón gió đông vào.

Mái tây giục-giã tiếng oanh vàng,
Một sớm lòng thơ động xốn-xang.
Cau biếc lá tơ phe-phẩy quạt,
Ngâm câu « thiếu-nữ khuyến tân-lang ».

Đâu đây dóng-dả tiếng ngâm cao,
Hẳn một thi-nhân thơ dốc bầu!
Trông bây liễu gánh tơ xa lại,
Dệt bức tranh xuân dựng mé cầu....

Lại nhớ xuân nao, xanh mái đầu,
Bên hồ tơ liễu bện duyên nhau,
Tóc mây người đẹp, bên cầu đứng,
Vấn lại tơ vương: mấy đoạn sầu.

Một vùng hoa tuyết xóm Mai-trang,
Gậy trúc lần theo bước Võ-lăng,
Vớm hỏi Đào-nguyên đâu cõi thọ,
Lão-ông râu tóc bạc như sương.

Phòng khuê chinh-phụ sầu mang mang,
Buộc mảnh tâm-thư thắt vội vàng,
Gửi cánh chim câu về ải Bắc
Cho người chiến-sĩ chốn sa-trường.

Mảnh lòng vương gió, sợi tơ lay...
Mây hỡi vì chim tránh lối bay,
Non hỡi cúi đầu không vướng cánh,
Chàng ơi, xuân đã đến hôm nay!

Hôm nay cách thẳm mấy quan-san,
Sát khí chân giời khói chửa tan.
Gối kiếm nằm sương, trang rỗ-bóng,
Ánh hồng nay có điềm chu-nhan?

Phấn son chinh-phụ lãng buồng nhang,
Ngõ cũ đào-hoa lẳng nhạc vàng.
Chiến-sĩ ghìm cương nơi ải ngoại,
Trông về cố quận: bóng mây sang...

Lão-thân tóc đã bạc như mây,
Tuổi hạc xuân qua ngày một ngày.
Vợ trẻ phòng xuân lau hạt lệ,
Con thơ đuổi bướm ngoài thư-trai.

Thề noa gia sự, gánh cương-thường,
Nợ nước, ơn vua, nghĩa vụ mang.
Bai vọng quay về nơi cửa khuyết,
Chúc muôn xuân cõi non sông trường.

Vườn quê con trẻ vẫn nô cười,
Đuổi bướm tung-tăng chạy khắp nơi,
Đâu biết non sông màu sắc mới,
— Bên thềm pháo nổ, vội bưng tai.

Xác pháo như muôn hoa lịch đào,
Phòng lan mở rộng cánh hoa vào.
Người đi hẹn buổi hoa đào nở,
— Hoa nở, ngày về có nhớ nhau?

NGUYỄN ĐAN TÂM

Tiểu thuyết XUÂN

của KIỀU THANH QUẾ

Tặng giáo sư Nguyễn Lương Kiết, người bạn vong niên cô độc sống một cuộc đời rất thanh đạm
K. T. Q.

Xuân nhựt khứ đa vô hạn hận,
Cựu đường mai lạc, nguyệt mông lung...
(Cổ thi)

Dịch nghĩa :

Ngày xuân qua, biết bao niềm hận,
Thềm cũ mai rơi, bóng nguyệt mờ...

KÌA chị Mai! sao chị cứ có vẻ mặt âu-sầu ấy. Em trông ảm-đạm làm sao!...

Mai, một thiếu phụ trạc 30 tuổi, đẹp kín-đáo, dịu-dàng nhìn em, khẽ nhếch một nụ cười :

—Em Lộc! chị có buồn-rầu điều chi đâu. Vẻ mặt chị bao giờ cũng như bao giờ...

— Nghĩa là không bao giờ vui tươi được?

Lộc đón lời chị như thế, rồi cả cười. Chàng trông hiền hậu như chị. Và một vài nét đau-khổ vạch rõ trên gò trán cao của chàng.

Ngày Mai bị chồng mê vợ bé ruồng bỏ, chính là ngày Lộc được bổ làm thày giáo dạy tại Bình-thủy, thuộc tỉnh Cần-thơ.

Mai bồng con về ở với em.

Hai chị em mua nhà ở gần chùa Minh-sư — ngôi chùa cổ thờ Thủ-khoa Nghĩa.

Lộc đi dạy, Mai ở nhà thế vai nội-trợ cho em. Mai đã biểu Lộc lấy vợ nhiều phen. Nhưng Lộc chưa làm theo ý chị. Có lẽ chàng chưa tìm được người ý hiệp tâm đầu. Nhưng cũng có lẽ vì chàng quá thương mến chị, chẳng nỡ đem một người đàn bà thứ hai vào gia đình; sợ lỡ người ấy có tánh lăng loàn thì mất cả tình chị em.

Mai, Lộc mồ côi mẹ từ ngày bé; và gần đây lại mất cha luôn. Đôi tình huyết nhục ấy vì thế càng dễ cùng nhau khắn-khít.

Nhứt là ngày Mai quá đau khổ về đường chồng con tới nay, nàng muốn tìm yên ủi bên cạnh đứa em trai yêu quí; mà mỹ ý của Lộc cũng không đi xa sự muốn làm vợi bớt nỗi khổ tâm cho chị bằng sự trìu mến của mình.

Chiều hôm nay, một chiều cuối xuân : Mai, Lộc bắc ghế ngồi đối diện ngoài vườn vắng. Chị em cùng nhau thủ-thỉ nỗi niềm tâm sự. Trong lòng Mai, con nàng — em bé Xuân — nói ba hoa một lúc, rồi thiu-thiu nhắm mắt. Giấc ngủ như cánh bướm bay, theo gió chiều đến đậu ngon lành trên đôi mi mắt em.

Xuân không mấy lúc rồi ngủ say.

Vì gió chiều hiu-hiu....

Mai rụng!...

Hoa mai nở vàng cả một khóm vườn, lìa cành bay tơi-tả... Như những đóa anh đào xinh-xắn bên xứ Phù-tang tam đảo, mỗi độ xuân về, theo chiều ngọn gió núi Phú-sĩ lượn lả-đà, rồi rớt xuống mặt đất rất êm-đềm!

Tức cảnh, Lộc se-sẽ ngâm hai câu thơ Đường :

... Lạc hoa tương dữ hận,
Đáo địa nhứt vô thanh (1)

Mai mỉm cười :

— Sao lại « *Lạc hoa tương dữ hận* » ? Hoa rơi mà cũng não-nùng sao, em ?

— Thưa chị, Lộc đáp, cổ-nhân bảo nào có sai. Hoa rơi, trông não-lắm chớ. Nhứt là hoa mai ! . . .

— Ồ hoa mai ! Hoa mai thì sao, em ?

— Hoa mai rơi, trông não-nùng hơn cả hoa nào hết. Vì nó rơi nhẹ như một nỗi buồn-rầu chĩu man-mác xuống lòng ta. Kìa ! chị xem : mai rụng ! Mai rụng trong một chiều mộ xuân. Thật còn ảnh-tượng nào não-nuột hơn ! . . Những ngày cuối xuân mang lại cho ta viễn tượng một cuộc đời tàn-tạ ; thế đã gieo nỗi ngao-ngán trong thâm tâm ta rồi. Vậy mà hoa mai còn rơi rụng để vẽ rõ thêm cảnh tan-tác trong trí não ta.

Mai thở dài . . . Lộc ôn-tồn bảo chị :

— Mai chị, đời người rồi để tan-tác như cánh hoa mai. Em khuyên chị cho quá hận ngày xanh, nay sầu tuất, mai u hoài, cho má đào chóng phai nhạt.

Mai giọng tràn nước mắt :

— Chị vui làm sao được, em ? trong lúc chị thấy lòng chị hãy còn yêu Hải — con người tệ bạc : và thâm tâm chị hãy còn oán ghét Hằng, đứa bạn gái phản chị và đẹp hơn chị nhiều quá ! . . .

Lộc đột lộ hẳn sắc giận :

— Hằng đẹp à ? Không đâu ! Hằng không đẹp bằng chị đâu. . . . Chị đừng cô cãi ! Chị đưng tưởng Hải không yêu chị mà yêu Hằng vì Hằng đẹp hơn chị. Hải không yêu chị, đó là câu chuyện của bộ óc thẩm-mỹ kỳ-dị của anh ta. Còn sắc đẹp chị, chị Mai ! em quyết rằng hơn sắc đẹp Hằng nhiều lam. Hằng đẹp sung túc theo phương-diện Tây-phương. Chị đẹp thướt tha như mỹ-nhân Tàu. Hằng là đoa hải đường. Chị là hoa mai. Hằng la Dương Quí-phi, Chị là Giang Mai-phi. Anh Hải là Đường Minh-hoàng. Hải cũng như Minh-hoàng. Minh-hoàng giống Hải, cả hai người đàn ông ấy hãy còn thô-tục lắm : họ chỉ đủ tư-cách chơi hải-đường, chớ chưa đạt đến được sự thanh-cao của kẻ chuyên hoa mai. Chị Mai ! hoa mai là chị thì hơi mảnh-dẻ. Còn Hằng, hải-đường, thì dồi-dào xương thịt Hải-đường tuy có nồng-nàn, nhưng thanh-nhã sao bì hoa mai ! Hải-đường chỉ được có sắc. Mai hoa kiêm cả sắc lẫn hương !

Hơn nữa, mai hoa nở đầu tiên hoa, vào mùa đầu các mùa ; là hoa khôi của hoa quốc ! Hải-đường nở giữa mùa hoa, may ra chỉ đáng làm vị tuy khách trong hoa trường thôi. Mùa xuân, hoa mai nở : chưa có ong, vắng bóng bướm. Thời-kỳ hải-đường mãn khai, ong bướm dập-dìu !... Mai hoa chuộng nước sạch, thích trang non. Hải-đường chịu để mưa sa gió tạp ! Hoa mai hợp với tâm-hồn tao nhã mặc khách. Hải-đường là sở thích của bọn thô-bỉ say-sưa. Đường Minh-hoàng là ông vua của tửu sắc ; thảo nào chẳng trọng hải-đường hơn hoa mai ! Nàng Dương Thái-Chân (tức Dương Quí-phi) nằm ngủ trưa, được Minh-hoàng âu-yếm bao rằng : hoa hải đường còn ngủ chưa đủ sao ?

Minh-hoàng sủng ái Dương Thái-Chân, vội ruồng bỏ nàng Giang Thái Tần — người cung phi ngày trước mình, vì trọng tánh yêu hoa mai của nàng, đã tặng cho nàng mỹ hiệu « Mai phi » — Mai-phi ! Cái tên mới nhu đẹp làm sao ! Nhưng cảm thương cho nàng ! Nàng thật là một khách mà hồng mạng bạc.

Mai cảm-động, giọng nhòe nước mắt, hỏi :

— Đời nàng rồi ra sao, em ?

— Thưa chị, đời nàng rồi còn khốn nạn hơn đời Dương Quí-phi nữa. Dương Quí-phi chết, còn có thi-sĩ Bạch Cư-Dị đời Đường lải

thiên *Trường-hận ca* than tiếc. Cớ sao Giang Mai-phi từ trần, vùi nông tấm thân nghìn vàng dưới gốc mai tàn tuyết phủ, lại chẳng có tay thiên cổ kỳ bút nào viết nên một khúc Trường sầu?

— Em Lộc! chẳng ai viết, thì em cứ viết bằng miệng khúc Trường sầu ấy để cho chị nghe đi. Chị muốn rõ tường tận đời gian-truân của kẻ hồng-nhan ấy, có cái tên hiệu giống-giống với tên chị.

Lộc đọc được sự hiểu kỳ bộc-lộ trong đôi mắt chị, lấy giọng kể chuyện, thuật:

— Mai-phi người đất Phủ-điền, con cưng viên y-sĩ Giang Trọng-Tốn. Mai-phi thông-minh tót chúng: lên chín tuổi, đã đọc được hai thiên *Thiệu-nam*, *Chu-nam* trong kinh *Thi*. Nhứt là nàng rất thích các thơ trong thiên Chu-nam, như thơ *Cát đàm* chẳng hạn. Vì thơ nầy ngợi khen đức tánh của một bà hậu-phi mà nàng ao-ước ngày sau được trở nên.

— Em có thể đọc cho chị nghe một bài thơ *Cát-đàm*, để chị dễ lãnh-hội không?

— Em nhớ được hai bài thơ *Cát-đàm*. Vì hai bài này được thi sĩ Tản-Đà diễn quốc-văn. Em bởi thích bản dịch của Tản-Đà, nên em thuộc bản dịch trước. Sau rồi, em mới bỏ chút ít thời-giờ học thuộc lòng nguyên tác.

Sách mới
TRIẾT HỌC **NIETZSCHE**
của Nguyễn đình Thi giá 1p.95
Một triết lý của nghệ thuật. Một luồng mắt nhìn vào tương lai loài người
Đã phát hành
TRIẾT HỌC KANT
156 trang — giá 1 $ 50
VÀNG SAO *của Chế lan Viên*
trong « Tủ sách đẹp » giá 2 $ 50
Nhà xuất bản **VĂN VIỆT**
49, Takou — Hanoi

— Vậy thời càng hay, em cứ đọc cho chị nghe cả bản dịch và nguyên tác.

Lộc đằng hắng lấy giọng, ngâm trầm-trầm như bạn nầy chàng ngâm hai câu thơ Đường:

— Ngôn cáo sư thị:
Ngôn cáo, ngôn qui.
Bạc ô ngã ty,
Bạc cán ngã y,
Hạt cán, hạt phủ,
Qui ninh phụ mẫu.

Tản Đà dịch nghĩa:

Ta lên ta nói thưa Thầy,
Nói thưa quân-tử hôm nầy về quê.
Soạn xem các áo mặc về,
Áo nào giặt kỹ hay thì giặt qua.
Ta đem ta giặt áo ta,
Về thăm cha mẹ ở nhà bình-yên.

Thơ nầy nói bà Hậu-phi muốn về thăm cha mẹ, phải nhờ bà Thầy xin phép giùm với chồng — tức là vua Văn-vương.

Nhưng bà Hậu-phi thời bấy giờ chẳng những yêu chồng, sợ chồng, thôi đâu, bà còn đảm-đang cả công-việc thủ công trong nhà chồng, như người đàn bà thường dân khả kính:

Cát chi đàm hề
Thi vu trung cốc,
Duy diệp mịch-mịch.
Thị nghệ, thị hoạch,
Vi hy, vi khịch:
Phục chi vô dịch.

Tản Đà dịch nghĩa

Giây sắn bò lan trong hang.
Xanh um lá sắn lại càng dầy giây.
Cắt giây làm vải, ta may:
Nhỏ to càng mặc lâu ngày càng ưa.

(Còn nữa)

KIỀU-THANH-QUẾ

1) *Lược dịch:*
... Não nùng như cánh hoa rơi!.
Rơi trên mặt đất tả tơi êm đềm...

Tết năm Mậu-thìn

(Tiếp theo trang 8)

xuân ấm áp, sắc xuân dịu-dàng. Các ngài cùng nhau đi viếng châu-thành Sài-gòn có những công-sở, cửa hàng lạ mắt, đi thăm vùng ngoại-ô có đồng ruộng bao-la bát-ngát, vườn cây trái trù-mật sum-sê.

Cuộc phiếm-du giữa những ngày xuân ấy chắc đã đem lại cho các quan ta nhiều thiện-cảm với đất Đồng-nai Gia-định và giúp các ngài thấy rõ cảnh thái-bình an-lạc của con dân. Những điều nhận xét đó may ra sẽ có ít nhiều ảnh-hưởng đến cuộc bàn-cãi đang tiến-hành.

Về phần dân-chúng Nam-kỳ, trong dịp tết năm Mậu-thìn nầy, được may-mắn đón tiếp những vị thượng-quan tự kinh-thành vào lo việc nước, ắt hẳn trong trí họ có nhiều suy-nghĩ và nhơn đó thêm được một vài đầu-đề cho câu chuyện ngày xuân.

Vả lại, sự giao-thiệp êm-ấm đầy nhã-độ giữa hai phái-bộ Pháp-Nam đã gây được nhiều cảm tưởng tốt trong nhơn-dân và hứa-hẹn một tương-lai êm đẹp.

Trong khi các quan Việt-Nam tạm ngụ nơi dinh xưa của ông hoàng Cao-mên Phra-kéo-pha (?), chiếc tàu «Ville de Huế» được đem vào công-xưởng của Hải-quân Pháp ở Sài-gòn sửa chữa và chất than.

Đến ngày 24 tháng giêng ta (17 Février 1868), sứ-bộ Việt-Nam xuống tàu «Ville de Huế» dời bến Sài-gòn trở về Đế-khuyết sau một tháng tròn vào Nam vì quốc-vụ.

KHUÔNG-VIỆT

1) *Courrier de Saigon n° 2, 20 Janvier 1868.*

2) *Chúng tôi tìm chưa ra tên chữ Hán của chiếc tàu này. Bạn đọc nào hiểu rõ xin vui lòng chỉ bảo. Vạn tạ.*

Tết với thi-nhân

(Tiếp theo trang 7)

Xuân từ trong ấy mới ban ra,
Xuân chẳng riêng ai khắp mọi nhà.
Đì-đẹt ngoài sân chàng pháo chuột,
Om sòm trên vách chiếc tranh gà.
Chi cha chi chát khua giày dép,
Đen thủi đen thui cũng lượt là.
Dám hỏi những ai nơi cố quận,
Rằng xuân, xuân vẫn thế ru mà ?

Ông Tú Xương tả cảnh tết nào pháo chuột đì đẹt ngoài sân, tranh gà om sòm trên vách là thú của trẻ con ; lại những phụ-nữ đi giầy dép khua chi cha chi chát trên hè phố, mà có người nước da đen thủi, đen thui cũng lượt là, súng-sính, vui xuân !

Phải ! Ai chẳng có quyền vui xuân, xuân có riêng ai đâu ! Già, trẻ, nhớn, bé, trai, gái, ai mà chẳng vui xuân ?

Trong mấy ngày tết, có nhiều thú chơi xuân như :

1·) Thú uống rượu :

Chiều ba mươi, nợ hỏi tít mù, co cẳng đạp thằng « Bần » ra cửa.
Sáng mồng một, rượu say túy-lý, dơ tay bồng ông « Phúc » vào nhà.

2·) Thú chơi thủy-tiên. Thủy-tiên là một thứ đủ cả sắc, cả hương. Thi-nhân ta có bài vịnh :

Thiếp ở Bồng-lai mới tới đây,
Hương trời, sắc nước tuyết xinh thay !
Xanh-xanh tóc cuốn cài hoa ngọc,
Cười nụ hoa tươi lắm khách say.

3·) Thú đốt pháo. Nguyễn-hữu-Chỉnh có bài thơ về xác pháo :

Xác không vốn những cậy tay người,
Bao nả công trình tạch cái thôi !
Kêu lắm lại càng tan-tác lắm,
Thế nào cũng một tiếng mà thôi.

4·) Thú đánh đu. Cô Hồ-xuân-Hương có bài thơ chơi đu :

Tám cột khen ai khéo khéo giồng.
Người thời lên đánh, kẻ ngồi trông :
Giai đu gối ngọc khom-khom cật,
Gái uốn lưng ong ngửa-ngửa lòng.
Bốn mảnh quần hồng bay phấp-phới,
Hai hàng chân ngọc ruỗi song song.
Chơi xuân đã biết xuân chăng tá ?
Cọc nhổ đi rồi, lỗ bỏ không.

5·) Thú giải-trí bằng tam cúc :

Tượng tượng xe xe xẻ lẻ rồi,
Sĩ đen, sĩ đỏ chẳng thành đôi :
Đố ai biết ngỗ quân gì kết,
Mã cũng chui rồi, tốt cũng chui.

6·) Thú chơi tổ-tôm :

Bài chạm thành, cuối cảnh phỗng ầm-ầm.
Ngồi thôi chẳng bốc quân rác rảnh,
Cũng có lúc « thông tri » thời bát-sách,
Cũng có khi « bạch định » bốc yêu hồng.
Cất bài lên ông lão đã nằm trong
Không đâu cả gập thông năm bảy phỗng.
Cũng có ván « tôm lèo » chờ rộng,
Vớ phải thằng bạch thủ phỗng tay trên.
Gớm ghê thay ! đen thật là đen :
Sắc như mác cũng thua thằng vận đỏ !
May-mắn nhé, hữu duyên năng tái ngộ
Bĩ cực rồi đến hội thái-lai :
Tiếng « tăm khôi » chi để nhường ai ?
Hết bạch lại hồng thông mãi mãi...
Nào những kẻ tay trên ta ban nãy
Tới bây giờ thầy-lầy dưới tay ta ;
Tiếng hài cao lừng-lẫy khắp gần xa
Bát vạn người ta ai dám đợ,
Thế mới biết tổ-tôm đen có đỏ,
Thời anh-hùng vị ngộ có lo chi !
Trước sau, sau trước làm gì ?

Với ngòi bút mô-tả rất khéo, ông Tú-Xương đã so-sánh cuộc tổ-tôm với cuộc đời bầy bầy xóa xóa, khi thăng, lúc giáng, thành, bại, rủi may, không biết đâu mà lường được.

Vòng trời đất dọc ngang, ngang dọc,
Nợ tang-bồng vay trả, trả vay...

Tri túc, tiện túc ; đãi túc, hà thời túc ?
Tri nhàn, tiện nhàn ; đãi nhàn, hà thời nhàn ?

(Biết đủ tức là đủ ; đợi đủ, biết bao giờ đủ) ?
(Biết nhàn tức là nhàn ; đợi nhàn, biết bao giờ nhàn ?)

Vậy, gặp ngày xuân, ta cũng tạm cho là đủ, là nhàn, mà cùng xuân vui vẻ, vui xuân vui lấy kẻo hoài...

NHẬT-NHAM

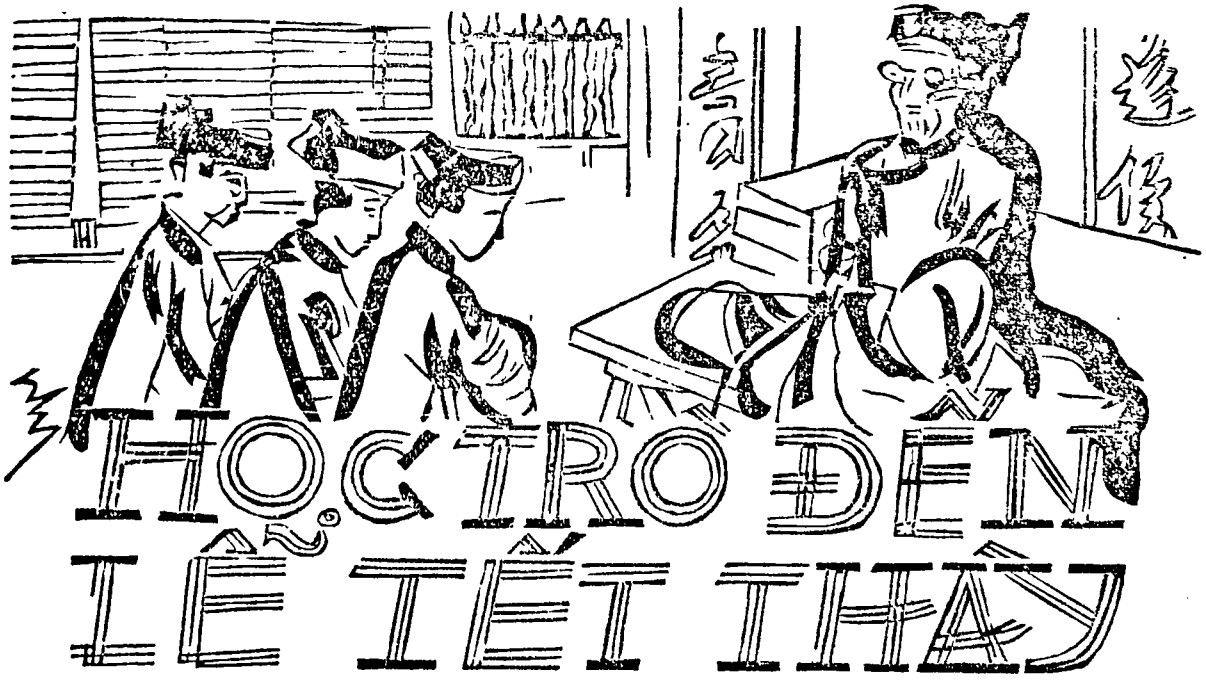

Truyện ngắn của CHU THIÊN

Mồng một thì ở nhà cha,
Mồng hai nhà vợ, mồng ba nhà thày.

SÁNG ngày mồng ba tết, tất cả học-trò đều đến hội-họp ở nhà anh trưởng-tràng, tức là anh Mỹ, con cụ Bá Nhân, người nhận nuôi ông đồ trong năm vừa qua. Họ không đến ngay một lúc, thành một bọn, họ lục-tục đến. Có người hôm qua đã đến mừng tuổi cụ bá rồi, hôm nay chỉ đến không và chào hỏi qua loa... như thường. Nhưng phần nhiều là những người chưa đến. Họ để hôm nay đi một thể. Nên họ mang theo cau, rượu, hoặc hậu hơn nữa, thì ít cam chanh, cam đường hay chanh-niên, phật-thủ làm lễ mừng. Vừa vào đến cổng, con chó sáng chưa kịp sủa, mỗi người đã bắt tiếng nhanh-nhảu nói đại khái như vầy: — Năm cũ đã qua bước sang năm mới, xin bái chúc cụ ông, cụ bà sống lâu, giầu bền, tốt tài sai lộc bằng năm bằng 10 năm ngoái, con cháu đề đa, cả nhà phúc ấm...

Rồi họ lại chúc cả Mỹ:

— Chào bác cả, xin chúc bác sang năm nay học-hành tấn phát, ứng thí đăng khoa, vinh hoa gấp bội và bác gái sinh 5 đẻ bẩy, những con tốt lành, nối gót khoa danh.

Cả Mỹ lại vui vẻ đáp:

— Năm mới chào bác, xin chúc bác năm nay học hành tiến tới gấp trăm gấp nghìn năm ngoái, và sở cầu như ý, sở nguyện tòng-tâm...

Một người bạn nói xen vào:

— Bác cả chúc thế mà ý-tứ lắm kia đấy! Bác ấy chúc « *sở cầu* như ý, sở nguyện tòng-tâm » là mong cho bác chóng thành gia-thất đấy. Cái món xôm Đình ấy mà...

Một người khác nói:

— À ra bác cả chúc cho bác *Tiểu đăng khoa* rồi đến *Đại đăng-khoa* đấy.

Cả bọn cùng cười. Rồi họ lại chào hỏi nhau, chúc mừng nhau ồn-ào cả trong gian nhà dán đỏ se câu đối. Và cứ như thế kéo dài mãi.

Một lúc sau mấy mâm cỗ bưng lên, cụ bá ung-dung lên, xoè hai bàn tay ra mời:

— Năm mới mời các thày nếm bánh lấy may, ăn đi cho chắc dạ rồi còn đi kẻo muộn.

Ai nấy đều răm-rắp ngồi vào uống rượu và ăn bánh không đợi đến lượt mời thứ hai vì lệ ngày tết như vậy, không ai được từ chối, từ chối tức là mất cả sự may mắn của hai bên. An uống xong rồi, cụ bá giục cả bọn sắp sửa ra đi!

— Lễ vật đủ rồi, các thày cất cử nhau mà đi. Các thày nên nhớ rằng thày đồ này hay ra câu đối « *bơi thử* » học trò kia đấy. Liệu những người nào chậm nên ở nhà, để cho các người mẫn-tiệp đi thì hơn.

Thấy cụ bá nói thế, cả bọn đều đâm hoảng thành ra cắt cử mãi mới được tám người chịu đi.

Một cái quả trong đựng một buồng cau, một chai rượu cúc, hai chục cam đường hảo-hạng do một tên *đầy-tớ* đội đi. Còn tám người được cắt cử lần-lượt theo sau. Mỗi người đều phải đăm-đam nghĩ đến cái xứ-mệnh của mình thay mặt cả trường để lên mừng tuổi thày và chịu ứng đối với thày làm sao cho chôi chầy câu chuyện đầu năm. Nên không ai nói câu gì. Cả bọn cứ lặng-lẽ đi. Giời mưa phùn, lay phay như những hạt bụi nhỏ tung bay. Gió bấc thỉnh-thoảng lại rào-rào thổi. Cây cối mơn-mởn nhưng rũ-rủ đượm đầm-đìa những hạt mưa đọng trên lá trông ông-ánh tựa hạt ngọc trai. Đường đất quằn-quèo bên ruộng lúa chơn, chơn như mỡ. Cả bọn phải đi sát gần lại nhau, nói chuyện cho quên chơn, quên nhọc và quên lo...

— Khéo đấy, hễ anh nào ngã là nguy to, rông xuốt nam, và sẽ không đối được câu đối !

— Ấy không đối được thì rông cả năm đấy ! Tôi bàn câu này nhé :

— Được anh cứ nói xem nào !

Mấy người đều nói vậy và tiếp theo :

— Nhưng đường chơn lắm, khéo đấy, không cứ hếch mồm lên mà nghe lại thượt chân đánh oách một cái thì khốn. Nào anh nói đi.

— Tôi bàn hễ thày ra câu nào khó quá, anh nào nghĩ được trước phải nhắc ngay nhé. Đừng có ích-kỷ mà để chôn trong bụng đấy.

— Ai chả muốn vậy, nhưng sao thày cho nhắc kia chứ, thày đã *bói thử* từng người kia mà !

Cả Mỹ cười nói :

— Thôi gần đến nơi rồi, các anh đừng lo quần nữa. Từ cổng làng kia vào đường làng lát đá đỡ chơn. Thầy đã *bói* thì ta cũng *bói*, xem nam này rồi ra thế nào, chứ việc gì mà lo.

Phải đấy, bác cả bảo phải, mình cũng bói chứ lại, thế thì không cần phải nhắc nữa.

Cả bọn đã đề chân lên đường

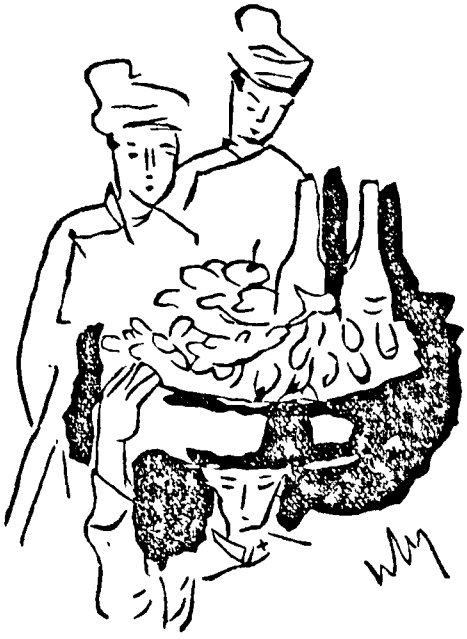

làng, đi thong thả trên những hòn đá đạc chịt bùn lầy. Đi một quãng, quặt vào một ngõ ngang tiến đến một đầu ao quành sang một lối nhỏ là vào cổng nhà ông đồ Trí. Ông đồ là một tay khá giả trong làng, nên cũng có một cái cổng gỗ trông ra ao, hai cánh gỗ dán hai tờ giấy đỏ đề một bài thơ tứ tuyệt vịnh cảnh mùa xuân. Cả bọn đều đứng lại đọc qua bài thơ. Bác cả Mỹ xuống cầu rửa chân trước, và bảo anh em :

— Ta rửa chân xong, rồi sắp sửa cùng vào, anh nào mau mồm mau miệng thì cho đi trước đỡ anh em. Tôi cử anh Bích.

Bích vội rẫy-nẩy lên nói :

— Cái ấy tôi chịu, xin nhường bác cả. Ông trưởng tràng phải dẫn đầu anh em chứ.

Và cả bọn đều đồng thanh cắt cử cả Mỹ, cả Mỹ đành phải nhận vậy và đủng-đỉnh nói :

— Được các anh em đã bảo, tôi xin vâng, nhưng có sơ-suất điều gì, anh em lượng thứ đi cho. Nào ta vào, quả cho đi trước đi.

Mỗi người vuốt phẳng lại tà áo, nắn lại nếp khăn, rồi bước vào cổng đi thành hàng dài. Qua cái vườn chè, và cau, cả bọn bước vào sân gạch và đã bắt đầu chào :

— Lậy cô ạ !

— Lậy cô ạ !

— Bẩm lậy cô ạ !

— Lậy thày !

— Bẩm lậy thày !

— Bẩm lậy thày !

Cả bọn chào xong bước vào nhà. Cái quả đặt xuống giường, cả Mỹ mở nắp ra, để ngay chai rượu cúc lên, và bày gọn buồng cau và hai chục cam lại, rồi đứng chắp tay nói :

— Bẩm thày, năm cũ đã qua, bước sang năm mới, anh em chúng con gọi là có chút lễ mọn trước là lên lễ Tổ, sau lễ mừng tuổi thày, cô và bảo quyến tốt tài sai lộc, giầu bằng nam bằng mười năm ngoái, sĩ-tử các nơi mộ danh nghìn rầm đội nip theo đến rất đông...

Cả Mỹ ngừng lại lấy giọng nói tiếp :

— Chúng con . . . khó . . . có lòng xin thày cho phép.

Ông đồ ngồi ung-dung trên giường rung đùi nói :

— Được.

Anh trưởng-tràng bưng quả lễ đặt lên bàn thờ ở gian giữa. Ông đồ đứng lên thắp một tuần hương. Đợi những nén hương đã đều vút khói thẳng tắp lên cao và ông đồ đã lại ngồi chễm-chệ ở giường rồi, bọn học trò mới bốn người một hàng vào lễ bốn lễ trước bàn thờ.

Đoạn cả tám người lại đứng chắp tay trước mặt ông đồ. Cả Mỹ nói :

— Bẩm thày, tết năm mới, anh em chúng con lấy đầu làm lễ bái chúc thầy, xin phép thày cho anh em chúng con mời cô ra đây để chúng con cùng lễ mừng để tỏ lòng trong mộ sư đạo . . .

Cả Mỹ ngoảnh lại bọn anh em nói tiếp,

— Anh nào chạy xuống mời cô lên đi . . .

Ông đồ lúc ấy mới nghiêm-nghị nói :

— Thôi, cô miễn cho các anh, vì cô còn bận.

Cả Mỹ lại nói .

— Anh em chúng xin dâng hai lạy chúc mừng thày thọ-khảo vô cương.

Rồi cả bọn đứng làm hai hàng cùng sụp xuống lạy hai lạy xong đứng ngay ngắm chắp tay vái. Ông đồ, nét mặt vẫn nghiêm-nghị, thản-nhiên nói :

— Tôi cũng chúc cho tất cả các anh sang năm nay văn hay chữ tốt, học một biết mười và mau đỗ đạt.

Nói xong ông chỉ tay vào rẫy phản kê ở cùng gian liền đấy và bảo mọi học trò :

— Các anh ngồi chơi !

Ai nấy đều rón-rén ngồi xuống. Ông đồ gọi người nhà mang bình nước nóng lên, rồi tự tay ông thân rót ra tám cái chén bầy trên cái khay gỗ. Rót xong ông lại ủ tay vào bọc và bảo học trò :

— Nước đây các anh, anh Mỹ bưng lại này !

Cả Mỹ đứng lên bưng khay nước lại phản. Nhưng ai nấy còn đang nơm-nớp lo cho cuộc bói thử bằng câu đối, nên họ quên cả dùng nước. Ông đồ phải nhắc :

— Uống đi các anh, không lại nguội !

Lúc ấy họ mới vội vàng cầm đến chén, và miệng nói :

— Thưa thày con xin có phép nước thày.

Rồi họ để lên môi uống nhắp giọng như người uống rượu. Một đứa bé bưng đĩa giầu tự nhà dưới đi lên, đặt ở giường ông đồ. Ông thò tay gión lấy một miếng, sé vỏ cau đi, mở miếng dầu quệt bớt đi ít vôi, rồi cuộn cả lại bỏ vào mồm nhai ngoau-ngoáu. Đoạn ông đun đĩa giầu ra mé giường liền với phản. Ông nói :

— Giầu đây, các anh, uống nước đi rồi ăn giầu.

Sau đấy, ông mới nói chuyện qua với học trò về tết, nhất, về giời rét mướt, về cách đón tiếp chúa xuân của các cụ ngày trước. Sau cùng ông vui vẻ tiếp :

— Tiếc hôm nay xấu ngày, giá không thày trò ta cùng khai bút cho vui !

Nói rồi ông đứng giậy đi ra hè nói với xuống dưới nhà :

— Quá trưa rồi cho rượu bánh lên đây !

Được lúc thày ra ngoài, bọn học trò thì thầm nói chuyện với nhau :

— Có lẽ hôm nay thày quên bói thử ?

— Thày để cho chúng mình ăn xong rồi thày mới khảo !

— Chửa khai bút thày không ra đâu !

— Không tại chúng mình đi nhiều quá, thày không có thì giờ ra đủ tám câu đối.

— Phải đấy ! Ra chúng mình đi nhiều có lợi.

Vừa lúc ấy, ông đồ trở lại với hai người bưng hai mâm cỗ đem đặt thẳng hàng ở giữa rẫy phản. Ông đồ tươi cười nói :

— Năm mới, các anh đã có lòng lên mừng tuổi thày. Vậy các anh ngồi vào mâm uống chén rượu nhạt với thày cho vui. Bốn anh một mâm, ngồi vào. Còn anh gì đội quả kia xuống nhà ngồi với các cậu. Thôi các anh rót rượu uống đi.

Cả Mỹ đứng dạy chắp tay toan nói. Ông đồ vội xua tay bảo :

— Thôi được rồi cứ ngồi vào. Ngày xuân thày cho phép uống rượu cho vui.

Bọn học trò lại cử cả Mỹ xuống nhà dưới mời rượu cô đồ. Cô đồ vội đon đả lên ngay tươi cười nói :

— Mời các anh uống rượu ăn bánh lấy may, nhà thày thanh bạch chả có gì, chỉ có ít bánh chưng luộc *rền*, các anh chiếu cố ăn no như ở nhà là vui. Còn ăn cơm nữa kia.

Cả bọn đồng thanh nói :

— Bẩm cô, vâng ạ !

Rồi họ đứng cả dạy nói tiếp :

— Anh em chúng con xin thất-lễ rượu thày, xin thất lễ rượu cô, mời các cậu đằng ấy lại mời rượu.

Các cậu đây là mấy đứa con cháu nhỏ của ông đồ đang chơi ở ngoài sân.

Lúc ấy họ mới ngồi xuống bắt đầu uống rượu. Ông đồ ung-dung ngồi dung đùi ở trên giường, thỉnh-

thoảng ông lại giục bọn học trò cứ ăn thực thà cho no đừng có *làm khách* mà nhịn đói. Bọn học trò thấy ông vui vẻ thân mật như vậy, tưởng ông đã bỏ cái lệ bói thử bằng câu đối đi.

Nhưng không! Khi ai nấy đã bỏ đũa bát và mâm đã cất xuống rồi, ông đồ tự tay rót cho mình một chén nước chè nóng, rồi đưa bình nước cho cả Mỹ và nói :

— Các anh rót nước uống đi. Rồi nhân ngày xuân các anh đã đến đây mừng tuổi thày, thày muốn ghi nhớ lấy cái hảo-tâm của các anh và thử xem tâm-chí các anh năm nay ra sao, nên thày nhờ các anh cùng tức cảnh một bài thơ *vịnh xuân*, tám anh, mỗi anh phải làm một câu, theo thứ tự ngồi ở mâm, bắt vòng quanh từ hàng bên phải sang hàng bên trái. Lấy vần *xuân*. Hễ chén nước này hết khói là các anh phải đọc. Cũng là một cuộc mua vui các anh cố làm cho hay.

Nói xong, ông đồ đăm-đam nhìn làn khói hơi đang bốc trên mặt chén nước, như đang mải mơ màng hồi tưởng lại lúc thiếu-thời!

Anh Bích lẻ lưỡi khẽ nói với người bên cạnh :

— Thày khôn thật, vừa chóng cho thày mà thêm khó cho chúng mình.

Tiếp anh nói, nói to :

Kìa anh cả Mỹ ngồi đầu làm trước đi, cho chúng tôi theo. Đệ được cái ở cuối hàng bên trái đối liền ngay với anh Cả, chư huynh làm xong hết mới đến lượt đệ.

Rồi im lặng, họ ngồi ngẩn ra nghĩ. Một lúc sau, trông chén nước không còn tị hơi nào, ông đồ mới ngẩng đầu lên quay mặt phía học trò, bảo cả Mỹ :

— Anh Mỹ đọc trước đi, rồi cứ lần lượt, mỗi anh đọc tiếp câu của mình.

Anh cả Mỹ ấm-ẻ nói :

— Thưa thày con đọc :

Muôn đời giời đất vẫn là xuân.

Tiếp đến anh thứ hai đọc :

Mà mỗi năm sang lại một lần.

Anh thứ ba đọc :

Chín chục thiều-quang vừa [chớm nở,

Anh thứ tư đọc :

Một năm sự nghiệp phải mưu dần.

Anh thứ năm đọc :

Non sông sắc thắm tô màu đẹp;

Anh thứ sáu đọc :

Cây cỏ xanh rờn đượm vẻ tân.

Anh thứ bảy đọc :

Vùn vụt quang âm ta phải quý

Anh thứ tám đọc :

Nghìn vàng khôn đọ với cho cân!

Cả bọn đọc xong, ông đồ gật gù với nét mặt thản-nhiên, không khen chê gì vội. Dầu sao cả bọn đều vui-vẻ hiện ra mặt là đã chút hết gánh nặng đi rồi. Trong thâm tâm họ có thể tự hào là nhời thơ không đến nỗi thô cho lắm. Họ lẳng lặng đợi ông đồ lên tiếng. Ông vẫn ung dung nghiêm nghị hắt chén nước nguội đi, và sai rót vào đấy một chén nước nóng. Ông nhấp một ngụm nước rồi truyền :

— Các anh đọc lại!

Anh thứ tám vừa dứt nhời, ông nhắc lại luôn cả sáu câu thơ và hùng-hồn tiếp :

— Anh thứ nhất tính trầm trọng kín đáo, đều đều không tiến mạnh, nhưng không bao giờ chán-nản. Tốt đấy. Anh thứ hai với câu : « *Mà mỗi năm sang lại một lần* », xem ra còn lòng bòng thay đổi nhiều, chí chửa chuyên nhất. Anh thứ ba đương hang-hái với cái tuổi trẻ mới lớn lên, làm gì cũng ham-hở, sớm biết lo toan. Anh thứ tư chín chắn biết thời, dễ thành công lắm, anh ấy hiểu câu « *nhất niên chi kế khởi ư xuân* », nên rồi làm gì cũng thành tựu... Anh thứ năm nhởn đầu nhưng còn trẻ người non dạ, chỉ biết mải thích vẻ đẹp bề ngoài. Đã có chí thế mà biết cố làm cho đẹp ở trong lòng mình nên thì mới quý chứ. Anh sáu thấy cây cỏ đổi mới mà cao hứng cũng muốn đổi mới trong lòng mình, trong hành vi mình thì hay lắm. Nhưng tốt hơn cả, có anh bảy, anh tám, biết quý thời giờ hơn vàng bạc. Rồi ra năm nay hay năm khác, thời này hay thời nào, các anh ấy cũng tiến tới hơn và trở nên người hữu dụng cả. Vua Hạ-Vũ ngày xưa cũng chỉ hơn người ở chỗ biết tiếc thời giờ. Tiện đây, thày lại nhân những vần ấy mà họa lại mừng mỗi anh một câu như thế này :

ANH nhất đều đều tựa cảnh xuân,
ANH hai thay đổi phải nhiều lần,
ANH ba hăm hở lo toan sớm,
ANH bốn khôn ngoan liệu tính dần.
Màu-mẽ anh năm ưa vẻ đẹp,
Sạch trong, anh sáu thích canh tân.
Hai anh bảy tám là hơn cả :
Vàng đọ thời giờ cũng khó cân!

Ông đồ còn nói tiếp :

— Mấy vần nôm-na để mừng các anh và khuyên các anh nữa. Nhưng xưa nay *nhân định thắng thiên* là thường, con người ta hễ có chí định làm gì, nuôi cái tâm mình thế nào, rồi dần dần mọi hành-vi, sử sự hàng ngày cũng đổi theo với cái chí của mình được. Vậy thày mong các anh cứ đặt chí cho cao và cho bền, thì sự nghiệp trong nam và xuốt đời các anh cũng đều sẽ được tốt đẹp...

Bọn học trò lạy tạ ông đồ rồi ra về, ai nấy đều phải phục ông là tinh, đã nom rõ tâm can mình, và đinh ninh ghi nhớ lấy lời ông dặn trong buổi đầu năm này.

CHU THIÊN

Xuân trong thơ chữ hán...
(Tiếp theo trang 5)

thứ hai (1252), chắc mấy người lính già đầu bạc kia còn thuật thêm những chuyện nào tháng 9 năm Đinh-tị, niên hiệu Nguyên-phong thứ bảy (1257) có việc động-binh phòng giữa biên-giới; nào tháng 11 năm ấy (1257) có việc suốt nước sửa soạn khí-giới để chống giặc Nguyên. Qua ngày 12 tháng chạp năm Đinh-tị (1257) chính vua Trần-Thái-tông tự làm tướng, thân đi đốc chiến khi tướng Nguyên là Ngột - lương - hợp - đài xâm-phạm Bình-lộ-nguyên...

Rồi chắc họ lại hăng hái sung-sướng mà tiếp :

— Đến ngày 24 tháng chạp năm Nguyên-phong thứ bảy ấy, vua Trần-Thái-tông cùng thái-tử (Trần-Thánh) ngự thuyền lầu, tiến quân lên Đông-bộ-đầu, đón giặc Nguyên, phá tan được giặc !

— Khi giặc Nguyên trốn về đến Qui-hóa, chúng lại bị trại-chủ là Hà-Bổng đem bọn người mán đánh úp một trận : chúng thua xiểng liểng !

Khi đi tiến-yết Chiêu-lang, vua Trần-Nhân viết câu :

« *Bạch đầu quân-sĩ tại,*
« *Vãng vãng thuyết Nguyên-phong* ».

Chắc chỉ về những chuyện ấy mà bọn lính già đã thuật ?

***

Bây giờ chúng ta thử bước sang mảnh đất văn-chương mà nghe bài « *Xuân văn* » của vua Trần-Nhân làm trong một buổi chiều xuân sau giấc « ngủ xuân chậm-rãi » như ở Ngọa-long-cương của Gia-cát-Lượng :

Thụy khởi, khải song phi,
Bất tri xuân dĩ quy !
Nhất song bạch hồ-điệp
Phách-phách sấn hoa phi...

睡起啓牕扉
不知春已歸
一雙白蝴蝶
拍拍趁花飛

Dịch :

Bừng tỉnh, hé song ra :
Ồ, Xuân đến với ta !
Một đôi bươm-bướm trắng
Vỗ cánh lượn theo hoa...

Trong bài « ngũ tuyệt » (ngũ ngôn tuyệt cú) này vẻn-vẹn có 20 tiếng, thế mà tác-giả đã tả cho ta thấy rõ cái vẻ êm-dịu của hoàn-cảnh, cái khí-độ ung-dung của bậc thần văn thánh võ hoàng-đế, cái tâm hồn khoáng-đạt làng-làng của nhà tu-hành và, hơn nữa, cái cảnh sinh-hoạt đầy thi-vị của trang nguyên-súy trên thi-đàn ở đời Trần toàn-thịnh.

Với võ-trang đề-kháng, làm cho quân Nguyên hai lần đại bại, vua Trần-Nhân ngồi ngắm bức tranh non sông gấm vóc do chính tay mình cùng các chiến - sĩ gian-nan bồi lại, ngài bấy giờ đã thong-dong ngâm câu thơ này bằng giọng khảng-khái :

— « *Sơn-hà thiên cổ điện kim âu* ».

Rồi, Xuân tưng-bừng đến, khoác cho cây cỏ giang-sơn Đại-Việt những tấm áo rực-rỡ xinh tươi.

Nhưng chủ - nhân - ông trong nhà « Đông-a » đầy xuân-sắc ấy, khí-cốt thần-tiên, hoài-bão cao-cả, vẫn như không dự biết đến cuộc minh-thịnh của triều-đình, cảnh thăng-bình của đất nước là những kết quả chính mình đã phải đổi bằng một thứ đại-giá rất cao.

Ngài là bậc « thái thượng vong tình », ngài vẫn sống những mầu đời điềm đạm như một nhà thi-nhân chân-chính hay như một vị đại-đức cao siêu. Ngài thản-nhiên trước cảnh « sang làm đến vua, giàu có suốt cả bốn bề ».

Một buổi chiều xuân — cái xuân thái - hòa đầm-ấm — vua Trần-Nhân, sau nửa ngày nhọc nhằn vì việc quân-quốc, tạm gác mọi niềm tục lự ra một bên, tìm thú êm-đềm trong giấc ngủ xuân không có những cái phấp-phỏng về nỗi móng ngựa giặc Nguyên chả nát luống cày, hay là mũi tên Chiêm-thành lách qua kẽ ngạch. Ngài bình-tĩnh mà ngủ, rồi lại ung-dung mà dậy.

Thì ra, cái Xuân oanh-liệt đáng hát đáng ca đã thình-lình đến với ngài từ bao giờ rồi ấy...

Nhưng Xuân ở đâu ?

Ở bến Chương-dương hay cửa Hàm-tử ? Ở đất Tây-kết hay sông Bạch-đằng ?

Nhìn ra ngự-uyển, ngài chỉ thấy một đôi bướm trắng chờn-vờn tìm hoa... Hoa ấy có lẽ là đa « chiến - thắng » kết tinh bằng xương máu của chiến-sĩ Trần-sơ.

Đứng về phương diện nghệ-thuật, ta thấy bài thơ này rất hay, hay ở chỗ đột-ngột và nhẹ-nhàng. Chỉ dùng hình-ảnh bằng *bướm* và *hoa* mà tả được cái xuân đến với người ta một cách tự-nhiên và linh-động.

Đọc xong bài thơ trên, ta tưởng như đang nhìn vào một bức họa : một vị tiên phong đạo cốt, hết sức tỉnh - táo, đứng bên cửa sổ nhìn ra thượng uyển với vẻ hiền-hậu tươi cười. Một đôi bướm trắng hiểu nhiên bay lượn giữa bầu không-khí thơm-tho, ấm-áp, khoan-khoái, tự-do : Đó là dấu-hiệu báo Xuân đã về với cảnh vật trong vườn hoa Đại-Việt.

HOA-BẰNG

LINH TRĂM THƯ' SÁCH CÓ GIÁ - TRỊ

của nhà xuất-bản : NHẬT-NAM THƯ - QUÁN — HANOI

CÁC LOẠI CHIA RA SAU ĐÂY :

A. — Tiểu-thuyết, B. — Công nghệ, C. — Thể-Thao, D. — Y-học, Đ. — Thần-học, E. — Luân-lý Lễ-nghi, G. — Thương-mại, H. — Mỹ-thuật, I. — Triết-học v. v.

A. — Tiểu thuyết.

Hai bà họ Trưng đánh giặc	1$50
Vua Bà Triệu-Ẩu	1.00
Việt-Thanh Chiến-Sử	0.80
Trần-Nguyên chiến-kỷ	1.50
Hùng-Vương diễn-nghĩa	0.50
Đinh-Tiên-Hoàng	1.50
Lê-Đại-Hành	1.00
Quân-bãi-sậy	0.30
Tiền-Hán diễn-nghĩa	4.00
Đốt cháy chùa Hồng-Liên	4.00
Đông-chu Liệt-quốc	5.00
24 Ng. Anh-hùng cứu-quốc	2.50
Gái anh-hùng	1.00
Minh-sử diễn-nghĩa	0.60
Cô Hàng-hoa	0.30
Hải đường-hồn	0.30
Nước Hồ Gươm	0.20
Tú xuất chơi ngông	0.20
Bạn đời xưa	0.20
Sư hồ-mang	0.30
Tình lụy	0.50
Hoa trôi	1.00

B. — Công-Nghệ.

14 Nghề ít vốn 3$00

Dạy làm các thứ như : đủ các thứ xà-phòng, xì-đạt, mực, hương, trầm, lơ, bột-tạt, cồn dán, đá bật-lửa, si gắn thơ, sáp bôi, dầu thơm, si đánh đồ gỗ (dùng nước lã thay essence !) Mạ các thứ không phải dùng điện v.v.

12 Nghề dễ làm 2$50

Dạy làm các thứ đồ gốm, sành, sứ, gạch, ngói, vôi, ciment (đủ các thứ men) thủy-tinh, tráng-gương, men tráng vàng bạc, ảnh chụp tranh vẽ tráng men lên thủy-tinh, Khung ảnh, khuy áo bằng bột, couleurs, ngòi bút thủy-tinh v. v.

30 Nghề dễ làm 3$00

Dạy làm các nghề như : Làm nến, miến song-thần, kẹo, mứt, rượu mùi, bơ, sữa v. v. (hết đương in lại).

Cơ khí, Kim khí 1$50

Dạy làm các thứ như : Thợ sắt, nguội, vàng, bạc, bạch kim, thiếc, gang, đồng, chì, cùng các máy móc, răng bánh xe v. v.

C. — Thể-Thao

Dạy võ Nhật (đòn hiểm)	1$00
Võ Tây (Ăng-lê)	1.00
Võ Ta (đủ các bài)	0.80

HÌNH PHẠM-LỆ-OANH NỮ SỸ

Tác-giả cuốn « Tình-Lụy »

Trong kho tiểu-thuyết mới của NHẬT-NAM XUẤT-BẢN

CÁC SÁCH KỂ ĐÂY CHƯA ĐỦ.

Mua buôn, lẻ. Thơ mandat đề cho nhà xuất-bản như vậy :

Nhật-Nam Thư-Quán 19 Hàng-điếu HANOI

Võ Tầu số I 0$50, số II 0$50 số III 1$50, số IV 0$60, số V (đánh giản) 0$80 số VI (đánh côn) 1$50, VII (đánh kiếm) 1$50, VIII (đánh đao) 0$80 IX (đánh giáo) 0$80, X (trung binh tiên) 0$80.

Học đấu võ Tầu	0$60
La-hán-quyền	0.50
Lối võ thường dùng	0.30
Môn võ bí truyền song luyện	1.50
Thiếu-lâm quyền pháp chính tông	0.50 v. v.

D. — Y-học (dạy làm thuốc)

Sách thuốc đề phòng và chữa chứng Thương-hàn	5$00
Y-học tùng-thư (in lần thứ 4)	12.00
Chữa đậu, sởi (ban, mùa)	1.50
Chuyên chữa đau mắt	1.50
Sách dạy xem mạch	1.50
Sách thuốc Gia-chuyền K. N.	1.50
Sách thuốc kinh-nghiệm	3.00
Sách thuốc Đàn-bà	3.00
Sách thuốc trẻ con	3.00
Tính dược giẫn-giải	3.00
Sách thuốc Nhật-bản T. H.	2.00
Sách thuốc Hải-thượng L. Ô.	3.30
Tục Y-học (1 à 4)	4.00
Nam-nữ Bí-mật v. v.	1.00

Đ. — Thần Học

Không minh Độn-pháp	1$00
Tử-vi theo khoa-học	1.50
Xem tướng tay lối tây	2.50
Trường-sinh thuật	1.00
Thôi miên học	1.00

E. — Luân-lý Lễ-nghi

Gia-lễ Cẩm-nam (in lần thứ ba) có đủ các lễ cưới vợ, mừng thọ, làm ma, và đề sẵn giấy chép gia-pha v. v. giá 3$00.

Cổ nhân đàm luận v. v. 1$00

Học chữ nho một mình
không gì tốt bằng kiếm quyển

CHỮ NHO HỌC LẤY

cử-nhân
DƯƠNG-BÁ-TRẠC soạn

Giá 1 $ 00 — Cước 0 $ 20
Để cho hiệu sách Đông-Tây
195, hàng Bông — Hanoi
Không gửi lối lĩnh-hóa giao-ngân.

Một quyển sách ai ai cũng cần phải có
— Ấy là cuốn

Gia lễ giản yếu

Có cả các bài văn khấn
Khoản thức biên gia phả
Lại có in sẵn nhiều trang, người nào có quyển này chỉ việc điều gia phả của nhà mình vào
Cử nhân
Dương-bá-Trạc soạn
*
Giá 0 $ 40 — Cước 0 $ 20
gửi bằng tem (cò) cũng được cho hiệu Đông-Tây, 195 Hàng Bông — HANOI

Đã xuất bản

Vàng Sao *Tập thơ không văn của thi sĩ Chế Lan Viên. Một áng văn mà các nhà thức giả phải công nhận là đặc sắc, vượt hẳn tập thơ Điêu Tàn mà chính tác giả cũng tự thú rằng mình đã viết nó với không biết bao là công phu. Sách in toàn trên giấy versé bouffant. Giá 2 $ 50*

TRIẾT HỌC NIETZSCHE
Một triết học tràn đầy nhựa sống. Một luồng mắt nhìn vào tượng lai loài người. Giá 1 $ 95

TRONG 99 CHÓP NÚI
Tả rõ thân thế Đinh nhật Thận với áng văn bất hủ « Thu dạ lữ hoài ngâm ». Giá 1 $ 00

PHÊ BÌNH VĂN HỌC
Một bộ sách nghiên cứu rất công phu về nghệ thuật phê bình. Đã ra quyển I. Giá 0 $ 95

Hãy đọc

CHIỀU BA MƯƠI TẾT
Một thiên tình sử sống của bạn **Đỗ-quang-Tiến** *kính hiến bạn đọc trong dịp xuân Qui mùi. Giá 1 $ 20*

LUÂN TỪNG
Trong « Tủ sách Tân-Việt » Giá 1$50
Lần đầu tìm những vấn đề thuộc về phương-pháp luận được diễn giải một cách rõ ràng rành mạch do một nhà học giả có tiếng tăm.

TRIẾT HỌC EINSTEIN
của Nguyễn đình Thi *Giá 2$30*
Một tia sáng rọi vào sự bí mật vô cùng của vũ-trụ. Chỗ gặp nhau của khoa-học và triết-học để đánh bại thiên nhiên. Bước tiến mới nhất và dài nhất trong tri-thức của nhân-loại.

Sắp có bán

Thi Hào Tagore
Một công trình khảo cứu ngót 400 trang của Nguyễn văn Hai.

Ba Mươi Năm Văn Học
của Mọc Khuê

Phật Giáo Triết Học
của Phan văn Hùm

Triết Học Descartes
Trong « Tủ sách triết học »

Chú ý. — *Hãy hỏi nơi các hiệu sách « Loại sách trinh thám và võ hiệp Tân Việt ». Đã có bán :*
ĐÃ KHÔNG DUYÊN KIẾP (0 $ 80)
THIÊN HƯƠNG (1 $ 15)
ĐƯỜNG GƯƠM HỌ LÝ (0 $ 65)
Sắp có bán
LƯỠI KIẾM HỒNG VÂN

Nhà xuất bản **TÂN VIỆT,** *49, Takou, Hanoi* — *Saigon, Cholon, sách Tân Việt bán nhiều nhất tại hiệu MAI QUANG, 110, G. Guynemer (chợ cũ) Saigon*

ĐÃ CÓ BÁN

THI NHÂN VIỆT NAM (1932-1941)
của *HOÀI-THANH* và *HOÀI-CHÂN*
In lần thứ hai

Tết năm nay anh em nào ưa thích văn-chương nếu chẳng có quyển « Thi-nhân Việt-nam » bên ấm trà sen, đĩa mứt ngọt hay bên mâm đèn. Tết ấy mất phần hứng thú hết năm bảy phần.
Trích báo **Điển-tín** *Saigon*

Hơn 400 trang — gần 40 bức ảnh — Bìa của họa sĩ **Nguyễn-đỗ-Cung**
Giá bán : Loại thường : 4 $ 25, loại bouffant hảo hạng : 7 $, loại versé baroque crème : 20 $ (thêm 0 $ 50 tiền cước)
Có in « prospectus » đăng những lời bình phẩm. Hỏi ở các hàng sách lớn hay ở nhà xuất bản :
Ô. NGUYỄN ĐỨC PHIÊN
Boîte postale 34 Huế

Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng — Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi